Giáo Án Kinh Pháp Cú [Dhammapada Sutta] (Thích Sán Nhiên soạn)

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

2 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Giáo Án Kinh Pháp Cú – Ấn Bản 2011 Sư Sán Nhiên biên soạn (1988) và hiệu đính (2011) Kỳ Viên Tự Tâm Pháp Thiền Viện Jetavana Vihara Saddhamma Meditation 1400 Madison Street Northwest 574 Willow Brook Road Washington, D.C. 20011 Bumpass, VA 23024 Phone: 202-882-6054 Phone: 804-556-6162

Hội Thiện Đức Universal Benevolence Foundation P.O. Box 523582, Springfield, Virginia 22152 USA hoithienduc@gmail.com

Hết lòng trân quí và ghi nhớ ân đức sâu dầy của sư Sán Nhiên đã biên soạn và hiệu đính tập sách này, cũng như đã hoan hỷ cho phép Hội Thiện Đức ấn tống nhằm góp phần vào công cuộc hoằng hóa Phật pháp đem đến lợi lạc cho nhiều người.

Hội Thiện Đức xin biết ơn sự ủng hộ tinh thần và tán thán sự phát tâm đóng góp tịnh tài của quý Phật tử và ân nhân cho công trình ấn tống này. Xin tri ân chị Thân Thục & anh Thân Phúc đánh máy tập sách; anh Thân Hòa trình bày sách bao gồm thiết kế bìa sách; anh Chúc Giới, anh Thiện Tánh, cùng anh Chúc Tùng cung cấp tài liệu và hình ảnh; Tâm Hân Huệ thỉnh ý sư Sán Nhiên; chị Tâm Thiện, chị Chơn Hạnh Bạch, chị Diệu Âm, Thân Hồng, cùng anh chị Lê Lộc (Lancaster, PA) phụ giúp sổ sách, liên lạc, và kêu gọi cho quỹ ấn tống.

Đặc biệt cảm tạ chú Phan Thanh Thu, cô Quỳnh Trâm, Sonny, cùng nhà in CT Printing & Graphics (Silver Spring, MD) tận tâm yểm trợ việc ấn loát tập sách này.

Kính xin đức Phật cùng chư thiên gia hộ và xin nguyện hồi hướng công đức ấn tống tập sách này đến hết thảy chúng sanh đều được sống an vui và có nhiều duyên lành tinh tấn thực tập thiện pháp.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 3

4 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

MỤC LỤC A. Kinh Pháp Cú (Dhammapada) trong kinh tạng Pālī..... 7 B. Ý nghĩa của từ ngữ “Dhammapada” ..... 8 C. Nội dung tổng quát của Kinh Pháp Cú ..... 9 Phẩm thứ nhất – Phẩm Song Yếu ..... 15 Phẩm thứ hai – Phẩm Không Phóng Dật ..... 19 Phẩm thứ ba – Phẩm Tâm ..... 23 Phẩm thứ tư – Phẩm Hoa ..... 27 Phẩm thứ năm – Phẩm Người Ngu .....

31 Phẩm thứ sáu – Phẩm Hiền Trí ..... 35 Phẩm thứ bảy – Phẩm A La Hán..... 39 Phẩm thứ tám – Phẩm Ngàn ..... 43 Phẩm thứ chín – Phẩm Ác..... 45 Phẩm thứ mười – Phẩm Hình Phạt ..... 49 Phẩm thứ mười một – Phẩm Già ..... 53 Phẩm thứ mười hai – Phẩm Tự Ngã ..... 57 Phẩm thứ mười ba – Phẩm Thế Gian ..... 61 Phẩm thứ mười bốn – Phẩm Phật..... 63 Phẩm thứ mười lăm – Phẩm An Lạc ..... 69 Phẩm thứ mười sáu – Phẩm Hỷ Ái ..... 73 Phẩm thứ mười bảy – Phẩm Phẫn Nộ ..... 77 Phẩm thứ mười tám – Phẩm Cấu Uế..... 81 Phẩm thứ mười chín – Phẩm Pháp Trụ ..... 87 Phẩm thứ hai mươi – Phẩm Đạo ..... 91 Phẩm thứ hai mươi mốt – Phẩm Tạp Lục ..... 97 Phẩm thứ hai mươi hai – Phẩm Địa Ngục ..... 103 Phẩm thứ hai mươi ba – Phẩm Voi ..... 107 Phẩm thứ hai mươi bốn – Phẩm Ái Dục ..... 113 Phẩm thứ hai mươi lăm – Phẩm Tỳ Khưu ..... 119 Phẩm thứ hai mươi sáu – Phẩm Bà La Môn ..... 125 Phương Danh Ấn Tống - Năm 2011 ..... 133 Hình ảnh các khóa tu học Phật pháp 135

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 5

6 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

A. Kinh Pháp Cú (Dhammapada) trong kinh tạng Pālī

Kinh Pháp Cú thuộc thành phần Kinh Tạng Pālī. Theo một phân loại, Kinh Pháp Cú thuộc Bộ Kinh thứ năm là Tiểu Bộ Kinh (Khuddakanikāya), đứng thứ hai trong mười lăm tập kinh, thuộc Tiểu Bộ Kinh như sau:

Khuddakapātha (Tiểu Tụng Kinh)
Dhammapada (Pháp Cú)
Udāna (Tự Thuyết Kinh)
Itivuttaka (Như Thị Ngữ Kinh)

Suttanipāta (Kinh Tập)
Vimānavatthu (Thiên Cung Sự Kinh)
Petavatthu (Ngạ Quỷ Sự Kinh)
Theragāthā (Trưởng Lão Tăng Kệ)
Therīgāthā (Trưởng Lão Ni Kệ)
Jātaka (Bổn Sanh)
Niddesa (Nghĩa Tích)
Patisambhidāmagga (Vô Ngại Giải Đạo)
Apadāna (Thí Dụ Kinh)
Buddhavaṃsa (Phật Sự)
Carīyāpitaka (Tiểu Nghĩa Kinh)
Theo một phân loại khác, phân loại tất cả kinh điển Pālī thành năm Nikāya là:

Dīghanikāya (Trường Bộ Kinh)
Majjhimanikāya (Trung Bộ Kinh)
Sampayuttanikāya (Tương Ưng Bộ Kinh)
Aṅguttaranikāya (Tăng Chi Bộ Kinh)
Khuddakanikāya (Tiểu Bộ Kinh)
Tiểu Bộ Kinh này gồm cả Vinayapiṭaka (Luật Tạng) và Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammapiṭaka) cùng với mười lăm tập kinh được đề cập ở trên, và như thế Kinh Pháp Cú thuộc vào Tiểu Bộ Kinh.

Thứ tự và con số 15 tập kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh cũng không được thống nhất.

Các vị thọ trì Trường Bộ Kinh không chấp nhận các kinh Khuddakapātha, Cariyapiṭaka và Apadāna, và phân loại các kinh khác vào Vô Tỷ Pháp Tạng.

Các vị thọ trì Trung Bộ Kinh không chấp nhận tập Khuddakapātha, nhưng chấp nhận các kinh còn lại và phân loại chúng vào Kinh Tạng.

Thay thế tập Cūlaniddha vào Tiểu Bộ Kinh, nên vẫn có mười lăm tập Kinh, nhưng với thứ tự có sai khác như sau:

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 7

Jātaka (Bổn Sanh)
Mahāniddesa (Đại Nghĩa Tích)
Cūlaniddesa (Tiểu Nghĩa Tích)
Patisambhidāmagga (Vô Ngại Giải Đạo)
Suttanipāta (Kinh Tập)
Dhammapada (Pháp Cú)
Udāna (Tự Thuyết Kinh)
Itivuttaka (Như Thị Ngữ Kinh)
Vimānavatthu (Thiên Cung Sự Kinh)

Petavatthu (Ngạ Quỷ Sự Kinh)
Theragāthā (Trưởng Lão Tăng Kệ)
Therīgāthā (Trưởng Lão Ni Kệ)
Carīyāpitaka (Tiểu Nghĩa Kinh)
Apadāna (Thí Dụ Kinh)
Buddhavaṃsa (Phật Sử Kinh)
B. Ý nghĩa của từ ngữ "Dhammapada"

Dhammapada bao gồm có có hai chữ là "Dhamma" và "Pada." Dhamma dịch là Pháp, Pada dịch là câu, cú.

"Dhamma" theo Pālī và "Dharma" theo Sanskrit, là một danh từ rất khó phiên dịch ra ngôn ngữ khác bởi vì có rất nhiều ý nghĩa.

Pháp là chi? Chi cũng là Pháp. Tại sao gọi là Pháp? Do có trạng thái nên gọi là Pháp. Trạng thái ra sao? Ra sao cũng là trạng thái.

Ta phải hiểu theo đoạn văn ở đây, từ ngữ "Dhammapada" là Pháp Cú như thường được dịch, tức là những câu nói về Pháp. Chữ "Dhamma" dịch là Pháp, có nhiều nghĩa là Giáo lý Phật dạy, hay chân thiện, tốt đẹp. "Dhamma" cũng có nghĩa là nguyên nhân hay năng lực đưa đến giải thoát, giác ngộ. Cuối cùng "Dhamma" có nghĩa là Pháp theo nghĩa các sự kiện xảy ra.

"Pada" có nghĩa là bàn chân hay bước chân, cũng bao hàm ý nghĩa tiết mục, đoạn, phần hay đường lối câu.

Vậy "Dhammapada" có nghĩa là những bước chân đưa đến giác ngộ; những đoạn, những phần của giáo pháp, đường lối của Giáo Pháp đưa đến giải thoát.

"Dhammapada" được giải thích là Pháp Cú, tức là câu nói về Chánh Pháp.

8 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

C. Nội dung tổng quát của Kinh Pháp Cú

Không có kinh nào được dịch ra nhiều thứ tiếng như tập Kinh Pháp Cú này. Hầu hết các ngôn ngữ quan trọng trên thế giới đều đã dịch tập Kinh Pháp Cú này, và nhiều tác giả đã xem tập này như một Thánh Thư (Bible) của Đạo Phật.

Tại các nước thuộc Phật Giáo Nam Tông, tập kinh này đã được các vị Sa Di học thuộc lòng.

Kinh Pháp Cú gồm có 423 câu kệ đã được đức Phật đọc lên trong khoảng 300 trường hợp trên đường hoằng pháp kéo dài trọn 45 năm, thích hợp với những tâm tánh khác nhau của người nghe. Chân lý cao thượng nằm trong những kệ Pháp Cú thể hiện rõ ràng giáo huấn có tánh cách luân lý và triết học của đức Phật.

Đức Phật không giảng Kinh Pháp Cú dưới hình thức ta thấy ngày nay. Ba tháng sau khi Ngài viên tịch Níp Bàn, chư Thinh Văn A La Hán tụ hợp lại trong kỳ triệu tập đầu tiên để nghe đọc lại những lời giáo huấn cuả Ngài, rồi kết tập lại thành hai mươi sáu phẩm

như sau:

1. Phẩm Song Yếu (Yamaka vagga): Có 20 câu song đối với nhau. Bao hàm các nội dung đối lập nhau, giữa tốt và xấu, thiện và bất thiện xuyên qua các hành động của chính mình đã tạo và gặt lãnh kết quả từ những hành động tạo tác ấy.

2. Phẩm Không Phóng Dật (Appamāda vagga - Bất Khinh Suất): Có 12 câu, gồm những câu khuyến thiện, nhắc nhở làm việc thiện, tạo thiện nghiệp, luôn luôn giữ tâm ghi nhớ lấy mình, thận trọng hay nên biết mình đang làm việc gì.

3. Phẩm Tâm (Citta vagga): Có 11 câu, gồm những câu khuyên dạy chúng ta nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu, khuyên chúng ta nên hướng tâm về điều thiện và xa lánh những điều bất thiện, hầu đem lại sự an vui cho chính mình.

4. Phẩm Hoa (Puppha vagga): Có 16 câu, lấy hoa làm chủ đề với ngụ ý so sánh hoa với đời sống chánh hạnh của người đệ tử Phật.

5. Phẩm Người Ngu (Bāla vagga): Có 16 câu, nêu lên tính chất của người ngu dại. Theo chú giải, danh từ này có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, Tuệ Minh Sát, Đạo Quả. Như vậy không nên hiểu ngu dại theo định nghĩa thông thường. Ngu dại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, Tuệ Minh Sát, không đi trên Đạo Quả giải thoát, ẩn chứa trong mình ba căn bất thiện là Tham, Sân, Si hằng liên hệ với những việc làm sai lỗi và gặt hái những kết quả không an lành. Với người ngu dại do Vô Minh che án, đức Phật cho biết không thể biết được chân lý cao siêu; do vậy chịu khổ thật lâu dài trong vòng sanh tử luân hồi.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 9

6. Phẩm Hiền Trí (Pandita vagga): Có 14 câu, nêu lên tính chất cao quí của người hiền trí, rất có ích cho chúng ta khi được gần gũi học hỏi với những người ấy, trái ngược với người ngu dại.

7. Phẩm A La Hán (Arahanta vagga): Có 10 câu, gồm những câu nêu lên những đức hạnh của những bậc đã đoạn tận mọi lậu hoặc, đó là bậc "Ứng Cúng - đáng cúng dường", "Vô Sinh - diệt trừ mọi thằng thúc trói buộc trí tuệ và chứng ngộ Níp Bàn không còn tái sanh nữa."

Bậc Tứ Quả A La Hán bao gồm tất cả các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Độc Giác, Chí Thượng Thinh Văn, Đại Thinh Văn và Thinh Văn tầm thường.

8. Phẩm Ngàn (Sahassa vagga): Có 16 câu với nội dung chánh yếu cần nắm bắt là đức Phật khuyến khích chúng ta nên tầm cầu chất lượng tu tập hơn là số lượng trau giồi về phần phẩm tu hơn lượng tu.

9. Phẩm Ác (Pāpa vagga): Có 13 câu, nêu lên lợi ích trong việc gìn giữ tâm cho được thiện lành và nên xa lánh điều ác xấu. Hãy tránh xa điều ác, như chúng ta lánh xa một con đường nguy hiểm, không nên xem thường điều ác.

10. Phẩm Hình Phạt (Danta vagga): Có 17 câu, gồm những câu khuyến khích chúng ta tuyệt đối ôn hòa, không nên gây tổn hại bất luận một chúng sanh nào. Tầm cầu hạnh

phúc cho mình và cho người không qua gậy gộc và hình phạt gây tổn hại người. Người Phật tử phải biết, trước hết phải giữ lấy hạnh khiêm tốn, tự chế lấy mình, nghiêm trì trau giồi giới đức, và tiêu trừ mọi khổ đau.

11. Phẩm Già (Jarā vagga): Có 11 câu, nêu lên những lời cảnh giác chúng ta là lúc nào ta cũng sẵn có sự già ở trong ta, chớ buông mình phóng túng mà gặp nhiều khó khăn, và sẽ phải hối hận ăn năn khi nhớ lại những gì đã đánh mất đi của dĩ vãng trẻ trung.

12. Phẩm Tự Ngã (Atta vagga): Có 10 câu, nêu tầm quan trọng của tự ngã, tinh thần trách nhiệm về hành động của chính tự ngã của mình. Đức Phật đã hết sức nhấn mạnh đến con người và những năng lực của con người. Tự ngã của con người là sản phẩm của một chuỗi các hành động không ngừng biến dịch. Vì vậy, tự ngã của con người thì không trường cửu và không có chi bí ẩn.

13. Phẩm Thế Gian (Loka vagga): Có 12 câu, nêu đủ cả hai mặt nghĩa đen và nghĩa bóng của từ ngữ "Thế Gian." Theo nghĩa đen, đức Phật chỉ cho chúng ta về mặt thời gian của đời sống, bao gồm kiếp quá khứ - hiện tại - vị lai, và thế gian của Tam Giới (Dục Giới - Sắc Giới - Vô Sắc Giới) về mặt không gian. Theo nghĩa bóng, đức Phật dùng để chỉ về thân ngũ uẩn của chúng ta.

14. Phẩm Phật (Buddha vagga): Có 18 câu. Đấng Giác Ngộ chân chánh, đã tỉnh giác vô minh, thông suốt lý Tứ Đế, và đem ra giáo hóa chúng sinh cùng hiểu biết. Đức Phật tự

10 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

xác chứng vị trí của mình khi Ngài nói với tôn giả Sariputta, "Những ai nói về Ta một cách chân chánh sẽ nói như sau: Một vị hữu tình không bị ai chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và nhân loại."

Nói đến Phật, chúng ta phải nghĩ đến ba ân đức vô cùng to lớn đó là Tịnh đức, Bi đức và Trí đức.

15. Phẩm An Lạc (Sukha vagga): Có 12 câu. An lạc trong Phật giáo có hai loại là:

a. An Lạc về vật chất (nặng về thế tục). b. An Lạc về tinh thần (phi vật chất, an lạc tinh túy).

An lạc hạnh phúc là cái vui trong sạch không nương vào các cảnh, vật, người, là cái vui yên lặng khỏi phiền não. An lạc ngoài thế tục là an lạc chân thực vì đã đoạn tuyệt phiền não. An lạc của thế tục là cái vui phát sanh do sự hỗn hợp với cảnh, vật, người và phiền não, là cái vui tạm bợ, nhất thời, xen lẫn nhiều khổ đau.

16. Phẩm Hỷ Ái (Piya vagga): Có 12 câu, nêu lên 2 khía cạnh của hỷ ái. Hỷ ái thông thường là xuôi theo pháp thế gian, hiện thân của những căn gốc tham sân si, thì những hỷ ái đó đáng ghê sợ và xa lánh. Hỷ ái khước từ thế gian, vun bồi chánh kiến tri, thành đạt chứng ngộ chân lý, xứng đáng cho mọi người ái kính, kiên cố trong Giáo Pháp, đó là chín trạng thái siêu thế, gồm Bốn Đạo, Bốn Quả và Níp Bàn. Chứng ngộ chân lý tối thượng và Tứ Thánh Đế (Khổ - Tập - Diệt - Đạo). Tự hoàn thành nhiệm vụ, viên mãn

mọi hạnh nguyện là thực hành đầy đủ Giới - Định - Tuệ. Bậc như vậy gọi là đáng ái kính trong thế gian này.

17. Phẩm Phẫn Nộ (Kodha vagga): Có 14 câu, gồm những lời đức Phật khuyên dạy chúng ta cố gắng dứt bỏ tâm sân hận, chế ngự tâm phẫn nộ, và cố gắng trau giồi đời sống cao thượng. Giữ hạnh chân thật, nhẫn nại, và bố thí sẽ nâng đỡ con người chúng ta đến chỗ thanh cao siêu thoát.

18. Phẩm Cấu Uế (Mala vagga): Có 21 câu, nêu lên những uế trược, làm cho tâm bị dơ đục, gây ra những hành động tội lỗi, và trình bày con đường chánh hạnh, làm tiêu trừ các ô nhiễm, uế hạnh. Bao gồm năm pháp triền cái, mười sáu pháp tùy phiền não, tám pháp cấu uế, và chín pháp ô trược.

19. Phẩm Pháp Trụ (Dhammattha vagga): Có 17 câu, nói về đời sống chánh hạnh, công bằng, nương vào giới luật tìm thấy hạnh phúc vững bền. Một Phật tử chân chính phải cố tránh những điều không nên làm, phải khép mình trong giới luật để sống đời sống lý tưởng. Giới luật là nền tảng của Phật giáo, là nền tảng của tất cả đức hạnh. Muốn được hoàn toàn trong sạch, người Phật tử phải biết khép mình vào giới luật.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 11

20. Phẩm Đạo (Magga vagga): Có 17 câu, nêu lên con đường của bậc thánh nhân có tám ngành, là con đường duy nhất để dẫn đến Níp Bàn, là con đường thanh tịnh dẫn đến chứng ngộ Tam Tướng (vô thường, khổ não, vô ngã) của thế gian, xa rời mọi phiền não, tuệ tri Tứ Thánh Đế.

21. Phẩm Tạp Lục (Pakinnaka vagga): Có 16 câu, gồm có nhiều ý nghĩa về mọi mặt, thích hợp trong việc suy niệm và hoạch định cho mình một hướng đi an lành.

22. Phẩm Địa Ngục (Niraya vagga): Có 14 câu, diễn tả những cảnh khổ đau do người tạo ác nghiệp phải gặt lãnh, rất hữu ích cho chúng ta trong đời sống hằng ngày dẫy đầy những cám dỗ. Nhắc nhở chúng ta luôn thức tỉnh với mỗi hành động của mình vì cảnh khổ luôn chực chờ với người thất niệm, dể duôi buông lung.

23. Phẩm Voi (Nāga vagga): Có 14 câu, với biểu tượng voi là loài thú to lớn, có nhiều năng lực phi thường, chịu đựng được bao điều khó khăn. Ngụ ý nói lên đức hạnh nhẫn nại phi thường, trọng điểm để thành đạt chân lý siêu thoát.

24. Phẩm Ái Dục (Tanhā vagga): Có 26 câu, nêu những tính nguy hại của ái dục và khuyên chúng ta mau cố gắng đoạn tận mọi phiền não của ái dục.

25. Phẩm Tỳ Khưu (Bhikkhu vagga): Có 23 câu, trình bày đời sống phạm hạnh cao thượng chân chánh của một người đệ tử Phật. Sống hạnh khước từ mọi cuộc vui thú thế gian để chọn lấy đời sống tu sĩ, tự chế các hành động, điều ngự các căn để chỉ nhằm một mục đích duy nhứt là giải thoát Níp Bàn.

26. Phẩm Ba La Môn (Brahmaṇa vagga): Có 41 câu, với đầy đủ ý nghĩa nêu lên tính hạnh của một vị Bà La Môn, không vì sanh trưởng trong gia đình ở giai cấp Bà La Môn mà trở thành vị Bà La Môn, nhưng vì họ thành đạt mục tiêu tối thượng, chứng đắc quả

A La Hán – Níp Bàn giải thoát, thành đạt chân lý và đầy đủ chánh hạnh.

Ngay hai câu đầu tiên đã vắn tắt trình bày hệ thống luân lý triết học của Phật giáo. Tầm quan trọng của Tâm, lấy Tâm làm khuôn vàng thước ngọc để đo lường giá trị luân lý. Định luật nhân quả (nghiệp báo) trong Phật giáo, vấn đề đau khổ và hạnh phúc, trách nhiệm cá nhân v.v... cùng với hai thí dụ lấy ngay trong đời sống quen thuộc hằng ngày, tất cả bấy nhiêu được diễn đạt trong hai câu đầu của Phẩm Song Yếu.

Những câu có liên quan đến tâm sân và sự dập tắt lòng sân hận có một ý nghĩa đặc biệt giữa thời đại nguyên tử này, sức mạnh chắc chắn phải đương đầu với sức mạnh, bom đạn sẽ gặp bom đạn, hận thù sẽ đối diện hận thù. Báo oán, trả thù không bao giờ đi đến hòa bình, an tịnh. Lời Đức Phật khuyên dạy hàng tín đồ bất bạo động của Ngài là: Sân hận không bao giờ dập tắt sân hận, chỉ có tình thương mới diệt sân hận. Mettā, tâm từ ái là giải đáp duy nhất trước bom đạn của thời hiện đại.

12 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Trình độ luân lý cao thượng mà Đức Phật ước mong những tín đồ lý tưởng của Ngài sẽ đạt đến cũng được mô tả trong vài câu. Hai câu cuối cùng của Phẩm đầu cho thấy rõ thái độ của đức Phật đối với cách học từ chương và pháp hành thực tiễn. Như vậy, giáo pháp được ví dụ như chiếc thuyền để độ chúng sanh vượt qua đại dương của vòng luân hồi. Chỉ riêng câu cuối cùng cũng đủ cho trọn vẹn một đời sống thầy tỳ khưu lý tưởng.

Câu chuyện hoàng tử Nanda, người em cùng cha khác mẹ với đức Phật, hiển nhiên cho thấy làm cách nào đức Phật dùng oai lực thần thông để biến đổi một thầy tỳ khưu có tinh thần ươn yếu, đang ôm ấp tham dục tai hại trở thành một cá tánh trong sạch, một tinh thần tráng kiện.

Vì nặng lòng tôn kính đức Phật, mặc dù không vui, Hoàng Tử thọ lễ xuất gia ngay trong ngày lễ cưới của mình, nhưng tỳ khưu Nanda luôn luôn tưởng nhớ vị tân nương của mình và không cố gắng tu hành. Thay vì áp dụng phương pháp răn dạy trực tiếp, đức Phật sắp đặt một phương kế thực tiễn và hữu hiệu để đưa sự chú tâm của tỳ khưu Nanda về một đối tượng tương tợ, thoáng qua hình như đáng ưa thích hơn, và thành công làm cho vị này đắc quả A La Hán (xem câu 13 và 14).

Hai Phẩm đầu đề cập đến phần luân lý trong Phật giáo và được xem là đồng quan trọng cho cả hai đời sống, xuất gia và tại gia.

Phẩm thứ hai là câu giải đáp hùng biện những lời chỉ trích Phật giáo là một tôn giáo thụ động, tiêu cực. “Appamāda Không Phóng Dật” là một phạn ngữ bao hàm ý nghĩa chú tâm, cẩn mật, thận trọng, trang nghiêm chuyên cần, giác tỉnh v.v... là tựa của phẩm thứ hai.

Chính câu đầu tiên của phẩm này đã đổi hẳn tâm tánh của vua Asoka, vị minh quân, trước kia có tên là Asoka con người tội lỗi vì những hành động tàn bạo và ác độc của ông khi chưa biết Phật pháp.

Đôi khi chỉ một câu nói giản dị như vừa kể trên hay một hàng chữ đơn độc như "không nên tìm thỏa thích trong hương vị của thế gian mà phải trau giồi đời sống ẩn dật," hay chỉ vỏn vẹn của một chữ có nhiều ý nghĩa như "chuyên cần" cũng đủ cho trọn một kiếp sống.

Câu 24 đề cập đến những nguyên nhân tạo nên tiến bộ vật chất, cho thấy rằng Phật giáo không hoàn toàn xuất thế, không đứng ngoài thế gian vật chất, như có vài lời chỉ trích vội vã có khuynh hướng làm cho người ta nghĩ như vậy.

Phẩm thứ ba có một ý nghĩa đặc biệt giúp ta thấu hiểu quan niệm của Phật giáo về Tâm và tầm quan trọng của việc kiểm soát Tâm.

Những phẩm Hoa, Người Ngu, Hiền Trí, Ác, Thế Gian, An Lạc, Hỷ Ái, Địa Ngục, Ái Dục tỏ ra rất hữu ích cho những ai còn say đắm dục lạc. Bản chất vô thường tạm bợ của

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 13

khoái lạc vật chất và nếp sống phải có của ta trong một thế gian tương tợ cũng được chỉ dẫn trong những phẩm này.

Những phẩm Phật, A La Hán, Bà La Môn sẽ thích hợp đặc biệt với những người có trình độ tư tưởng cao. Các phẩm này diễn tả tâm trạng của những nhân vật thật sự giác ngộ.

Tất cả những ngôn từ của Kinh Pháp Cú đều được đức Phật dùng rất giản dị để cho mọi người đều hiểu được. Như thí dụ cái bánh xe lăn theo vật kéo xe, bóng theo người, mái nhà khéo lợp, một làng đang say ngủ, ao hồ sâu thẳm và trong veo, hoa có hương thơm, ong hút mật v.v... Trí tuệ của đức Phật đã tỏ rạng trong cách trình bày chân lý cao thâm với những danh từ thông thường, dễ hiểu, không rườm rà và phiền phức.

Đọc những bài kệ trong Kinh Pháp Cú, chúng ta cảm thấy như thân nghe chính lời Phật dạy từ hơn hai ngàn năm vọng lại trở thành bất hủ với mọi thời gian.

Những Phật ngôn này rất có lợi ích, áp dụng thật sự vào đời sống hằng ngày và chắc hẳn được hạnh phúc như trong Pháp Cú: "Người thấm nhuần Giáo Pháp sống hạnh phúc."

14 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ nhất – Phẩm Song Yếu

Từ ngữ "Yamaka - Song Yếu" dịch là Song Đối, là một cặp, một đôi. Phẩm Song Yếu này có 20 câu, gồm mười đôi những câu song đối với nhau.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ nhất:

Manopubbarigamā dhammā Ý dẫn đầu các Pháp Manoseṭṭhā manomayā Ý làm chủ, ý tạo Manasā ce paduṭṭhena Nếu với ý ô nhiễm bhāsati vā karoti vā Nói lên hay hành động Tato naṃ dukkhamanveti Khổ não bước theo sau cakkaṃ' vā vahato padam Như xe, chân vật kéo

Đại ý: Tâm dẫn đầu các Tâm Sở (bất thiện). Tâm là chủ. Tâm tạo tất cả (các Tâm Sở Bất Thiện). Nếu nói hay làm với Tâm ác, do đó đau khổ sẽ theo liền với ta như bánh xe lăn theo vật kéo xe (P.C.1).

Trong kệ pháp đầu tiên, danh từ "Dhamma" có ý nghĩa là các Tâm Sở hiện bày về nghiệp lực (Kamma hay Karma), tức là "Tâm Sở Tư Tác Ý – Cetanācetasika" và những Tâm Sở khác cùng nằm chung trong một loại Tâm, thiện hay bất thiện. Tại nơi đây, Dhamma là những Tâm Sở xấu, bất thiện. Nếu không có Tâm hay Thức, tất nhiên các Tâm Sở không thể phát sanh. Do đó tâm là cái đến trước, tâm dẫn đầu tất cả các Tâm Sở Thiện và Bất Thiện. Nói đến Tâm, ta nói đến tứ ý nghĩa của Tâm là:

Trạng thái: Biết cảnh (Ārammaṇanggānanalakkhaṇaṃ). Phận sự: Dẫn dắt các Tâm Sở (Pubbaṃgamarasaṃ). Thành tựu: Nối nhau liên tiếp (Sandahanapaccupaṭṭhānaṃ). Nhân cần thiết: Có Danh và Sắc (Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ)

Và tứ nhân sanh Tâm là:

Nghiệp quá khứ (Atītakamma): là những hành động thiện hay bất thiện trong quá khứ tạo ra quả hiện tại. Thành quả ấy phần chánh yếu phải nói là các Tâm Quả.

Tâm Sở (Cetasika): là những thành phần phụ thuộc của Tâm. Có bốn ý nghĩa về Tâm Sở là:

Đồng sanh với Tâm (Ekuppāda): Tâm Sở sanh cùng lúc với Tâm, không có việc Tâm Sở sanh trước hay sanh sau với Tâm. Đồng diệt với Tâm (Ekanirodha): Tâm Sở diệt cùng lúc với Tâm, không diệt trước cũng không diệt sau.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 15

Đồng cảnh với Tâm (Ekālambana): Tâm Sở đồng cùng tiếp thâu chung một với Tâm. Đồng trú một căn với Tâm (Ekavatthuka): Tâm Sở cùng trú một căn với Tâm, như Tâm nương nhãn căn sanh thì Tâm Sở cũng nương nhãn căn sanh v.v...

Cảnh (Ārammaṇa): là đối tượng của Tâm. Tâm biết cảnh, những chi bị Tâm biết gọi là cảnh. Nếu không có cảnh thì không có Tâm, có Tâm thì có cảnh. Không có cảnh sắc thì không có nhãn thức, không có cảnh thinh thì không có nhĩ thức v.v...

Khi có đủ cả bốn trường hợp trạng thái trên, do vậy được gọi là Tâm Sở.

Do đó Tâm không thể không có Tâm Sở. Như vậy, Tâm không là một đơn vị thuần nhất, mà là sự tổng hợp nhiều thành phần với nhau. Ví như phim không thể chụp hình được, mà cần phải có máy chụp hình, gồm có ống kính, bộ phận ánh sáng v.v... thì phim mới ghi nhận được cảnh sắc.

Vật (Vatthu): là sắc thần kinh, chỗ nương của Tâm thức. Như thần kinh nhãn là chỗ nương của Nhãn thức, thần kinh nhĩ là chỗ nương của Nhĩ thức v.v...

Tâm dẫn đầu mọi hành động và tác dụng như thành phần chánh yếu trong khi tác hành, cũng như trong khi quyết định hoạt động. Chính Tâm điều khiển tạo tác hành

động bằng thân, lời và ý.

Trong các Tâm Sở, Tâm Sở Tư Tác Ý là quan trọng hơn hết. Chính Tư Tác Ý tạo nghiệp cho nên đức Phật ngài nói "Cetanaham bhikkavekammam vadāmi. Này chư tỳ khưu, nghiệp là Tư Tác Ý." Và cũng nên biết có Câu Sanh Nghiệp và Dị Thời Nghiệp.

Câu Sanh Nghiệp là Tư Tác Ý đang cùng sanh với Tâm.

Dị Thời Nghiệp là mãnh lực sẽ tạo quả và sắc nghiệp do Tâm. Sở Tư hợp với Tâm Thiện hay Bất Thiện để ảnh hưởng lại.

Qua hệ Pháp Cú này, đức Phật nhấn mạnh vào vai trò rất quan trọng của Tâm trong đời sống con người, và từ đó đức Phật giải thích bằng cách nào hành động có thể trở nên tốt hay xấu, thiện hay bất thiện tùy thuộc vào Tâm. Cuối cùng, Ngài nhắc đến những hậu quả dĩ nhiên phải có của chính những hành động tạo tác. Chí đến cả những bậc A La Hán là những bậc hoàn toàn trong sạch vì đã tận diệt mọi khát vọng, các ngài đã chấm dứt mọi hành động để tạo nghiệp báo; tuy nhiên, các ngài vẫn còn có thể gặt hái quả lành hay dữ của nghiệp đã tạo trong quá khứ cho đến hết kiếp sống cuối cùng, viên tịch Níp Bàn.

Manopubbaṅgamā dhammā Ý dẫn đầu các pháp manoseṭṭhā manomayā Ý làm chủ, ý tạo manasā ce pasanrena Nếu với ý thanh tịnh bhāsati vā karoti vā Nói lên hay hành động

16 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Tato naṃ sukhananveti An lạc bước theo sau Chāyā' va anapāyinī Như bóng không rời hình.

Đại ý: Tâm dẫn đầu các Tâm Sở (Thiện). Tâm làm chủ. Tâm tạo tất cả (các Tâm Sở Thiện). Nếu nói hay làm với Tâm trong sạch, do đó hạnh phúc sẽ theo liền với ta như bóng không bao giờ rời hình (P.C. 2).

Trong kệ pháp thứ hai này, danh từ "Dhamma" cũng có ý nghĩa là các Tâm Sở hiện bày về nghiệp lực, tức là "Tâm Sở Tư Tác Ý," và tại nơi đây Dhamma là Tâm Sở thiện, tịnh hảo. Do đó, cho ta thấy hành động tạo tác thiện lương và cho kết quả an lành.

Qua hai kệ Pháp Cú mang tính chất song đối này, đức Phật muốn chỉ dẫn cho chúng ta thấy hai trường hợp khác nhau để chỉ rõ hậu quả dĩ nhiên phải có của những hành động tốt cũng như xấu.

Con người gặt hái những gì đã gieo trong quá khứ hay hiện tại. Cái mà con người đang gieo bây giờ, con người phải gặt hái, hoặc ngay trong hiện tại, hoặc một lúc nào trong vị lai vào một cơ hội thích ứng. Chính con người lãnh lấy trách nhiệm tạo cho mình hạnh phúc hay khốn cùng. Con người tạo cho mình thiên đàng hay địa ngục. Con người xây dựng số phận cho chính mình. Cái mà con người làm ra, hợp lại, con người có thể phá tan, tháo mở ra được.

Phật giáo giảng dạy trách nhiệm của mỗi người đối với chính mình, và tánh cách dĩ nhiên phải có, không thể lẩn tránh của định luật nhân quả.

Ta gặt hái tương xứng với những gì mà ta đã gieo trồng. Nhưng không bắt buộc phải gặt hết tất cả hậu quả của những gì đã gieo trồng. Nếu phải gặt hái tất cả ắt không thể có giải thoát.

Akkocchi maṃ, avadhimaṃ, “Nó mắng tôi, đánh tôi, ajinimaṃ ahāsime Nó thắng tôi, cướp tôi.” ye taṃ upanayhanti, Ai ôm niềm hận ấy, veraṃ tesaṃ na sammati Hận thù không thể nguôi.

Đại ý: “Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giựt tôi.” Lòng sân hận không nguôi trong tâm của người còn ôm ấp những ý tưởng tương tợ (P.C. 3).

Akkocchi maṃ, avadhimaṃ, “Nó mắng tôi, đánh tôi, ajinimaṃ ahāsime Nó thắng tôi, cướp tôi.” ye taṃ na upanayhanti, Không ôm niềm hận ấy veraṃ tesūpasammati Hận thù được tự nguôi.

Đại ý: “Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giựt tôi.” Lòng sân sẽ nguôi ngoai trong tâm của người không ôm ấp những ý tưởng tương tợ (P.C. 4).

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 17

Qua kệ Pháp Cú 3 và 4, đức Phật hằng khuyên dạy hàng tín đồ không nên trả thù báo oán, mà phải hành pháp nhẫn nại, luôn luôn trong mọi trường hợp, ở mọi nơi, trước mọi khiêu khích. Đức Phật tán dương những ai sẵn sàng chịu đựng lỗi lầm của kẻ khác, mặc dầu trong tay có đủ quyền lực để trả thù. Thể hiện nhất là đức Phật luôn luôn hành pháp nhẫn nại, dầu lắm khi Ngài cũng bị chỉ trích thậm tệ, bị chưởi mắng và bị tấn công. Nhẫn nại không bao giờ là dấu hiệu của sự ươn hèn yếu kém, hay chủ bại, đầu hàng, mà trái lại là sức mạnh bất khuất của con người tự chủ.

Subhānupassiṃ viharantaṃ Ai sống nhìn tịnh tướng, indriyesu asaṃvutaṃ Không nhiếp hộ các căn, bhojanamhi amattaññuṃ Ăn uống thiếu tiết độ, kusītaṃ hīnavīriyaṃ Biếng nhác, chẳng tinh cần taṃ ve pasahati Māro Ma uy hiếp kẻ ấy vāto rukkhaṃ′va dubbalaṃ Như gió, cây mềm yếu.

Đại ý: Người hằng suy tưởng đến lạc thú, lục căn không thu thúc, ẩm thực vô độ, dã dượi, dể duôi, người ấy chắc chắn sẽ bị Ma Vương lôi cuốn, không khác nào gió (cuốn) cội cây mềm (P.C. 7).

Asubhānupassiṃ viharantaṃ Ai sống quán bất tịnh indriyesu susaṃvutaṃ Khéo nhiếp hộ các căn bhojanamhi ca mattaññuṃ Ăn uống có tiết độ saddhaṃ āraddhavīriyaṃ Tín tâm, siêng, tinh cần taṃ ve nappasahati Māro Không bị Ma uy hiếp vāto selaṃ′ va pabbattaṃ Như núi đá trước gió.

Đại ý: Người hằng suy niệm về những “uế trược,” thu thúc lục căn, ẩm thực điều độ, niềm tin vững chắc, kiên trì tinh tấn, người ấy, Ma Vương không hề lôi cuốn, như gió không thể cuốn thạch sơn (P.C. 8).

Qua hai kệ Pháp Cú 7 và 8 chỉ để dạy chư vị tỳ khưu, những người đã chú nguyện sống đời Phạm Hạnh Thiêng Liêng. Câu 7 chỉ con đường vật chất, thỏa mãn nhục dục; câu 8 là con đường tinh thần, tự chế, tự kiểm và phạm hạnh. Nên nhận định rằng Phật giáo

cung ứng một lối sống cho hàng xuất gia và một lối khác cho người tại gia cư sĩ.

Theo Phật giáo, Pháp học sẽ không bổ ích nếu không thực sự thực hành điều đã học. Như vậy, Phật giáo không phải là một triết học suông mà là con đường Giác Ngộ duy nhứt.

18 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai – Phẩm Không Phóng Dật

Từ ngữ "Appamāda" dịch là không phóng dật, không chao động, không lay chuyển, bất khinh suất; có nghĩa là luôn luôn giữ tâm niệm, luôn luôn thận trọng, hay biết mình đang làm việc gì. Phẩm Không Phóng Dật có 12 câu, gồm những câu khuyến thiện, nhắc nhở hành động thiện, tạo thiện nghiệp.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai mươi mốt:

Appamādo amatapadaṃ Không phóng dật, đường sống Pamādo maccuno padaṃ Phóng dật là đường chết Appamattā na mīyanti Không phóng dật, không chết Ye pamattā yathāmatā Phóng dật như chết rồi.

Đại ý: Không phóng dật là con đường bất diệt. Phóng dật đưa đến diệt vong. Người chuyên niệm, không chết. Kẻ phóng dật cũng như chết (P.C. 21).

Kệ Pháp Cú này nêu lên hai con đường đang trải ra. Với trạng thái chuyên cần chú niệm, không phóng dật đưa chúng ta đến con đường bất diệt (amata) của Níp Bàn là mục tiêu tối hậu của người Phật tử. Với trạng thái buông lung phóng túng, dể duôi quên mình sẽ đưa chúng ta đến con đường diệt vong (maccuno) của vòng sanh tử luân hồi (vattasamsāra), còn phải tái sanh.

Một khía cạnh khác, không nên hiểu rằng những người không phóng dật là mãi không chết, bất tử. Không một chúng sanh nào không chết, chí đến chư Phật và chư vị A La Hán cũng phải chết. Ý nghĩa nơi đây là người không phóng dật, có tâm niệm được chứng ngộ Níp Bàn thì không còn tái sanh lại nữa và như vậy là không chết. Người còn phóng dật được xem như đã chết với ý nghĩa còn dể duôi, tạo các ác nghiệp, không làm các việc lành, nên còn phải chịu nghiệp báo do mình tạo tác, do vậy còn phải tái sanh.

Đức Phật hằng khuyên chúng ta nên tăng tiến việc lành, nỗ lực gia công, liên tục kiên trì, không nên dể duôi phóng dật, hằng được an vui Níp Bàn.

Níp Bàn (Nibbāna) là kết nối từ chữ "Ni + Vāna" là không (Ni) có rừng rậm (vāna) phiền não, là đã tách rời xa khỏi ái dục. Níp Bàn là trạng thái siêu thế có thể thành tựu được chính trong kiếp sống này. Cũng có thể giải thích Níp Bàn là sự dập tắt mọi dục vọng, nhưng không phải là trạng thái hư vô. Níp Bàn là trạng thái hạnh phúc trường cửu, khi thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau, là kết quả của sự dập tắt hoàn toàn mọi dục vọng.

Đứng về phương diện siêu hình, Níp Bàn là dập tắt đau khổ phiền não. Về phương diện tâm lý, Níp Bàn là diệt trừ tự ngã. Về phương diện luân lý, Níp Bàn là tận diệt mọi tham sân si.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 19

Sự không dể duôi, không phóng dật cho mình chưa gọi là đủ. Đức Phật hằng khuyên chúng ta hãy cố gắng nỗ lực bằng chính bản thân hầu tạo cho mình chính thực an vui.

Utthānenappamādena Nỗ lực, không phóng dật Saññamena damena ca Tự điều, khéo chế ngự dīpaṃ kariyātha medhāvī Kẻ trí xây hòn đảo Yaṃ ogho nābhikīrati Nước lụt khó ngập tràn.

Đại ý: Do kiên trì tinh tấn, nhiệt tâm, đạo hạnh và tự chế, người thiện trí tự tạo cho mình một hải đảo mà không cơn lụt nào tràn ngập được (P.C. 25).

Một hòn đảo nổi cao trên mặt nước không thể bị ngập lụt mặc dầu những bãi đất thấp chung quanh có thể bị. Một hòn đảo như thế là nơi an toàn cho tất cả. Cùng thế ấy, bậc thiện trí thức trau giồi tuệ minh sát, phải tự biến mình thành một hải đảo bằng cách nỗ lực kiên trì tu tập thành tựu đạo quả A La Hán, và như vậy thì không còn bị lôi cuốn bởi bốn dòng nước dũng mạnh (ogha - bạo lưu) của :

Dục Bạo lưu (Kāmogha): Là chúng sanh bị trầm nịch ở trong dòng nước dũng mạnh của Ngũ Dục. Hữu Bạo lưu (Bhavogha): Là chúng sanh bị trầm nịch ở trong dòng nước dũng mạnh của Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Kiến Bạo lưu (Ditthogha): Là chúng sanh bị trầm nịch ở trong dòng nước dũng mạnh của sự thấy sai (tà kiến). Vô Minh Bạo lưu (Avijjogha): Là chúng sanh bị trầm nịch ở trong dòng nước dũng mạnh của sự mê hoặc, sự ngu xuẩn.

Tất cả những sự việc ấy, đều do sự cố gắng nỗ lực, khởi đầu từ sự không phóng dật, tạo những thiện sự.

Người không dể duôi luôn có bốn trạng thái như sau:

Không thù oán, bất bình (abyāpanno)
Luôn có được trí nhớ (sadāsato)
Gìn giữ thiền định trong tâm (ajjhattaṃ)
Cố gắng dứt lòng tham muốn (appajjhāvinaye sikkhaṃ)
Ngoài ra ở những kệ Pháp Cú còn lại trong phẩm Không Phóng Dật, đức Phật chỉ rõ cho chúng ta phương cách đưa đến sự chuyên niệm bằng con đường rèn luyện tâm, phương pháp gom tâm an trụ vào một điểm, và trở nên an tịnh bằng thiền định thì hằng đạt được an lạc lớn.

Māpamādamanuyuñjetha Chớ sống đời phóng túng mā kāmaratisanthavaṃ Chớ say mê dục lạc appamatto hi jhāyanto Không phóng dật, thiền định 20 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

pappoti vipulaṃ sukhaṃ Đạt được an lạc lớn.

Đại ý: Không dể duôi trong sự phóng dật. Không đeo níu dục lạc. Đúng thật vậy, người chuyên cần hành thiền gặt hái phước báu dồi dào (P.C. 27).

Appamatto pamattesu Tinh cần giữa phóng dật suttesu bahujāgaro Tỉnh thức giữa quần mê abalassam′va sīghasso Người trí như ngựa phi hitvā yāti sumedhaso Bỏ sau con ngựa hèn.

Đại ý: Chú niệm giữa đám phóng dật, tỉnh giữa đám mê, bậc thiện trí tiến nhanh như tuấn mã truy phong, bỏ lại phía sau con ngựa què già yếu (P.C. 29).

Ở đây, hành thiền bao hàm cả hai nghĩa, một là Thiền Chỉ (Samatha) định tâm an trụ vào một đối tượng (Kasinā), và hai là Thiền Quán (Vipassanā) hành Tứ Niệm Xứ, theo dõi chú tâm qua bốn chỗ là Thân, Thọ, Tâm, Pháp của chính mình.

Pamādaṃ appamādena Người hiền dẹp buông lung yadā nudati paṇḍito Với hạnh không phóng dật pañññàpāsādamāruyha Leo lầu cao trí tuệ asoko sokinim pajaṃ Bậc trí, không âu lo, pabbatattho′va bhummaṭṭhe Nhìn chúng sanh sầu muộn dhīro bāle avekkhati. Chẳng khác đứng núi cao Nhìn kẻ ngu, đất bằng.

Đại ý: Khi dùng tâm niệm đẩy lui phóng dật, người có trí kiến (chơn chánh) thoát khỏi phiền não, vượt lên tận đền đài trí tuệ, và nhìn xuống đám người đau khổ như người khéo trèo núi, lên đến đỉnh tuyệt cao, nhìn lại đám vô minh còn ở dưới đất bằng (P.C. 28).

Chư vị A La Hán với nhất tâm định tĩnh, vượt thoát khỏi mọi phiền não, dùng nhãn quan siêu nhiên của các ngài để từ bi nhìn lại đám đông chúng sanh do vô minh che lấp nên còn phải chịu khổ đau trong sanh tử luân hồi triền miên.

Appamādarato bhikkhu Vui thích không phóng dật pamāde bhayadassivā Tỳ khưu sợ buông lung sañño janaṃ anuṃ thūlaṃ Bước tới như lửa hừng ḍahaṃ aggī va gacchati Thiêu kiết sử lớn nhỏ.

Đại ý: Vị tỳ khưu thích thú trong việc chuyên cần chú niệm và nhìn phóng dật với tâm sợ hãi sẽ tiến bộ như lửa, thiêu đốt mọi thắng thúc lớn nhỏ (P.C. 31).

Với con đường tu tập (bhāvanā) gom tâm và chú niệm vào “Chỉ - Quán,” khắc phục được phóng dật, đưa đến tri kiến thông suốt bản chất thực tướng của mọi sự vật (được bao phủ

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 21

bởi tam tướng là vô thường, khổ não, vô ngã), hiểu sự vật như thực, chứng ngộ chơn tướng của sự vật, thoát khỏi mọi trói buộc của thế gian.

Tinh hoa của nền luân lý Phật giáo có thể tóm tắt trong danh từ “Appamāda - Không Phóng Dật,” sống kỷ cương chú niệm.

22 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ ba – Phẩm Tâm

Từ ngữ “Citta” xuất nguyên từ căn “Cit” suy nghĩ. Theo bản chú giải, Citta là cái gì hay biết cảnh, biết đối tượng (cinteti: vijānāti).

“Ārammaṇa cintetīti: Cittaṃ” Pháp nào thường luôn biết cảnh gọi là Tâm.

“Cintenti sampayutta dhammā etenāti: Cittaṃ” Pháp tương ưng (là các Tâm Sở) thường nương vào Pháp thành nhân cho được biết cảnh, Pháp ấy gọi là Tâm.

“Cintanamattaṃ: Cittaṃ” Biết gọi là Tâm.

“Cittī karotīti: Cittaṃ” Pháp mà làm cho sự sanh hoạt của tất cả chúng sanh cho sai biệt, Pháp ấy gọi là Tâm.

Theo Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapiṭaka), bộ Dhammasanganī (Pháp Tụ) có nói về Tâm như sau:

“Katamaṃ tasmiṃ samaye cittaṃ hoti yaṃtasmiṃ samaye cittaṃ mano mānasaṃ hadayaṃ paṇḍharaṃ mano manāyatamaṃ manindriyaṃ viññānaṃ viññānakkhandho tajjā manoviññāṇadhātu idaṃ tasmiṃ samaye cittaṃ hoti”.

Tâm trong khi có như thế nào? Khi nào phát sanh: Tâm, Ý, Tâm tánh, Ý vật, thuần tịnh, Ý, Ý xứ, Ý quyền, Thức, Thức uẩn, Ý thức giới thì khi ấy có Tâm. Theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì “Citta, Ceta, Cittuppāda, Nāma, Mana, Viññāṇa” được xem như đồng nghĩa. Không có sự khác biệt giữa Tâm và Thức. Khi phân tích cái được gọi là chúng sanh làm hai phần, vật chất và tinh thần, thì phần tinh thần hay là phần tâm linh được gọi là Danh (Nāma). Khi phân tích chúng sanh ra làm Ngũ uẩn (pañcakkhandha) thì phần ấy được gọi là Thức (Viññāna). Còn danh từ “Citta” thì luôn được dùng khi đề cập đến những loại Tâm sai khác nhau, như chia Tâm theo cõi giới (bhūmi - địa giới) là:

Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta): là những tâm thường biết về cảnh Dục. Tâm Sắc Giới (Rūpāvacara citta): là những tâm thường biết về cảnh Sắc Giới, những tâm Thiền Sắc Giới. Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacara citta): là những tâm thường biết về cảnh Vô Sắc Giới, những tâm Thiền Vô Sắc Giới. Tâm Siêu Thế (Lokuttara citta): là những tâm có đối tượng là Níp Bàn.

Hoặc phân chia Tâm theo năng lực tạo tác, hành động:

Tâm Bất Thiện (Akusala citta): Thường phát sanh từ Tham, Sân, Si. Tâm Thiện (Kusala citta): Thường phát sanh từ những căn Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 23

Tâm quả dị thục (Vipāka citta): Thường phát sanh như hậu quả dĩ nhiên của các loại tâm Thiện và Bất Thiện. Tâm Duy Tác (Kiriya citta): Là những Tâm thường không có hiệu lực về phương diện nghiệp báo, chỉ thuộc về cơ năng, chỉ có hành động nhưng không có kết quả của hành động, dành riêng cho các vị A La Hán.

Phẩm Tâm có mười một câu, gồm những câu khuyên dạy chúng ta nên hướng Tâm về điều thiện và xa lánh những điều bất thiện hầu đem lại cho chúng ta sự hạnh phúc.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba mươi sáu :

Saduddasaṃ sunipunaṃ Tâm khó thấy, tế nhị Yatthakāmanipātinaṃ Theo dục vọng quay cuồng cittaṃ rakkhetha medhāvi’ Người trí phòng hộ tâm cittaṃ guttaṃ

sukhāvahaṃ Tâm hộ, an lạc đến.

Đại ý: Rất khó tri giác cái Tâm. Tâm vô cùng vi tế. Người thiện trí canh phòng Tâm. Tâm được canh phòng nghiêm ngặt dẫn đến hạnh phúc.

Với cái Tâm vô hình, không có hình thể, không có màu sắc, sanh diệt mau lẹ, phóng đi khắp nơi nên rất khó kiểm soát. Với cái "Tâm viên Ý mã" như thế, người trí phòng hộ Tâm với hai pháp là:

Niệm (Sati): Là sự ghi nhớ, không lơ đãng. Tỉnh giác (Sampajañña): Là sự hiểu biết vi tế, sự hiểu biết rõ rệt, rõ thấu bản thể, sáng suốt tỉnh thức, sự biết mình.

Khi cái Tâm được kiểm soát thì hằng đem lại hạnh phúc. Thông thường Tâm phát sanh theo hai chiều hướng, một chiều hướng tốt lành, một chiều hướng xấu xa. Trong chú giải của Tương Ưng Kinh có ghi rằng:

Cittema mi'yate lokoCittena parikassati Cittassa ekadhammassaSabbeva vasamanvagū

Thiện tâm thường dẫn chúng sanh đi thiện thú (sugati). Bất Thiện Tâm lôi kéo chúng sanh vào khổ thú (duggati). Tất cả chúng sanh thường luôn hiện hành theo mãnh lực của Tâm.

Do đó nếu không khéo kiểm soát, tỉnh giác cái Tâm, để cái Tâm phát triển theo chiều hướng xấu thì hậu quả rất là tai hại.

Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā Kẻ thù hại kẻ thù verī vā pana verinaṃ Oan gia hại oan gia micchāpaṇihitaṃ cittaṃ Không bằng tâm hướng tà

pāpiyo naṃ tato kare Gây ác cho tự thân.

Đai ý: Bất luận điều (nguy hại) nào mà kẻ thù có thể gây cho kẻ thù, hay người oán hận cho người oán hận, một cái Tâm hướng về chiều ác có thể gây nguy hại còn to lớn hơn nhiều (P.C. 42).

Na taṃ mātā pitā kayirā Mẹ cha và bà con Aññe vāpi ca ñātakà Không thể làm gì hơn Sammāapaṇihitaṃ cittaṃ Không bằng tâm hướng chánh Seyyaso naṃ tato kare Khiến sở hành tốt đẹp.

Đai ý: Điều mà không một người mẹ, một người cha, hay bất luận thân bằng quyến thuộc nào có thể làm được, tâm hướng thiện có thể và nhờ đó, đưa ta lên (P.C. 43). Đức Phật khuyên nên xem tâm hướng về điều bất thiện là kẻ thù tai hại nhứt, và tâm hướng thiện có thể đem lại phước báu to lớn mà không một người cha hay người mẹ nào có thể đem lại.

Một cái Tâm đã được điều ngự thuần thục, không còn bị chi phối bởi các pháp thế gian, thật sự tự biểu biết thực tướng của mình, và thông suốt chân tướng của thế gian.

Phẩm thứ tư – Phẩm Hoa

Phẩm Hoa có 16 câu, lấy hoa làm chủ đề với ngụ ý so sánh hoa với đời sống chánh hạnh của người đệ tử Phật.

Bông hoa có nhiều thứ nhiều loại, có những bông hoa hữu sắc hữu hương, có những loài hoa hữu sắc vô hương. Cũng như thế, đức Phật cũng dạy cho hàng đệ tử đời sống hữu ích với những hành động thiết thực lợi ích.

“Như cành hoa dễ mến, đẹp đẽ, nhưng không hương thơm, cũng như thế ấy, lời khéo nói nhưng không thực hành, không mang lại kết quả.” (P.C. 51).

“Như cành hoa dễ mến, đẹp đẽ lại có hương vị, lời nói hay của người có thực hành mang lại kết quả tốt đẹp.” (P.C. 52).

Với mọi hương thơm của các bông hoa hiện hữu trên thế gian, đức Phật vẫn tuyên bố rằng không bằng hương thơm của người có giới đức. Hương thơm của người có giới đức ngào ngạt tỏa cùng khắp mọi nơi.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ năm mươi bốn:

Na pupphagandho paṭivātaṃ eti Không một hương hoa nào
Na candanaṃ tagaramallikā vā Bay ngược chiều gió thổi
Satañ ca gandho paṭivātaṃ eti Dẫu là hoa Chiên đàn
Sabbā disā sappuriso pavāti Già la hay Mạt ly
Chỉ hương người đức hạnh
Bay ngược chiều gió thổi
Chỉ có bậc chân nhân
Biến mãn bốn phương trời.
Đại ý: Hương thơm của hoa không thể bay ngược chiều gió, trầm hương cũng vậy, gỗ tagara và hoa lài cũng thế, nhưng hương của giới đức bay ngược chiều gió, con người giới đức bay thấu khắp nơi (P.C. 45).

Hương của giới đức là hương thơm của người có giữ giới, người đang khép mình vào khuôn khổ của đời sống có kỷ cương giới luật, hầu tạo cho mình được an vui có lợi ích và gặt hái năm quả an lành:

Người giữ giới có nhiều tài vật, không bị nguy hại về sự dể duôi (appamādādhikāranāni mahantaṃ bhogakkhandhaṃ adhigacchati). Người giữ giới được danh thơm tiếng tốt và được tiếng là người bạn thiện trí thức (kalayano kittisaddo abbhugacchati).

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 27

Người giữ giới khi vào hội họp nơi đông người, không vì tánh xấu nết nhơ của mình mà phải hổ người cúi mặt (visarado upasankamati). Người giữ giới khi thác được an vui, không bị loạn tâm (asammulhokālam karoti). Người giữ giới khi rời bỏ xác thân được sanh về thiện thú (Kāgassapheda parammarana sugatiṃ saggaṃ lokaṃ Upapajjati).

Sekho paṭhaviṃ vijessati Chính là bậc Hữu Học yamalokañca imaṃ sadevakaṃ Chinh phục cả địa giới Sekho dhammapadaṃ sudesitaṃ Dạ Ma, thế gian này. Kusalo pupphaṃ iva pacessati Hữu học giảng Pháp Cú Như thợ khéo lựa hoa.

Đại ý: Một môn đệ trong thời kỳ còn tu học sẽ thấu triệt quả địa cầu này, cảnh giới của Dạ Ma này và thế gian này cùng với chư Thiên. Một môn đệ trong thời kỳ còn tu học sẽ quán trạch Con Đường Giới Hạnh, vốn đã được quảng bá đầy đủ, giống như một chuyên viên làm tràng hoa sẽ bốc lên những cành hoa (P.C. 45).

Người đệ tử Phật phải biết chinh phục cái tự ngã của mình bằng con đường giới hạnh (thực hành ba mươi bảy nhân sanh quả giác ngộ - bodhipakkhiya dhamma). Và phải biết thấu triệt cái thể xác này tựa hồ như bọt nước, huyễn cảnh vì bản chất đổi thay, tạm bợ của nó, như bông hoa sớm nở tối tàn.

Pheṇūpamaṃ kāyaṃ imaṃ viditvā Biết thân như bọt nước marīcidhammaṃ abhisambudhāno Ngộ thân như huyễn cảnh chetvāna Mārassa papupphakāni Bẻ Ma mũi tên hoa adassanaṃ Maccurājassa gacche Vượt tầm mắt thần chết.

Đại ý: Biết rằng thể xác này tựa hồ như bọt nước và thấu triệt bản chất mờ ảo của nó, ta phải tiêu trừ những cành hoa của dục vọng (Ma Vương) và vượt qua tầm mắt của tử thần (P.C. 46).

Đời sống của chúng ta huân tập thiện lương, từ bỏ sự gây tổn hại người khác với bốn pháp mà người đệ tử Phật quán triệt:

Điều gì đem lợi ích ta mà gây tổn hại người là không nên làm. Điều gì đem lợi ích ta và đem lợi ích người là nên làm. Điều gì gây tổn hại ta và đem lợi ích người là không nên làm. Điều gi gây tổn hại ta và gây tổn hại người là không nên làm.

Con bướm bay lượn trên các thứ hoa, lựa cành nào thơm ngọt đáp xuống say sưa hút nhụy. Người mộ đạo phải biết ý thức đâu là chánh giáo để thưởng thức mùi hương vi diệu.

Yathā pi bhamaro pupphaṃ Như ong đến với hoa

28 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

vaṇṇagandhaṃ aheṭhayaṃ Không hại hương và sắc paleti rasaṃ ādāya Lấy nhụy, che chở hoa evaṃ gāme munì care. Cũng vậy vị Sa Môn Ra vào giữa thôn làng.

Đại ý: Như loài ong, chỉ hút mật của hoa rồi bay đi mà không làm tổn hại đến hương hay sắc của hoa, cũng thế ấy, đi đó đây trong làng mạc, người thiện trí phải như vậy (P.C. 49).

Đức Phật nêu cho chúng ta đời sống của những bậc phạm hạnh cao thượng cũng ví như loài ong vào hút mật hoa mà không gây tổn hại đến hoa, đó đây khắp nơi trong các làng mạc, bậc thiện trí không gây tổn hại bất cứ ai. Và luôn giữ thân, lời, ý trong sạch, nói sao làm vậy, nghĩ sao nói vậy không sai khác và cũng không tìm lỗi kẻ khác mà chỉ xem lại ở chính mình.

Na paresaṃ vilomāni Không nên nhìn lỗi người Na paresaṃ katākataṃ Người làm hay không làm attano va avekkhegya Nên nhìn tự chính mình katāni akatānica. Có làm hay không làm.

Đại ý: Không nên tìm lỗi của kẻ khác, những điều chưa làm và những điều không làm của kẻ khác, mà phải tìm trong hành động của chính mình, những điều đã làm và những điều không làm (P.C. 50).

Yathāpi puppharāsimhā Như từ một đống hoa kayirā mālāguṇe bahū Nhiều tràng hoa được làm evaṃ jātena maccena Cũng vậy, thân sanh tử kattabbaṃ kusalaṃ bahuṃ Làm được nhiều thiện sự.

Đại ý: Từ đống hoa, người ta nhặt từng cành để làm thành tràng hoa, cùng thế ấy, chúng sanh phải thâu nhặt nhiều lần những hành động tốt (P.C. 53).

Nhận biết tánh cách cao thượng hằng luôn ngủ ngầm bên trong mỗi chúng ta, đức Phật khuyến chúng ta nên cố gắng tạo nhiều việc thiện đặng có nhiều phước báu, cũng ví như từng chút một nhặt lại các cánh hoa làm thành tràng hoa.

Từ nước bùn dơ đục, hoa sen vượt lên đón lấy ánh sáng của mặt trời, bậc thiện trí giữ mình luôn được trong sạch tinh khiết, chói ngời giữa các người trần tục phàm phu.

Yathā sankāradhānasmiṃ Như giữa đống rác nhớp ujjhitasmiṃ mahāpathe Quăng bỏ trên đường lớn padumaṃ tattha jāyetha Chỗ ấy hoa sen nở sucigandhaṃ manoramaṃ Thơm sạch, đẹp ý người.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 29

Đại ý: Như cành hoa sen với mùi thơm dễ mến có thể mọc trên một đống rác bên đàng, cùng thế ấy, trí tuệ một môn đệ của đấng Toàn Giác chiếu sáng ngời rực rỡ giữa đám chúng sanh thấp kém và tối tăm (P.C. 58 và 59).

Evaṃ saṇkārabhūtesu Cũng vậy giữa quần sanh Andhabhūte puthujjane Uế nhiễm, mù, phàm tục, Atirocati paññāya Đệ tử bậc Chánh Giác Sammāsambuddhasāvako Sáng ngời với tuệ trí.

Phật giáo không lên án ai một cách vĩnh viễn, không khi nào cho ai là người phải chịu hư hỏng buông lung mãi mãi, không thể cải hóa vì trong mỗi chúng sanh luôn sẵn có ẩn tàng tính chất tốt đẹp cao quí và thanh triệt, và như thực biết như thế, biết vận dụng và khai thác triệt để thì sẽ gặt hái được kết quả an vui, thoát phàm và giải thoát.

30 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ năm – Phẩm Người Ngu

Phẩm Người Ngu có 16 câu, nêu lên tính chất của người ngu dại. Theo chú giải, danh từ có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, đạo quả. Như vậy, không nên hiểu ngu dại theo định nghĩa thông thường. Ngu dại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, không đi trên đạo quả giải thoát, ẩn chứa trong mình ba căn bất thiện là tham sân si hằng liên hệ với việc làm sai lỗi và gặt hái những kết quả

không an lành.

Với người ngu dại, do vô minh che ám, đức Phật cho biết không thể biết được chân lý cao siêu, do vậy chịu khổ thật lâu dài trong vòng sanh tử luân hồi.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ sáu mươi:

Dīghā jāgarato ratti Đêm dài cho kẻ thức dīghaṃ santassa yojanaṃ Đường dài cho kẻ mệt dīgho bālānaṃ saṃsāro Luân hồi dài, kẻ ngu saddhammaṃ avijānataṃ Không biết chân diệu pháp.

Đại ý: Đêm dài đối với người không ngủ. Người mệt mỏi thấy đường xa. Đối với kẻ điên cuồng, không hiểu chân lý cao siêu, con đường luân hồi quả thật là xa xôi diệu vợi.

Người ngu do vô minh che đậy, do ác phước ràng buộc khởi lên quan điểm có thân này, có Danh Sắc ở ngoài. Vô minh ấy, người ngu không đoạn tận. Tham ái, người ngu không tận trừ. Do vậy, người ngu khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác. Do đi đến một thân khác, vị ấy không giải thoát khỏi sanh già đau chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy người ngu chịu khổ trong luân hồi dài.

Người ngu do vô minh che đậy, không hiểu tri đây là khổ, không hiểu tri đây là khổ tập, không hiểu tri đây là khổ diệt, không hiểu tri đây là con đường đi đến khổ diệt; do vậy sanh chấp trước nhiễm đắm với những pháp thế gian nên triền miên mãi trong sanh tử luân hồi.

Đức Phật khuyên chúng ta nếu như muốn giao thiệp hoặc muốn kết bạn, ta phải biết lựa chọn, tránh kết hợp với những người ngu dại vì gần gũi với những người ngu dại, chẳng khác nào ta chung chạ với kẻ thù.

Carañ ce nādhigaccheyya Tìm không được bạn đường seyyaṃ sadisaṃ attano, Hơn mình hay bằng mình ekacariyaṃ dalhaṃ kayirā Thà quyết sống một mình natthi bāle sahāyatā Không bè bạn kẻ ngu.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 31

Đại ý: Trên bước thiên lý xa xôi, nếu người đệ tử không gặp được bạn đồng hành ngang hay hơn mình, thì hãy vững tiến trên con đường đơn độc của mình. Không nên kết hợp với người cuồng dại (P.C. 61).

Tuy nhiên, vì lòng bi mẫn, vì thương xót họ, ta có thể đến gần người ngu dại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp đỡ cho họ sáng suốt hơn, nhưng không nên để sự ngu dại của họ lây nhiễm lấy ta.

Với người ngu dại, do bản chất si mê khờ dại tiềm ẩn bên trong người, thì cho dù có dịp gặp được bậc thiện trí thức, người ngu cũng không thể nhận chân giá trị của giáo pháp.

Yārajīvam'pi cebālo Người ngu đần trọn đời paṇḍitaṃ payirupāsati Thân cận người có trí naso dhammaṃ vijānāti Không biết được Chánh Pháp dabbī sūparasaṃ yathā Như muỗng với vị canh.

Đại ý: Người ngu dại, dầu sống chung suốt đời với người trí vẫn không hiểu Giáo Pháp hơn cái muỗng thưởng thức hương vị của canh mặc dù nằm trọn vẹn trong nồi canh (P.C. 64).

Được gần với bực thiện trí thức, người ngu dại không tầm cầu những lời dạy bảo hữu ích. Bằng như có được nghe lời dạy bảo thì không biết vâng theo lời dạy ấy mà hành theo. Bằng như có vâng lời dạy nhưng chỉ chút ít, lại không chịu suy xét cho rõ ràng tường tận chín chắn, hoặc có suy xét mà không chịu thực hành thì sự thân cận ấy, đức Phật cho biết rằng cũng là vô ích, cũng như cái muỗng ngâm mãi trong nồi canh nhưng không được biết mùi vị của canh như thế nào.

Caranti bālā dumedhā Người ngu si thiếu trí amitten'eva attanā Tự ngã là kẻ thù karontā pāpakaṃ kammaṃ Làm các nghiệp không thiện yaṃ hoti katukapphalaṃ Phải chịu quả đắng cay.

Đại ý: Người điên rồ thiển trí trở đi lộn lại với chính cái tự ngã của mình như kẻ thù, làm những việc ác mà hậu quả sẽ đắng cay (P.C. 66).

Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu Nghiệp làm không chánh thiện yaṃ katvā anutappati Làm rồi phải ăn năn yassa assumukho rodaṃ Mặt nhuốm lệ, khóc than vipākaṃ paṭisevati Lãnh chịu quả dị thục.

Đại ý: Hành động ấy không tốt, sau khi thực hiện, ta ăn năn hối hận và đến lúc gặt quả dữ, ta than khóc, lệ tuôn đầy mặt (P.C. 67).

Madhu'vā maññati bālo Người ngu nghĩ là ngọt

yāva pāpaṃ na paccati Ác nghiệp chưa chín muồi yadā ca paccati pāpaṃ Ác nghiệp chín muồi rồi atha bālo dukkhaṃ nigacchati Người ngu chịu khổ đau.

Đại ý: Hành động xấu ngọt ngào như mật. Kẻ điên cuồng nghĩ như vậy khi quả dữ chưa trổ. Nhưng lúc quả trổ, họ sẽ đau khổ (P.C. 69).

Người ngu dại không biết tầm cầu sự lợi ích trong kiếp hiện tại và vị lai cho chính mình, dầu trọn cả đời, gần bậc hiền triết cũng không hưởng được hương vị của các pháp lành; do đó chỉ biết say đắm trong các hành động bất thiện, tạo các ác nghiệp rồi một ngày khi hội đủ duyên khởi quả dữ trổ sanh, người ngu phải gặt lãnh đau khổ, cảm xúc khổ thọ, thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực đi đến bất tỉnh; người ngu cảm giác như bị trói buộc, trói buộc bởi đau khổ.

Nhiều khi giữa người hiền trí và người ngu dại có sự sai biệt chỉ bằng gang tấc, tiến tới thành ngu, dừng lại là bậc thiện trí.

Yo bālo maññati bālyaṃ Người ngu nghĩ mình ngu paṇḍito vāpi tena so Nhờ vậy thành có trí bālo ca paṇḍitamānī Người ngu tưởng có trí sa ve bālo'ti vuccati. Thật xứng gọi chí ngu.

Đại ý: Người ngu mà biết mình ngu - vì lẽ ấy - là người trí. Ngu mà cho rằng mình có trí tuệ thì quá thật là ngu dại (P.C. 63).

Thông hiểu như thế, đức Phật khuyên bảo chúng ta nên cố gắng làm cho mình trở thành bậc hiền trí.

Aññà hi lābhūpanisā Khác thay duyên thế lợi aññā nibbānagaminī Khác thay đường Níp Bàn evaṃ etaṃ abhiññāya Tỳ khưu, đệ tử Phật bhikkhu Buddhassa sāvako Hãy như vậy thắng tri. sakkāraṃ nābhinandeyya Chớ ưa thích cung kính vivekam anubrūhaye Hãy tu hạnh viễn ly.

Đại ý: Chắc như vậy, con đường dẫn đến lợi lộc của trần gian là một, và dẫn đến Níp Bàn là con đường khác. Thông hiểu như thế, thầy tỳ khưu, đệ tử Phật, không nên thỏa thích trong mùi danh bả lợi của thế gian mà phải trau giồi tâm dứt bỏ (P.C. 75).

Không nên thỏa thích những gì hiện thân của ngu muội, trau giồi tâm dứt bỏ, tu hạnh viễn ly, thắng tri các pháp, sự hiểu biết ngang qua thiền định, tạo thêm sức mạnh cần thiết để con người làm chủ được bản thân, làm chủ được hoàn cảnh, đưa đến một hiểu biết toàn diện, hoàn mãn, có khả năng đâm thủng vô minh, đoạn tận tham sân si, thành tựu sự chấm dứt khổ đau, cuối cùng là giải thoát.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 33

34 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ sáu – Phẩm Hiền Trí

Từ ngữ “Paṇḍita” dịch là Hiền Trí, bậc thiện trí thức, bậc trí tuệ.

Bậc thiện trí thức là bậc thấy xa hiểu rộng, có thể chỉ cho ta biết đường chánh phải theo, đường tà phải lánh. Được gọi là bậc hiền trí do hội đủ bẩy pháp hiền triết (Sappurisadhamma) như sau:

Tri nhân: Hiểu biết rõ cái nhân, là biết sự hiền lành là cái nhân của sự an vui, sự hung ác là cái nhân của sự khổ não. Tri quả: Hiểu biết rõ cái quả, là biết sự an vui là cái quả của sự hiền lành, sự khổ não là kết quả của sự hung ác. Tri ngã: Hiểu biết rõ vị trí mình, là biết cái cảnh ngộ trình độ của mình đến đâu rồi hành theo cho phù hợp. Tri độ: Hiểu biết chuyên nghề lành để nuôi sống và thường có tiết độ trong sự ăn uống. Tri thời: Hiểu biết dùng thời giờ, biết giờ nào phải làm việc nào, không lộn xộn trong thời giờ đã qui định. Tri hội: Biết tùy cơ ứng biến, là trong khi hội họp với nhiều người, biết cách đối phó và hành động nói năng cách nào cho dễ việc tiếp dẫn người. Tri bỉ: Biết xem người, là biết người lành để thân cận, biết người ác để xa lánh.

Bất kỳ là dân tộc nào, người giầu sang hay nghèo khó, đàn ông hay đàn bà, bậc xuất gia hay tại gia, ai hội đủ bảy pháp thì được gọi là bậc hiền trí. Và có bốn nguyên nhân sanh khởi trí huệ.

Sự giao thiệp với bậc có thân ngữ ý lành gọi là bậc hiền trí (Sappūrisupassaseva). Sự nghe pháp và cung kính vâng giữ những lời giảng dạy của bậc hiền trí (Sadd hammassavana). Sự suy xét cho triệt để các lời dạy bảo của các bậc hiền trí để hành

theo (Yoni somanasikāra). Sự gắng hành theo những pháp mà mình đã suy xét rồi (Dhammā nudhammapatipatti).

Phẩm Hiền Trí có mười bốn câu nêu lên những tính chất cao quí của người hiền trí, rất có ích cho chúng ta khi được gần gũi học hỏi với những người ấy.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ bảy mươi sáu:

Nidhinaṃ'va pavattāraṃ Nếu thấy bậc hiền trí Yeṃ passe vajjadassinaṃ Chỉ lỗi và khiển trách niggayhavādim medhāviṃ Như chỉ chỗ chôn vàng tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaja Hãy thân cận người trí tādisaṃ bhajamānassa Thân cận người như vậy seyyo hoti na pāpiyo Chỉ tốt hơn, không xấu. Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 35

Đại ý: Nếu gặp người thiện trí chỉ cho ta những lỗi lầm và những điểm cần phải sửa sai, giống như người phát giác cho ta kho tàng bảo vật, hãy kết hợp với người như thế. Ai kết hợp với người như thế sẽ trở nên tốt, không xấu hơn (P.C. 76).

Vẫn biết rằng chúng ta sanh trong cõi đời này, tùy theo duyên nghiệp trước, kẻ nhiều người ít, ai cũng có sức mạnh của thân thể, của kiến thức và của trí tuệ để làm ăn nuôi sống. Nhưng muốn sự làm ăn của mình được dễ dàng, có kết quả tốt và muốn giữ mình cho đặng trong sạch hoàn toàn để hưởng sự an vui trong kiếp hiện tại và vị lai, ta cần phải có cái trí huệ để sáng suốt hơn nữa. Muốn được thấy xa hiểu rộng, chẳng chi hay hơn là ta năng giao thiệp và học hỏi với bậc hiền trí.

Thân cận với các bậc hiền trí có được bốn phước báu:

Hằng làm cho giới hạnh được tăng tiến cao thượng.
Hằng làm cho định được tăng tiến cao thượng.
Hằng làm cho tuệ được tăng tiến cao thượng.
Hằng làm cho sự giải thoát được tăng tiến cao thượng.
Na bhaje pāpake mitte Chớ thân với bạn ác na bhaje purisādhame Chớ thân kẻ tiểu nhân bhajetha mitte kalyāne Hãy thân người bạn lành bhajetha purisuttame Hãy thân bậc thượng nhân.

Đại ý: Không kết hợp với bạn xấu, với người ti tiện. Hãy kết hợp với người tốt, người cao quí (P.C. 78).

Gần gũi với bậc hiền trí, ráng nghe lời dạy bảo của các ngài, và suy xét thấu đáo nghĩa lý. Các ngài thường chỉ dẫn những việc lành cho chúng ta hành, đặng có lợi ích bản thân, chỉ cho chúng ta những khiếm khuyết tồn tại để sửa chữa hầu mong chúng ta được trọn vẹn tốt lành.

Udakaṃ hi nayanti nettikā Người trị thủy dẫn nước Usukānā namayanti tejanaṃ Kẻ làm tên nắn tên Dāruṃ namayanti tacchakā Người thợ mộc uốn gỗ Attānaṃ damayanti paṇḍitā Bậc trí nhiếp tự thân

Đại ý: Người dẫn thủy nhập điền, đào mương cho nước chảy. Thợ làm tên, uốn nắn mũi tên cho ngay thẳng. Thợ mộc uốn gỗ. Bậc thiện trí tự kiểm soát lấy mình (P.C. 80).

Muốn trở thành người hiền trí như các bậc hiền trí, đức Phật khuyên chúng ta phải biết tự kiểm soát lấy mình, không được bồng bột sôi nổi và cũng không được nản lòng rủn chí trước mọi thăng trầm của thế sự, giữa tán dương và khiển trách, phải biết giữ tâm vững chắc như tảng đá kiên cố khó lòng lay chuyển.

36 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Selo yathā ekaghano Như hòn đá kiên cố vātena na samīrati Không gió nào dao động evaṃ nindāpasaṃsāsu Cũng vậy giữa khen chê na samiñjanti paṇḍitā Người trí không dao động.

Đại ý: Như tảng đá cứng chắc không lay chuyển trước gió, dường thế ấy, bậc thiện trí không bị lời tán dương hay khiển trách làm chao động (P.C. 81).

Đạt được trạng thái như thế, sẽ gặt hái được kết quả an tịnh, hạnh phúc và trí tuệ như các bậc hiền trí.

Yathāpi rahado gambhīro Như hồ nước sâu thẳm vippasanno anāvilo Trong sáng, không khuấy đục evaṃ dhammāni sutvāna Cũng vậy, nghe chánh pháp vippasīdanti paṇḍitā Người trí hưởng tịnh lạc.

Đại ý: Như nước trong hồ sâu, yên lặng và trong suốt, dường thế ấy, khi nghe Pháp, (tâm của) người thiện trí vô cùng an tịnh (P.C. 82).

Ngoài ra đức Phật còn nêu cho chúng ta thấy nết hạnh của bậc hiền trí sống trong đời. Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ tám mươi chín như sau:

Yesaṃ sambodhiaṅgesu Những ai với chánh tâm Sammā cittaṃ subhāvitaṃ ,Khéo tu tập giác chi Ādānapatinissagge Từ bỏ mọi ái nhiễm anupādāya ye ratā Hoan hỷ không chấp thủ khīnāsavā jutīmanto Không lậu hoặc, sáng chói te loke parinibbutā Sống tịch tịnh ở đời.

Đại ý: Người có tâm hoàn hảo trong bồ đề phần, người không luyến ái, thỏa thích trong sự "từ bỏ ái dục" (tức Níp Bàn). Con người không ô nhiễm và sáng ngời rực rỡ ấy đã chứng ngộ Níp Bàn trên chính thế gian này (P.C. 89).

Bậc Hiền Trí thường xuyên suy niệm về những pháp lành và đem ra thực hành trong đời sống hằng ngày, nhiệt tâm hướng về đạo pháp, thâu hoạch một niềm vui tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những hạnh phúc trên thế gian và thành đạt một trạng thái tâm thuần tịnh chân chánh, duyên theo đó, tự thanh lọc thân tâm mình và cố gắng rọi sáng, làm cho người khác trở nên trong sạch, bằng gương lành và lời khuyên dạy thích nghi.

Tóm lại, Bậc Hiền Trí luôn có được bốn chi là:

Biết ân người đã làm cho mình (kataññū). Làm cho mình được trong sạch, khỏi điều tội lỗi (attasuddhi).

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 37

Làm cho người được trong sạch (parāsuddhi). Tiếp độ người nên tiếp độ (saṅgaha).

38 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ bảy – Phẩm A La Hán

Từ ngữ “Arahanta” có nhiều nghĩa, như là “Ứng Cúng,” “Vô Sinh,” diệt trừ mọi thắng thúc trói buộc trí tuệ và chứng ngộ Níp Bàn, không còn tái sanh nữa. Ngoài ra còn được gọi là “Asekha - Vô Học” đã hoàn toàn thuần thục, không còn gì để học tập vì đã hoàn toàn viên mãn công trình tu học, thật sự hiểu biết thực tướng của mình và thông suốt thực tướng của thế gian. Cũng là Bậc Tứ Quả, quả vị thứ tư của đời sống Phạm Hạnh cao thượng. Tứ quả là Tu Đà Hườn (Sotāpatti - Thất Lai), Tư Đà Hàm (Sakadāgāmi - Nhất Lai), A Na Hàm (Anāgāmi - Bất Lai), và A La Hán (Arahanta - Vô Sinh).

Bậc Tứ Quả A La Hán bao gồm tất cả bậc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Chí Thượng Thinh Văn, Đại Thinh Văn và Thinh Văn tầm thường.

Sau khi thành đạt quả vị, Hữu Dư Y Níp Bàn, các ngài không ngớt phục vụ tha nhân bằng hai đường lối, lời dạy và gương lành. Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ chín mươi:

Gataddhino visokassa Đích đã đến, không sầu vippamuttassa sabbadhi Giải thoát ngoài tất cả sabbaganthappahīnassa Trừ diệt mọi buộc ràng parilāho na vijjati. Vị ấy không nhiệt não.

Đại ý: Đối với người đã trải qua suốt cuộc hành trình, chấm dứt mọi ưu phiền, hoàn toàn siêu thoát, cắt đứt mọi trói buộc, nhiệt độ (tham ái) không còn nữa (P.C. 90).

Câu này đề cập đến phẩm hạnh vị A La Hán. Có hai nhiệt độ tinh thần và vật chất. Lúc còn sống, vị A La Hán còn thọ cảm nhiệt độ của thể xác, nhưng không quan tâm đến. Còn sức nóng tinh thần, nhiệt độ của tham vọng hay lửa tham ái, ngài không còn nữa vì đã đoạn tận bốn loại trói buộc (gantha) là:

Tham muốn (abhijjhā)
Oán ghét (byāpāda)
Giới chấp tiện thị (sīlabbataparamāsa)
Thủ thực kiến chấp (idaṃ saccābhinivesa) - cố chấp trong thành kiến.
Khi thọ cảm xúc, vị ấy không có sầu muộn, than van. Vị ấy chỉ cảm giác một cảm thọ, tức cảm thọ về thân, không cảm thọ về tâm. Vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của mọi cảm thọ. Vị thánh A La Hán không còn bị trói buộc bởi sanh già đau chết sầu bi khổ ưu não, thoát khỏi mọi trói buộc của đau khổ, hoàn toàn siêu thoát (sabbadhi), hoàn toàn tự do, thoát ra khỏi mọi dính mắc đối với thân ngũ uẩn.

Yesaṃ sannicayo natthic Tài sản không chất chứa Ye pariññātabhojanā Ăn uống biết liễu tri, Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 39

Suññato animitto ca Tự tại trong hành xứ, vimokkho yesaṃ gocaro Không, vô tướng, giải thoát, ākāse’va sakuntānaṃ Như chim giữa hư không gati tesaṃ durannayā Hướng chúng đi khó tìm.

Đại ý: Những ai không tích trữ, nhiếp tâm chánh niệm khi dùng vật thực, thành đạt giải thoát - vốn rỗng không và vô tướng như đối tượng của mình. Lộ trình của các vị ấy không khác nào lộ trình của đàn chim bay trên không trung, không thể vẽ lại được (P.C. 92).

Đời sống của vị A La Hán hoàn toàn bình thản tự tại giữa mọi thăng trầm của thế sự - được và thua, tán dương và khiển trách, danh thơm và tiếng xấu, hạnh phúc và khổ đau, luôn giữ được tâm quân bình, không chao động, không biểu hiện lòng ưa thích hay bất mãn, không hỉ hả vui cười và cũng không lo âu sầu muộn.

Paṭhavīsamo no virujjhati Như đất, không hiềm hận indakhīlupamo tādi subbato, Như cột trụ, kiên trì rahadoʻva apetakaddamo, Như hồ, không bùn nhơ saṃsārā na bhavanti tādino Không luân hồi, vị ấy.

Đại ý: Như đất, người giữ tâm quân bình và có nếp sống kỷ cương không còn xúc động. Người ấy như trụ đồng Indakhīla, như ao hồ phẳng lặng, không bị bùn đất làm nhơ bẩn. Với người có tâm quân bình như thế, cuộc đi lang thang bất định của cuộc đời không còn lặp lại nữa (P.C. 95).

Đất không hề biết thích thú hay nhàm chán khi có người để lên những vật thơm tho hay thúi bẩn như thế nào, thì cũng như thế ấy, vị A La Hán nhẫn nại giữ tâm quân bình, chịu đựng tất cả sự chê khen của người thế gian, và rải tâm từ ái đến bất cứ là bạn hay thù.

Trụ đồng Indakhīla là một cây cột vừa vững chắc, vừa cao dựng lên, bên trong hay bên ngoài các thị trấn cho đẹp mắt, được chôn thật sâu dưới đất, vững vàng như thế nào thì vị A La Hán kiên trì vượt mọi chướng ngại thử thách của đời sống là tham dục (kāmacchanda), oán ghét (byāpāda), hôn trầm thùy miên (thīna - middha), trạo hối (uddhacca - kukkucca), và hoài nghi (vicikicchā). Năm chướng ngại tinh thần này hằng luôn ngăn cản con đường giải thoát cũng dường như thế ấy.

Assaddho akataññū ca Không tin hiểu vô vi sandhicchedo ca ye naro, Người cắt mọi hệ lụy hatāvakāso vantāso Đoạn tận mọi cơ hội sa ve uttamapariso Nhổ sạch các tham ái Vị ấy thật tối thượng.

40 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Người không nhẹ dạ, thấu triệt trạng thái Vô Sanh (Níp Bàn), cắt đứt mọi hệ lụy, chấm dứt mọi cơ hội (cho điều thiện và điều ác phát sanh), tận diệt mọi tham ái, người ấy quả thật là tối thượng (P.C. 97).

Ao hồ phẳng lặng, lắng đọng các bùn nhơ như thế nào, vị A La Hán đã tuệ tri các lậu hoặc (asāva) với Tuệ Quán, nhận biết rằng: “Đây là những lậu hoặc,” “Đây là tập khởi những lậu hoặc,” “Đây là đoạn diệt những lậu hoặc,” và “Đây là con đường đưa đến đoạn diệt lậu hoặc,”. Nhờ tuệ tri như vậy, hiểu biết như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi tà kiến lậu, và thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát. Như vậy khởi lên sự hiểu biết “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm Hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại, không còn đời

sống nào khác nữa.”

Bất cứ nơi nào, bậc A La Hán vào trú ngụ thường luôn an tịnh, không còn các khó khăn, và được thêm kẻ thương người mến vây quanh vì quý ngài luôn đem lợi ích đến cho mọi người.

Gāme vā yadī vā′raññe Làng mạc hay rừng núi ninne vā yadī vā thale Thung lũng hay đồi cao yatthārahanto vīharanti La Hán trú chỗ nào taṃ bhūmiṃ rāmaṇeyyakaṃ Đất ấy thật khả ái.

Đại ý: Dầu ở trong làng mạc hay rừng sâu, ở non cao hay trũng thấp, bất luận nơi nào A La Hán trú ngụ, nơi ấy quả thật tịnh lạc (P.C. 98).

Do sự nào mà bậc Thánh Nhân được giác ngộ các Pháp an lặng là Níp Bàn. Người thức giả nên hành sự ấy. Người ấy là bậc dũng cảm, thân ngũ ý trong lành và chân chánh. Bậc ấy là người dễ dạy, có tánh nhu thuận, không ngã mạn; là người biết tri túc, ít bận việc và tâm thân nhẹ nhàng; là người có lục căn thanh tịnh, có nhiều trí tuệ; và là người không sai lầm, không quyến luyến theo thân bằng quyến thuộc, dứt bỏ mọi dục vọng, yểm ly thế gian, khước từ mọi sự vật.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 41

42 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ tám – Phẩm Ngàn

Phẩm Ngàn có 16 câu với nội dung chính, cần nắm bắt là đức Phật khuyến khích chúng ta nên tầm cầu chất lượng tu tập hơn là số lượng, trau giồi về phẩm hơn là lượng. Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm lẻ ba:

Yo sahassaṃ sahassena Dầu tại bãi chiến trường Saṅgāme mānuse jine Thắng ngàn ngàn quân địch Ekaṃ ca jeyya m′attānaṃ Tự thắng mình tốt hơn sa ve saṅgāmajuttamo Thật chiến thắng tối thượng.

Đại ý: Dầu chinh phục hàng triệu người ở chiến trường, tuy nhiên, quả thật vậy chinh phục được chính mình là chiến thắng cao quí nhất.

Tại đây, đức Phật dạy cho ta tầm quan trọng của sự tự khắc phục, tự kiềm chế, việc làm chủ của bản thân. Tự nó đã nói lên một tinh thần chủ động, lòng tự tín và tự trọng, nói lên ý chí quyết tâm, dũng cảm chịu đựng và khắc phục khó khăn, gian khổ vì những mục tiêu cao quí.

Attā have jitaṃ seyyo Tự thắng, tốt đẹp hơn yā cāyaṃ itarā pajā Hơn chiến thắng người khác attadantassa posassa Người khéo điều phục mình niccaṃ saññatacārino Thường sống tự chế ngự.

Đại ý: Tự thắng mình quả thật thập phần vẻ vang hơn chiến thắng kẻ khác (P.C. 104).

Bất cứ ai, nếu không tự biết mình và làm chủ bản thân, xem thường chữ “nhẫn,” luôn luôn bị dục vọng cá nhân và sân tâm lôi cuốn, kiêu căng, ngạo mạn, chủ quan, thì dù có tài năng và tạm thời giành được thắng lợi đến bao nhiêu, chắc chắn cũng sẽ gặp thất

bại, thậm chí thất bại chua cay, có thể nhìn những hoạt cảnh sinh động miêu tả sự tự làm chủ bản thân và tự chiến thắng lấy mình của đức Phật và chư Thinh Văn Giác.

Yo ca vassasataṃ jīve Ai sống một trăm năm kusīto hīnavīriyo Lười nhác không tinh tấn Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo Tốt hơn sống một ngày Viriyaṃ ārabhato daḷhaṃ Hăng hái tận sức mình.

Đại ý: Nếu phải sống trăm tuổi cuộc đời giãi đãi và bất động, tốt hơn quả thật vậy, chỉ sống một ngày của người tinh tấn chuyên cần (P.C. 112).

Con đường trau giồi đạo hạnh - con đường tạo dựng một tình thương sáng suốt, công bằng, vô ngã vị tha, theo đúng đạo lý nhà Phật, đúng là con đường phải qua nhiều thử thách rèn luyện lòng mình. Mặc dù rất là khó, đức Phật khuyên dạy chúng ta nên có Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 43

được đời sống đạo hạnh, tuy chỉ là ngắn ngủi, hơn là sống lâu mà chẳng lợi ích, buông lung tự hại mình.

Yo ca vassasataṃ jīve Dầu sống một trăm năm dussīlo asamāhito Ác giới, không thiền định ekāham jīvitam seyyo Tốt hơn sống một ngày sīlavantassa jhāyino Trì giới, tu thiền định.

Đại ý: Nếu phải sống đến trăm năm cuộc đời buông lung và không tự chế, tốt hơn quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời đạo hạnh và có hành thiền (P.C. 110).

Thiền định là một phương pháp tu tâm trọng yếu, khiến cho giới được trong sạch, cho trí tuệ được thanh cao.

Sự trì giới rất cần thiết cho thân và lời để lánh xa nghiệp dữ; song, nếu không nhờ năng lực thiền định thì phẩm hạnh phải bợn nhơ, trí tuệ cũng không sao phát triển được.

Yo ca gathāsataṃ bhāse Dầu nói trăm câu kệ anatthapadasaṃhitā Nhưng không chút lợi ích ekaṃ dhammapadaṃ seyyo Tốt hơn một câu pháp yaṃ sutvā upasammati Nghe xong, được tịnh lạc.

Đại ý: Nếu phải đọc cả trăm câu gồm toàn những tiếng vô ích, tốt hơn chỉ nói một lời của Giáo Pháp, làm cho người nghe được an tịnh (P.C. 102).

Đôi khi chỉ cần nói giản dị như trên, hay một hàng chữ đơn độc như “không nên tìm thỏa thích trong hương vị của thế gian mà phải trau giồi đời sống ẩn dật,” hay chỉ vỏn vẹn một chữ có nhiều ý nghĩa như “chuyên cần” cũng đủ cho trọn một kiếp sống.

Yo ca vassasataṃ jīve Ai sống một trăm năm apassaṃ udayavyayaṃ Không thấy pháp sinh diệt akāhaṃ jīvitaṃ seyyo Tốt hơn sống một ngày passato udayavyayaṃ Thấy được pháp sinh diệt.

Đại ý: Nếu phải sống trăm tuổi mà không thông suốt tất cả sự vật phải phát sanh và tiêu diệt như thế nào, thì tốt hơn quả thật vậy, chỉ sống một ngày mà thấu triệt pháp sanh diệt của vạn vật (P.C. 113).

Bản chất của thế gian là vô thường biến đổi, phóng túng, quên mình, duyên theo nó chỉ là tự hại. Khép mình vào một đời sống kỷ cương giới luật và rèn luyện tâm trí cho được sáng suốt, chính là vun bồi cho mình con đường an vui trường cửu.

Không ai thương ta bằng chính tự ta thương ta.

44 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ chín – Phẩm Ác

Từ ngữ "Pāpa" dịch là ác, là hành động xấu, không tốt đẹp của Tâm Bất Thiện, là cái gì làm cho Tâm bị ô nhiễm, là cái gì dẫn dắt ta đến trạng thái khổ đau. Danh từ "tội lỗi" không dịch đúng nghĩa từ ngữ "Pāpa" vì Phật giáo không đặt vấn đề thưởng phạt. Hành động nào bắt nguồn từ ba căn Tham (lobha), Sân (dasa), Si (moha) là ác. Có mười loại hành động ác là: sát sanh, trộm cắp, tà dâm (thực hành bằng thân), nói dối, nói đâm thọc, nói ác ngữ, nói vô ích những nhảm nhí (thực hành bằng lời nói), tham lam, sân hận, tà kiến (thực hành bằng ý).

Phẩm Ác gồm có mười ba câu, nêu lên lợi ích trong việc gìn giữ Tâm cho được thiện lành và nên xa lánh điều ác xấu.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm mười sáu:

Abhittharetha kalyāṇe Hãy gấp làm điều lành pāpā cittaṃ nivāraye Ngăn tâm làm điều ác dandhaṃ hi karoto puññaṃ Ai chậm làm việc lành pāpasmiṃ ramati mano. Ý ưa thích việc ác.

Đại ý: Hãy gấp rút làm việc thiện. Hãy chế ngự điều ác trong tâm, vì tâm của người dể duôi, chậm tạo thiện nghiệp, sẽ ưa thích làm ác (P.C. 116).

Bẩm tính con người có nhiều loại, cả tốt lẫn xấu. Bẩm tính tốt như thiên về trí thức, sáng suốt (bodhicarita - Tánh Giác), thông minh. Bẩm tính có nhiều đức tin (sadhicarita - Tánh Tín), có con tim đầy nhiệt thành, nhiệt tâm v.v...

Đó là những bẩm tính cần được phát huy. Nhưng còn có loại bẩm tính mà đức Phật dạy bảo là phải loại trừ để tạo ra một "tâm địa" trong sáng, là những bẩm tính xấu, không tốt, trói buộc con người vào một nếp sống ích kỷ, đó là lòng tham lam, sân hận, si mê. Chúng ta thường luôn lựa chọn hoặc vui thích với những gì vừa ý hoặc ghét bỏ những gì phật lòng. Vừa ý thì luyến ái, bám víu, nhiễm đắm (tham). Trái ý thì không thỏa mãn, xua đuổi, oán ghét, bực dọc (sân). Mê mờ, tối tăm nên không phân biệt được cái tốt và cái xấu, nên phải vừa ưa và ghét (si). Từ đó tạo cho mình những ác nghiệp tai hại.

Vậy điều tiên quyết là đức Phật khuyên chúng ta không hưỡn đãi làm các việc lành. Nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm các việc thiện. Những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc của chúng ta. Cũng nên vận dụng mọi cố gắng để thanh lọc tâm, mỗi khi nó ve vãn các điều ác. Tâm ô nhiễm sẽ thỏa thích trong tư tưởng xấu.

Pāpaṃ ce puriso kayirā Nếu người làm điều ác nataṃ kayirā punappunaṃ Chớ tiếp tục làm thêm natamhi chandaṃ kayirātha Chớ ước muốn điều ác Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 45

dukkho pāpassa uccayo Chứa ác, tất chịu khổ.

Đại ý: Nếu người kia làm điều ác, người ấy không nên lặp đi lặp lại, không nên thỏa thích trong việc ác, tích ác tức thọ khổ (P.C. 117).

Chúng ta cần phải thấy rõ là cố gắng gạt bỏ những "chướng ngại triền cái" che lấp nhận thức đối với ngoại cảnh; qua đó chúng ta thấy đức Phật đã khuyên chúng ta là phải hết sức xem trọng cuộc sống nội tâm, chỉ dạy chúng ta phải gột rửa cả tâm trí chúng ta cho sạch hết những bụi bặm dày đặc mà dục vọng đã tạo ra, loại bỏ được tất cả những gì là chướng ngại, là tiêu cực, là trói buộc trên con đường "giải thoát," xây dựng được một nếp sống chân chánh cao đẹp của những người biết bỏ ác làm thiện, tạo lập một trạng thái tinh thần thanh tịnh, an lạc, an nhiên tự tại.

Vāṇijoʻva bhayaṃ maggaṃ Ít bạn đường, nhiều của appasattho mahaddhano Người buôn tránh đường hiểm vīsaṃ jīvitukāmoʻva Muốn sống, tránh thuốc độc pāpāni parivajjaye Hãy tránh ác như vậy.

Đại ý: Như người đi buôn mang theo nhiều tiền của mà ít bạn đồng hành. Tránh con đường nguy hiểm, như người muốn sống tránh thuốc độc, cùng thế ấy ta phải lánh xa điều ác (P.C. 123).

Hãy tránh xa điều ác như chúng ta lánh xa một con đường nguy hiểm, không nên xem thường điều ác.

Pāpoʻpi passati bhadraṃ Người ác thấy là hiền yāva pāpaṃ na paccati Khi ác chưa chín muồi yadā ca paccati pāpaṃ Khi ác nghiệp chín muồi atha pāpo pāpāni passati Người ác mới thấy ác.

Đại ý: Người làm ác có thể gặp lành, ngày nào mà quả dữ chưa trổ. Nhưng, khi quả trổ, chừng ấy họ mới thấy hậu quả tai hại (P.C. 119).

Bhadroʻpi passati pāpaṃ Người hiền thấy là ác Yāva bhadraṃ na paccati Khi thiện chưa chín muồi yadā ca paccati bhadraṃ Khi thiện được chín muồi atha bhadro bhadrāni passati Người hiền thấy là thiện.

Đại ý: Người hành thiện có thể gặp dữ, ngày nào mà quả lành chưa trổ. Nhưng khi quả trổ, chừng ấy người hành thiện sẽ gặt quả phúc (P.C. 120).

Một khía cạnh khác, đức Phật chỉ dạy một cách hết sức tế nhị cho chúng ta phải biết bình tĩnh nhận thức giữa các điều thiện ác, và những con người đã tạo ra việc thiện ác. Đức Phật khuyên chúng ta không vội dao động giữa những sự kiện người ác mà gặp các việc

lành, còn người thiện lại luôn gặp các điều không may. Khi đã hội đủ duyên khởi thì tất cả đều phải gặt hái tương xứng với những việc đã làm, không sai chạy.

Một người xấu xa hư hèn có thể sống dồi dào phong phú nhờ hành động tốt trong quá khứ. Người ấy đang thọ hưởng hạnh phúc nhờ tiềm năng của nghiệp lành trong quá

khứ hãy còn mạnh, mạnh hơn, đang thắng thế, và đàn áp nghiệp hiện tại. Do đó lắm lúc ta thấy hình như có sự bất công trên thế gian, người ác được may mắn. Nhưng một khi mà quả dữ hội đủ duyên kỳ để trổ sanh, theo định luật nghiệp báo dĩ nhiên phải có, chừng ấy người làm ác sẽ gặp quả khổ đau do hành động bất thiện của mình trong quá khứ.

Nhiều khi người đạo đức hiền lương lại gặp phải hoạn nạn khốn cùng vì tiềm năng của nghiệp ác trong quá khứ hãy còn mạnh, mạnh hơn, thắng thế và đàn áp nghiệp lành hiện tại. Người ấy chỉ rõ biết được hiệu năng của hành động thiện của mình, khi mà đúng lúc, sẽ trổ quả và đem lại hạnh phúc dồi dào.

Chính sự kiện có việc trái ngược trong đời, người xấu xa hư hèn được dồi dào phong phú, còn người đạo đức hiền lương lại phải gặp hoạn nạn khốn cùng, là một biện minh vững chắc cho niềm tin vào nghiệp báo và tái sanh.

Với người hiền lương, ôn hòa, chúng ta không nên làm tổn hại người ấy. Chính việc gây tổn hại đến người ấy, đức Phật nói rằng đó là việc ác.

Yo appadutthassa narassa dussati Hại người không ác tâm suddhassa passassa ananganaṇassa Người thanh tịnh, không uế taṃ eva bālam pacceti pāpaṃ Tội ác đến kẻ ngu sukhumo rajo paṭivātaṃ'va khitto Như ngược gió tung bụi.

Đại ý: Kẻ nào xâm phạm người ôn hòa, trong sạch và vô tội, quả dữ sẽ dội trở lại kẻ cuồng dại ấy như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay trở vào mắt (P.C. 125).

Cổ nhân chúng ta có câu "ngậm máu phun người, miệng mình dơ trước."

Cũng như người kia ngửa mặt, phun nước miếng lên trời. Nước miếng hẳn không làm dơ trời mà chỉ rơi trở lại người ấy.

Quả ác sẽ đến với những người có tâm ác, hành hung gây đau khổ với người hiền lương, ôn hoà.

Na antalikkhe na samuddamajjhe Không trên trời, dưới biển na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa Không lánh vào động núi na vijjatī so jagatippadeso Không chỗ nào trên đời yatthaṭṭhito muñccyya pāpakammā Trốn được quả ác nghiệp.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 47

Đại ý: Không phải trên trời, giữa biển hay trong hang núi mà người tạo nghiệp ác có thể tìm được nơi nào trên thế gian để lẩn trốn (hậu quả) của hành động bất thiện (P.C. 127).

Đức Phật nói rằng chính ta tạo ra hành động và cũng chính ta gặt hái lấy kết quả của hành động ấy một cách tương xứng thích hợp.

Theo đúng giáo lý của đức Phật, không thể van lơn cầu cạnh, hay hối lộ, hoặc gian lận bằng cách nào mà ta thay đổi được định luật nhân quả, cũng không thể lẩn trốn nơi nào trên thế gian, dầu trên trời rộng mênh mông, giữa đại dương sâu thẳm, hoặc ở thâm sơn cùng cốc mà ta tránh khỏi hậu quả của ác nghiệp đã tạo. Không có vị trời

nào, chí đến đức Phật đi nữa, có thể can thiệp vào sự báo ứng của nghiệp.

48 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười – Phẩm Hình Phạt

Phẩm Hình Phạt có mười bảy câu, gồm những câu khuyến khích chúng ta tuyệt đối ôn hoà, không nên gây tổn hại bất luận chúng sanh nào.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm hai mươi chín:

Sabbe tasanti daṇdassa Mọi người sợ hình phạt sabbe bhāyanti maccuno Mọi người sợ tử vong attānaṃ upamaṃ katvā Lấy mình làm ví dụ nahaneyya na ghātaye Không giết, không bảo giết.

Đại ý: Ai cũng run sợ trước gậy gộc. Tất cả đều sợ chết. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết, cũng không nên làm cho người khác giết (P.C. 129).

Cuộc sống vị kỷ, hẹp hòi, chi biết nghĩ về cái "Tôi" là cái giống không đáy của lòng tham, là nguồn gốc của mọi sự giành giật, tranh chấp, cướp đoạt lẫn nhau, là nguyên nhân làm phát sinh hận thù và xung đột. Đó cũng là biểu hiện của sự ngu si, tối tăm, không nhận thức được thế nào là chân hạnh phúc. Tìm hạnh phúc cho mình trên sự khổ đau của người khác, không thể có được sự kiện này trên thế gian. Những kẻ chỉ sống với lòng vị kỷ, chìm đắm trong vòng lẩn quẩn của dục vọng cá nhân, sẵn sàng gây thiệt hại và đau khổ cho người khác, nhưng đồng thời họ cũng tự chuốc lấy phiền não, lo âu, nghi kỵ, sợ hãi và không ngớt tự dày vò về mặt tinh thần và tâm lý. Một cuộc sống như thế, đâu có thể là sung sướng, cho dù đạt tới những điều kiện vật chất sung mãn.

Trước khi làm một việc chi có tác động đến người khác về mặt tổn thương và đau khổ - với lòng tự trọng và tôn trọng người - chúng ta nên suy nghĩ liên hệ trở lại với chính mình về sự việc ấy.

Sukhakāmāni bhūtāni Chúng sanh cầu an lạc Yo daṇḍena vihimsati Ai dùng trượng hại người attano sukhaṃ esāno Tìm an lạc cho mình pecca so na labhate sukhaṃ Đời sau không được lạc.

Đại ý: Kẻ tìm hạnh phúc cho mình bằng cách hành hạ chúng sanh khác cũng ưa thích an lạc, kẻ ấy sẽ không được hạnh phúc (P.C. 131).

Đức Phật có dạy rằng, "Mọi hành động gì có hại cho mình, có hại cho người, có hại cho cả hai, bị người có trí chỉ trích, nếu chấp nhận và thực hiện sẽ đem lại tâm khổ, tâm ưu, hành động như vậy gọi là bất thiện, và chúng ta phải loại bỏ hành động ấy. Hành động gì không có hại cho mình, không có hại cho người, không có hại cho cả hai, được người trí

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 49

tán thán, nếu chấp nhận và thực hiện sẽ đem lại tâm lạc tâm hỷ, hành động như vậy gọi là thiện, và chúng ta phải thực hành."

Sabbe tasanti daṇḍassa Mọi người sợ hình phạt sabbesaṃ jīvitaṃ piyaṃ Mọi người thương sống còn atānaṃ upamaṃ katvā Lấy mình làm ví dụ, na haneyya, na ghātaye Không giết, không bảo giết.

Đại ý: Ai cũng run sợ trước gậy gộc. Tất cả đều quí trọng đời sống. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết, cũng không nên làm cho người khác giết (P.C. 130).

Việc chi chúng ta vui thích, tất nhiên việc đó ở nơi người cũng vui thích. Việc chi chúng ta không vui thích, việc đó ở người cũng không vui thích. Liên hệ với mình mà qua người.

Đức Phật dạy rằng, "Với người nào dùng gậy gộc để hãm hại người vô hại không có gậy gộc, người ấy sớm phải chịu lãnh khổ đau một trong mười loại khổ đau như sau: Đau đớn nhức nhối vô cùng, tai biến khốc liệt, thân thể bị thương tích, lâm trọng bệnh, loạn ý tán tâm, hay bị vua đàn áp, bị vu trọng tội, ly tán thân quyến, hay bị tan nát tài sản, hoặc nhà cửa bị hỏa tai, và khi thân hoại mạng chung với người ác tuệ ấy phải thọ sanh khổ thú." (P.C. 137, 138, 139 và 140).

Alaṅkato ce'pi samaṃ careyya Ai sống tự trang sức santo danto niyato brahmacārī Nhưng an tịnh, nhiếp phục sabbesu bhūtesu nidhāya daṇḍaṃ Sống kiên trì, phạm hạnh so brahmāṇo, so samaṇo, Không hại mọi sinh linh sa bhikkhu Vị ấy được xứng danh Là Bậc Bà La Môn Hay Sa Môn, Tỳ Khưu.

Đại ý: Với người sống tự trang sức an tịnh, chế ngự dục vọng, nhiếp phục lục căn, (thánh đạo) vững chắc, hoàn toàn thanh tịnh, không dùng gậy gộc đối xử với bất luận chúng sanh nào, người ấy quả thật là một Bà La Môn, một Sa Môn, một Tỳ Khưu (P.C. 142).

Đức Phật dạy người Phật tử phải biết sống ứng xử một cách đứng đắn mỗi khi đứng trước mâu thuẫn giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, giữa "vị tha" và "vị kỷ." Trên tinh thần "vô ngã vị tha," "mình vì mọi người," hạnh phúc của mỗi người không thể tách rời hạnh phúc chung của mọi người, của xã hội. Người Phật tử xác định một lối sống thoát ly khỏi phiền não do dục vọng cá nhân, đề cao được nhân phẩm và lòng tự trọng, thanh thản và thoải mái trong quan hệ giữa con người và con người, trong hạnh phúc chung tất yếu có phần hạnh phúc riêng của mỗi người.

Ai ai cũng quí trọng đời sống của chính mình. Ai ai cũng mong mỏi được hạnh phúc và ai ai cũng sợ hãi, lo âu về sự hành hạ, hình phạt và gây tổn hại cho mình.

50 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Thật tâm mong muốn thực hành theo lời Phật dạy, tầm cầu hạnh phúc cho mình và cho người, không qua gậy gộc hình phạt và gây tổn hại người, người Phật tử phải biết, trước hết phải giữ lấy hạnh khiêm tốn, tự chế lấy mình, nghiêm trì trau giồi hạnh giới đức và tiêu trừ mọi khổ đau.

Asso yathā bhadro kasāniviṭṭho Như ngựa hiền chạm roi ātāpino saṃvegino bhavātha Hãy nhiệt tâm, tinh cần saddhāya sìlena ca viriyena ca Với tín, giới, tinh tấn

samādhinā dhammavinicchay- ena ca Thiền định cùng trạch pháp sampannavijjā carana patissatā Minh hạnh túc, chánh niệm pahassatha dukhaṃ idaṃ anap- pakaṃ Hãy trừ vô lượng khổ.

Đại ý: Như tuấn mã thuần thục dưới ngọn roi, hãy nhiệt tâm chuyên cần. Do niềm tin, giới đức, tinh tấn, chánh định, do sự quán trạch chân lý, do sự thành đạt tri kiến và đạo hạnh, và do chánh niệm, hãy tiêu trừ cái đau khổ vĩ đại này (P.C. 144).

Muốn thực hành tốt đẹp, "mình vì mọi người, mọi người vì mình," trước hết bản thân mỗi người phải biết tự chế, chăm lo, tự tạo ra những điều kiện cho phép làm tốt việc ấy như các điều kiện về sức khoẻ, trí tuệ, tinh thần, bản lãnh, và cả về đời sống vật chất tối thiểu, tương đối ổn định.

Mỗi người phải tự khẳng định mình làm chủ bản thân, chịu trách nhiệm về cuộc sống của mình, không ngừng nâng cao khả năng về mọi mặt, không được ỷ lại vào người khác, nâng cao lòng tự trọng, tự tin, tự lực, không sợ khó khăn, gian khổ, không nao núng trước những thất bại tạm thời, dám vươn tới, và hy sinh vì lợi ích cao thượng.

Thành đạt tri kiến (Vijjācarana - Minh Hạnh Túc - đầy đủ tám sự hiểu biết sáng suốt là thần thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thiên nhãn thông, túc mạng thông, lậu tận thông, tuệ minh sát, và hóa tâm minh) và đạo hạnh (bao gồm mười lăm cái hạnh là thu thúc trong giới hạnh, thu thúc lục căn, tiết độ ẩm thực, giữ tâm luôn giác tỉnh, niềm tin chân chánh, tàm, quý, đa văn, tinh tấn, chánh niệm, trí tuệ và bốn từng thiền).

Hãy tự kiểm soát lấy mình. Kiên trì giữ chánh niệm. Khi hay biết tâm mình đang bị một ý nghĩ xấu xa xâm nhập thì phải biết tự trọng, cố gắng diệt trừ mau lẹ.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 51

52 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười một – Phẩm Già

Từ ngữ "Jarā" dịch là già, lão mại v.v... Có Pālī chú giải như sau: "Jarānaṃ bhāvo = Jaratā." Thực tính từ nơi sự già nua (của sắc thành tựu), gọi là Lão Mại, Già.

Có chín loại già là:

1. Thân thể lão (vayo vuddhijarā): Tức là tóc bạc, răng rụng. 2. Liên tiếp lão (santatijarā): Tức là sự giảm thiểu của Danh và Sắc. 3. Sát na lão (khanikajarā): Tức là sát na trụ của Danh và Sắc. 4. Hiển hiện lão (pakatajarā): Tức là sự già có hiện bày, là thân thể già nua. 5. Ẩn tàng lão (paticchannajarā): Tức là sự già không có hiện bày cho thấy, là cách già của Danh Pháp. 6. Bất kiến lão (avīcijarā - vô gián đoạn lão): Là sự già mà khó biết được bởi không có cơ hội để mà thấy sự già. 7. Hữu kiến lão (savīcijarā - hữu gián đoạn lão): Là sự già mà biết được dễ dàng bởi có cơ hội được thấy, như là sự hư cũ của nhà cửa, đồ đạc v.v... 8. Siêu lý lão (paramatthajarā): Là sát na trụ của Tâm, Tâm Sở, và Sắc Pháp. 9. Chế Định lão (pannattijarā): Là ngoài ra sát na.

Tất cả chúng sanh, khi sinh ra từ bụng người mẹ cho đến lớn lên thành thanh niên thanh nữ và vẫn chưa đến hiện bày trạng thái tóc già, răng rụng v.v... trong khoảng

này cũng đã có sự già rồi, nhưng là loại già của "Ẩn tàng lão" là sự già mà không hiện bày cho thấy. Khi người đó qua khỏi lứa tuổi thanh niên thanh nữ, vào đến lứa tuổi có trạng thái tóc bạc, răng rụng v.v... hiện bày lên, thì sự già này gọi là "Hiển hiện lão" là sự già có hiện bày ra.

Ngay cả trong tất cả những loại sắc như loại "Sắc phi căn phược - Anindriyabaddharūpa" là sắc mà phi hữu sanh mạng như núi, cây, đất v.v... và một vài sự vật khác mà hiện hữu trong thế gian này cũng thường có sự già, và sự già của những loại Sắc phi căn phược này cũng có đặng hai loại là "Ẩn tàng lão" và "Hiển hiện lão." Cũng đôi khi, một vài nhóm sắc chỉ có một loại "Ẩn tàng lão" duy nhứt, không có "Hiển hiện lão" như đất, mặt trời, mặt trăng, núi v.v... vàng, kim cương, già ở trong những loại sắc này gọi là "Avīcijarā - Vô gián đoạn lão" là già mà khó biết được bởi khó có cơ hội được thấy hiện bày ra. Còn những sự vật khác ngoài ra đất, núi, vàng, ngọc v.v... như là bàn ghế, nhà cửa v.v... có cả hai loại là "Ẩn tàng lão" và "Hiển hiện lão" như thế già ở trong những loại sắc này gọi là "Savīcijarā - Hữu gián đoạn lão" là già mà biết được, thấy được dễ dàng bởi có cơ hội được thấy.

Phẩm già có mười một câu, nêu lên những lời dạy cảnh giác chúng ta là lúc nào ta cũng sẵn có sự già ở trong ta, chớ buông mình phóng túng, mà gặp nhiều khó khăn, và sẽ phải hối hận ăn năn khi nhớ lại những gì đã đánh mất đi của dĩ vãng trẻ trung.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 53

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm bốn mươi sáu là:

Ko nu hāso kimānando? Cười gì, hân hoan gì? niccaṃ pajjalite sati Khi đời mãi bị thiêu andhakārena onaddhā Bị tối tăm bao trùm padīpaṃ na gavessatha? Sao không tìm ngọn đèn?

Đại ý: Thích thú vui cười là gì, hoan hỷ khoái lạc là gì khi mà thế gian không dứt bừng cháy? Bị bao trùm trong đêm tối, há không đi tìm ánh sáng? (P.C. 146).

Thông thường thế gian thường ấp ủ, gìn giữ những gì mà hiện đang có. Hân hoan, thỏa thích, khoái lạc với thế gian vì nghĩ rằng thế gian này thường tồn bất biến. Do vậy, quên mình buông lung, phóng dật, đắm say với thế gian vì không biết rằng chính mình cũng bị hư hoại, già nua, và diệt vong.

Thế gian này bị ngọn lửa tham dục thiêu đốt không ngừng và luôn bị màn vô minh bao trùm, bưng bít trong cảnh tối tăm. Vậy, còn trong thế gian này, người thiện trí phải tận lực cố gắng tìm ánh sáng của trí tuệ, vẹt màn vô minh, tìm lấy chân lý đặng hưởng an lạc trường cửu (Níp Bàn).

Passa cittakataṃ bimbaṃ Hãy xem bong bóng đẹp arukāyaṃ samussitaṃ Chỗ chất chứa vết hương āturaṃ bahussaṅkappaṃ Bệnh hoạn, nhiều suy tư yassa natthi dhuvaṃ ṭhiti Thật không gì trường cửu.

Đại ý: Hãy nhìn cái thể xác đẹp đẽ này, một khối đau đớn, một đống bệnh tật, được người ta bận tâm nhiều, nhưng không chứa đựng gì bền vững, không có gì tồn tại (P.C.

147).

Đức Phật khuyên chúng ta nên nhận thức rõ về thể xác này, nhìn bề ngoài coi tươi tốt đẹp đẽ, nhưng bên trong chỉ gồm xương, thịt, máu, tích trữ tật bệnh, vô thường, biến hoại, rã tan.

Do đâu chúng ta bị mê lầm với thế gian? Đức Phật cho biết rằng chính vô minh và ái dục cấu trúc nên thế gian, hình thành thế gian tạm bợ và vô thường này. Nhận biết như thế, chúng ta cố gắng đoạn tận mầm sinh ra thế gian và trí tuệ viên dung, vẹt tan vô minh, tuệ tri giải thoát, an lạc Níp Bàn.

Anekajātisaṃsāraṃ Lang thang bao kiếp sống sandhāvissaṃanibbisaṃ Ta tìm nhưng chẳng gặp gahakārakaṃ gavesanto Người xây dựng nhà này dukkhā jāti punappunaṃ Khổ thay, phải tái sinh gahakāraka diṭṭhoʼsi Ôi! Người làm nhà kia Puna gehaṃ na kāhasi Nay ta đã thấy ngươi!

54 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

sabbā te phāsukā bhaggā Ngươi không làm nhà nữa gahakūtaṃ visaṅkhitaṃ Đòn tay, người bị gãy visaṅkhāragataṃ cittaṃ Kèo cột, người bị tan taṇhāmaṃ khayaṃ ajjhagā Tâm ta đạt tịch diệt Tham ái thảy tiêu vong.

Đại ý: Xuyên qua nhiều kiếp sống, Như Lai thênh thang đi trong vòng luân hồi để tìm, nhưng không gặp, người thợ cất nhà này. Phiền muộn thay, đời sống triền miên tái diễn.

Này hỡi người thợ làm nhà! Người đã bị bắt gặp. Người không còn cất nhà nữa. Tất cả vui mê của người đã gãy. Cây đòn dông của ngươi cũng bị phá tan. Tâm của Như Lai đã thành đạt trạng thái vô lậu. Mọi ái dục đã hoàn toàn chấm dứt (P.C. 153 và 154).

Hai câu này gọi là bài kệ phỉ lạc (udāna) đầu tiên mà Đức Phật đã đọc lên liền sau khi chứng ngộ Đạo Quả Vô Thượng, không thể tìm thấy nơi nào khác.

Ở đây, Đức Phật xác nhận cuộc đi thênh thang bất định trong nhiều kiếp sống quá khứ đầy đau khổ, một sự kiện hiển nhiên chứng minh có nhiều kiếp tái sanh. Ngài phải đi bất định, và do đó, phải chịu khổ đau, phải thênh thang mãi cho đến ngày tìm ra được người kiến trúc sư đã xây dựng căn nhà này, tức là thể xác này. Trong kiếp cuối cùng, giữa khung cảnh cô đơn tịch mịch của rừng già, lúc đi sâu vào công trình thiền định mà Ngài đã dày công trau giồi từ xa xưa trong quá khứ, trải qua cuộc hành trình bất định, Ngài khám phá ra anh thợ cất nhà hằng mong mỏi muốn biết. Anh thợ này không ở ngoài mà ở sâu kín bên trong Ngài. Đó là Ái Dục, sự tự tạo, một thành phần tinh thần luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi người. Ái dục xuất phát bằng cách nào thì không thể biết. Cái gì ta tạo ra, ta có thể tiêu diệt. Tìm ra anh thợ cất nhà và chấm dứt việc xây nhà, tức là đoạn tận ái dục, trong lúc đắc quả A La Hán mà trong bài kệ này, ý nghĩa bao hàm trong thành ngữ chấm dứt ái dục.

Rui mè hay cái sườn nhà của căn nhà tự tạo này là những ô nhiễm như tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô quý.

Cây đòn dông chịu đựng cái sườn là vô minh, căn nguyên xuất phát của mọi dục vọng. Phá vỡ cây đòn dông vô minh bằng trí tuệ tức là làm sập căn nhà. Sườn và đòn dông là vật liệu mà anh thợ dùng để cất nhà, cái nhà không đáng cho ta ham muốn. Vậy, khi hết vật liệu xây cất, tức nhiên anh thợ không còn dựng nhà được nữa.

Khi cái nhà đã bị phá tan thì cái tâm, mà ở phần trên, không đề cập đến, đã thành đạt trạng thái vô lậu, vô sanh, bất diệt, là Níp Bàn. Tất cả cái gì còn tại thế đều phải bỏ lại phía sau, và chỉ có trạng thái siêu thế, Níp Bàn, sẽ tồn tại.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 55

56 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười hai – Phẩm Tự Ngã

Từ ngữ “Atta” dịch là tự ngã, bản ngã. Theo Phật Giáo, không có một linh hồn trường cửu hay một thực thể đơn thuần, không biến đổi do Thượng Đế tạo nên hay xuất ra từ một Đại Hồn (paramātma). Ở đây danh từ “Atta” (tự ngã) có nghĩa là toàn thể châu thân, hoặc một cá nhân, hoặc cái tâm, hay dòng trôi chảy của đời sống.

Phẩm Tự Ngã có 10 câu, nêu tầm quan trọng của tự ngã, tinh thần trách nhiệm về hành động của tự ngã mình.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm năm mươi bảy:

Attānaṃ ce piyaṃ jaññā, Nếu biết yêu tự ngã rakkheyya naṃ surakkhitaṃ Phải khéo bảo vệ mình tiṇṇaṃ aññataraṃ yāmaṃ Người trí trong ba canh paṭijaggeyya paṇḍito. Phải luôn luôn thức tỉnh.

Đại ý: Thương mình hãy khéo bảo vệ lấy mình. Trong suốt thời gian ba canh, người thiện trí phải giác tỉnh phòng bị (P.C. 157).

Chính con người là kẻ tự cứu mình và là ánh sáng soi rọi con đường cho mình. Tự ngã của con người là sản phẩm của một chuỗi các hành động không ngừng biến dịch. Vì vậy tự ngã của con người thì không trường cửu và cũng không có điều chi là bí ẩn.

Có nhận thức sâu sắc và đúng đắn đặc điểm về vai trò và khả năng của con người trong mối quan hệ con người với môi trường sống, mới có thể hiểu được ý nghĩa thâm sâu của lời đức Phật dạy đại đức Ananda trước khi nhập diệt:

“Vậy này Ananda, hãy tự coi chính con là hòn đảo của con, chính con là chỗ nương tựa của con, không nên tìm nương tựa bên ngoài. Hãy lấy Pháp làm hòn đảo của con, lấy Pháp làm chỗ nương tựa của con, không nên tìm nương tựa ở bên ngoài.” (Trường Bộ Kinh II).

Attā hi attano nātho Tự mình nương tựa mình ko hi nātho patosiyà? Nào có điểm tựa khác Attanā’va sudantena Nhờ khéo điều phục mình nāthaṃ labhati dullabhaṃ. Được điểm tựa khó được.

Đại ý: Chính ta là cứu tinh của ta. Quả thật vậy. Ai khác cứu được ta bây giờ? Khéo kiểm soát lấy mình, tức là được vị cứu tinh vốn khó tìm (P.C. 160).

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 57

Đức Phật đã có lời tuyên bố khẳng khái như vầy, “Trong chính cái thân có ý thức dài một tầm này, ta tuyên bố thế giới, sự sinh khởi của thế giới, sự diệt tắt thế giới, và con đường đưa đến sự chấm dứt của thế giới.” (Tăng Chi Bộ Kinh I).

Điều này cho ta nhận thức rằng, không có năng lực nào bên ngoài con người, ngoài “cái thân có ý thức dài một tầm này” tạo nên sự sinh khởi và sự chấm dứt của khổ đau.

Với nhận thức trên, chính chúng ta phải cố gắng nỗ lực để thành đạt an lạc tinh thần cho chính mình.

Attanā′va kataṃ pāpaṃ Tự mình, điều ác làm attanā saṅkilissati Tự mình làm nhiễm ô attanā akataṃ pāpaṃ Tự mình, ác không làm attanā′va visujjhati Tự mình làm thanh tịnh suddhi asuddhi paccattaṃ Thanh tịnh, không thanh tịnh n′añño aññaṃ visodhaye. Đều do tự chính mình Không ai thanh tịnh ai.

Đại ý: Làm điều ác, do ta. Quả thật vậy. Bị ô nhiễm, cũng do ta. Không làm điều ác đều do ta. Quả thật vậy. Do ta, ta được thanh lọc. Trong sạch hay ô nhiễm đều tùy nơi ta. Không ai làm cho người khác trong sạch được (P.C. 165).

Đức Phật đã hết sức nhấn mạnh đến con người và những năng lực của con người. Ngài lưu ý chúng ta rằng chính cái Tâm là cốt lõi của toàn bộ cách xử sự của con người. Tâm là chỗ chứa đựng tất cả sức mạnh và khả năng khiến con người có những hành động như ý và bất như ý. Tâm là nguồn gốc của mọi hành động con người. Tâm cũng là nơi tiếp nhận kết quả hành động. Như vậy Tâm vừa là chủ thể hành động và là nơi tiếp nhận kết quả hành động. Giữa hành động và kết quả của nó không có chỗ để nói đến một hữu thể bên ngoài nào. Không có sự khác biệt giữa nghiệp và nguyên nhân của nó. Con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc họ trở thành tốt đẹp hay xấu xa, hướng thượng hay thấp hèn, sung sướng hay khổ đau. Tâm là nguyên động lực duy nhất thúc đẩy tất cả hành động của con người, và không ai khác cũng chính con người phải gặt hái kết quả hành động của mình. Chính con người phải chịu trách nhiệm về những hành vi, cử chỉ tốt xấu của mình. Chính con người đã tự đào luyện lấy những tính cách như lòng từ bi, thái độ hòa ái, tính độc ác và tàn bạo v.v... Không có quả nào lại không có nhân, tương tự như vậy, cũng không có một nhân nào lại không có một nhân đi trước nó. Mỗi nhân phải là kế thừa của một nhân khác, không có hữu thể nào tồn tại mà lại không có nguyên nhân. Không có một đấng từ bi thánh thiện nào đứng bên ngoài thế giới tạo vật và giải thoát con người ra khỏi khổ đau.

Attadatthaṃ paratthena Dầu lợi người bao nhiêu bahunā′pi na hāpaye Chớ quên phần tư lợi attadatthaṃ abhiññāya Nhờ hiểu rõ tư lợi sadatthapasuto siyā Hãy chuyển tâm lợi mình.

58 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Không nên vì sự an lành của người khác, dầu lớn lao đến đâu, mà lãng quên an lành của chính mình. Hãy nhận định rõ ràng sự an lành của chính mình và lập tâm thành đạt mục tiêu (P.C. 166).

Không nên hiểu lầm rằng, đức Phật dạy chớ có phục vụ kẻ khác, chớ tạo hạnh phúc cho kẻ khác một cách vị tha, bất cầu lợi. Tinh thần phục vụ bất cầu lợi luôn luôn được đức Phật khuyến khích.

Tuy nhiên, không vì thế mà xao lãng phần vun bồi lợi ích cho chính mình trên đường tu tập thành đạt mục tiêu cuối cùng, tức là Đạo Quả Níp Bàn.

Trên lý "vô ngã," con đường "trung đạo" vừa tránh khuynh hướng tuyệt đối hóa một mặt chỉ thấy "cái Tôi vị kỷ," chìm đắm trong vòng lẩn quẩn của những dục vọng cá nhân (biểu hiệu mặt thiếu đạo đức); mặt khác, cũng tránh khuynh hướng tuyệt đối hoá cái Tự Ngã thành Bản Ngã, ỷ lại vào tha lực, trông chờ ở sự ban ơn của Thượng Đế hay thần linh (biểu hiện mặt thiếu trí tuệ). Thuyết "vô ngã" của con đường trung đạo nhấn mạnh tinh thần Tự Ngã với ý nghĩa khẳng định mỗi con người phải làm chủ lấy bản thân, mỗi con người phải chịu trách nhiệm về cuộc sống của chính mình. Một Tự Ngã sáng suốt hành động phù hợp với chân lý khách quan, một Tự Ngã có trí tuệ, một Tự Ngã "vô ngã vị tha" có sự hòa hợp giữa cái "vị tha" và cái "vị kỷ" chính đáng. Cái Tự Ngã chánh tri kiến và chánh tư duy của một con người nhìn thấy chân lý và sống với nếp sống đạo hạnh, đi tìm hạnh phúc cho riêng mình (Bồ Tát Hạnh) trong những hoạt động đem lại lợi ích cho toàn thể nhân loại.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 59

60 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười ba – Phẩm Thế Gian

Từ ngữ "Loka" dịch là thế gian, đời, thế giới. Thế gian có ba loại là:

1. Thế Gian giới (Lokadhātu): Tức là Tâm, Tâm Sở, và Sắc Pháp.

2. Thế Gian chúng sanh (Lokasatta): Tức là mười hai hạng người, bao gồm người khổ, người lạc vô nhân, người nhị nhân, người tam nhân, người sơ đạo, người nhị đạo, người tam đạo, người tứ đạo, người sơ quả, người nhị quả, người tam quả, và người tứ quả.

3. Thế Gian địa giới (Lokabhūmi): Tức là 31 cõi, bao gồm 11 cõi Dục giới, 16 cõi Sắc giới, và 4 cõi Vô Sắc giới.

Phẩm Thế Gian có 12 câu, nêu đủ cả hai mặt nghĩa đen và nghĩa bóng của từ ngữ "Thế Gian." Thế Gian theo nghĩa đen, đức Phật chỉ cho chúng ta về mặt thời gian của đời sống gồm kiếp quá khứ, hiện tại, vị lai, và thế gian của tam giới về mặt không gian. Thế gian theo nghĩa bóng, đức Phật dùng để chỉ về thân ngũ uẩn của chúng ta.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm sáu mươi bảy:

Hī naṃ dhammaṃ na seveyya Chớ theo pháp hạ liệt, pamādena na saṃvase Chớ sống mặc buông lung micchādiṭṭhiṃ na seveyya Chớ tin theo tà kiến nasiyā lokavaddhano Chớ tăng trưởng tục trần.

Đại ý: Không nên phục dịch mục tiêu bần tiện. Không nên sống buông lung phóng dật, không nên ôm ấp tà kiến. Không nên nâng đỡ thế gian (P.C. 167).

Từ ngữ "Thế Gian" trong câu này, đức Phật nói về Tam Giới, cõi đời. Người nào còn có những ý tưởng xấu xa hạ liệt, hướng về dục lạc, những khoái lạc vật chất, sống buông lung, phóng túng, tạo ra những hành động thấp hèn, ngã mạn, kiêu ngạo, hung hăng, tri kiến sai lạc, lầm mê, đức Phật nói rằng người ấy còn trở đi trở lại với thế gian.

Nhận thức sự trở đi trở lại với thế gian này sẽ làm cho chúng ta phải chịu nhiều khổ đau, đức Phật khuyên chúng ta cố gắng thoát khỏi cái thế gian này.

Haṃsādiccapathe yanti Như chim thiên nga bay ākāse yanti iddhiyā Thần thông liệng giữa trời nīyanti dhīvā lokamhā Chiến thắng ma, ma quân jetvā māraṃ savāhiniṃ Kẻ trí thoát đời này.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 61

Đại ý: Chim thiên nga bay dài theo đường mặt trời. Con người nhờ thần thông, bay giữa không trung. Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này nhờ chinh phục Ma Vương và lính của Ma Vương (P.C. 175).

Với những bậc thiện trí, Thánh Nhân đã thành đạt viên mãn mục tiêu cuối cùng là Đạo Quả Vô Sinh Níp Bàn, thoát khỏi thế gian Tam Giới này, vượt thoát khỏi lưới chinh phục của Ác Ma và lính Ma.

Cuộc đời có thể được xem như là một cuộc tranh đấu không bao giờ dừng nghỉ giữa thiện và ác, giữa chánh và tà, giữa trí tuệ và vô minh. Đời sống của đức Phật và Thánh đệ tử của Ngài có thể được xem như là một cuộc đọ tài thử sức gay go và ác liệt giữa thế lực ti liệt, được gọi là Ác Ma tượng trưng, và thế lực cao thượng được gọi là Đạo Quả giải thoát làm biểu tượng.

Ác Ma có tất cả là năm loại:

1. Ngũ uẩn Ma (khandhamāra)
2. Phiền não Ma (kilesamāra)
3. Tối hành Ma (abhisankhāramāra)
4. Tử thần Ma (maccumāra)
5. Thiên tử Ma (devaputtamāra).

Đối diện với đức Phật và chư Thánh đệ tử của Ngài, thường là chư thiên Ma ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại rất có quyền lực. Và binh lính của Ma Vương, bao gồm mười loại dục vọng và phiền não (kilesa) là: tham dục; bất mãn với đời sống Phạm Hạnh cao thượng; đói và khát; ái dục; hôn trầm thùy miên; sợ hãi; hoài nghi; phỉ báng và cố chấp; lợi lộc, khen tặng, vinh dự và thinh danh bất chánh; đánh cao quá mức giá trị của mình và khinh rẻ người khác.

Ác Ma tượng trưng cho các phiền não, đức Phật và chư Thánh đệ tử là các vị đã đoạn trừ phiền não và đang tập đi trên con đường đoạn trừ các phiền não. Một khía cạnh khác, Ác Ma là các dục vọng, và tất cả những ai còn bị các dục chi phối thì những người

ấy còn nằm trong quyền lực của Ác Ma. Đức Phật và các Thánh đệ tử là những người đã hay đang thoát ly khỏi sự chi phối của các dục, đã hay đang vượt qua các cạm bẫy của ái dục, trở thành đối tượng đối nghịch của Ác Ma.

Các bậc Thánh Nhân đã thành đạt mục tiêu cuối cùng là Vô Sinh Níp Bàn, đôi khi các Ngài có nhiều năng lực phi thường, hoặc đôi khi các Ngài cũng không có.

62 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười bốn – Phẩm Phật

Từ ngữ "Buddha" dịch là giác ngộ, tỉnh giác. Là bậc giác ngộ chân chánh, đã tỉnh giác vô minh, thông suốt lý Tứ Đế, và đem ra giáo hóa chúng sanh cùng hiểu biết. Những bậc giác ngộ và đạt Đạo Quả Níp Bàn có ba hạng:

I. Đức Phật Toàn Giác hay Chánh Biến Tri (Sammāsambuddha): Là bậc tự mình giác ngộ chân chánh do sự cố gắng và trí tuệ, không ai chỉ giáo trên con đường giải thoát. Sau khi đắc quả vô thượng, Ngài phổ cập giáo lý đã tìm được đến tất cả chúng sanh nào muốn tìm chân lý để tu hành đến nơi giải thoát như Ngài.

Theo Tam Tạng Pālī, từ thời kỳ quá khứ đã có hai mươi tám vị Chánh Biến Tri hiện hữu trên những quả địa cầu khác nhau. Vị Phật thứ 28 ấy chính là đức Phật Thích Ca, dòng Sakya, họ Gotama, tên Siddhattha. Lúc còn Bồ Tát (Bodhisatta) đã thực hành tròn đủ ba mươi pháp Ba La Mật (Pāramī - Pháp Độ) trong suốt 4 A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu. Đến kiếp chót, đêm rằm tháng tư, Ngài đắc chứng quả Chánh Đẳng Chánh Giác. Đắc quả này là kết tinh cuối cùng của một lòng tự tin, một sự tự lực tự giác, chớ không nhờ ở một quyền lực siêu thiên nhiên nào giúp đỡ. Ngài đã diệt được bao điều chi phối của ngoại cảnh đối với thân tâm để trở thành thanh tịnh chứng pháp, lãnh hội rõ ràng chân tánh của mọi sự vật. Ngài đã là Toàn Giác. Ngài đã thành Phật vào lúc ba mươi lăm tuổi. Từ đây gọi Ngài là đức Phật Gotama, một vị Phật trong trường chi vô lượng Phật quá khứ và vị lai. Ngài đã châu du khắp đây đó tại nước Ấn Độ suốt bốn mươi lăm năm trường để thuyết pháp độ sinh. Giáo lý của Ngài đến nay vẫn còn tồn tại nguyên vẹn.

Pháp Độ (Pāramī - Ba La Mật) hay gọi là "Đáo Bỉ Ngạn" tới bờ an vui là Níp Bàn có mười:

1. Bố Thí Độ: Là trợ tài vật, giúp công sức, thí pháp làm nhân đưa đến Đạo Quả và Níp Bàn. 2. Trì Giới Độ: Gìn giữ các giới, Ngũ giới, Bát giới, Sa di giới, Tỳ khưu giới, tạo nhân đến giải thoát. 3. Ly Dục Độ (Xuất Gia Độ): Là chán lục trần, chẳng mong cầu trong Tam Giới, hay ly tục xuất gia. 4. Trí Tuệ Độ: Trau giồi trí (Văn, Tư, Tu) để sát trừ phiền não. 5. Tinh Tấn Độ: Là siêng năng, cố gắng, sốt sắng hành các Pháp Độ kia cho mau đầy đủ. 6. Nhẫn Nại Độ: Là nhẫn nhịn, ráng chịu, đè nén các xung đột thô thiển không cho phát ra. 7. Chân Thật Độ: Chắc thật ngay thẳng để làm căn lành cho giải thoát cao siêu. 8. Chí Nguyện Độ: Quyết tâm diệt trừ phiền não, thành đạt Đạo Quả, giải thoát Níp Bàn.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 63

9. Từ Ái Độ: Mong muốn tất cả đều an vui, dùng lòng tốt thương mến cùng khắp chúng sanh, làm nhân đưa đến Níp Bàn. 10. Hành Xả Độ: Vượt thoát khỏi những thăng trầm thế sự là đặng lợi - mất lợi, đặng quyền tước - mất quyền tước, bị chê - được khen, hạnh phúc - khổ đau. Giữ Tâm bình thản đưa đến giải thoát Níp Bàn.

Mỗi Pháp trên đều chia ra làm ba bậc là bậc thấp (Pāramī - đến bờ này, dành cho bậc Thinh Văn Giác), bậc trung (Upapāramī - đến bờ kia, dành cho bậc Độc Giác), bậc cao thượng (Paramatthapāramī - đến bờ cao thượng, dành cho bậc Toàn Giác).

Cộng lại có 30 Pháp Độ. Pháp Độ là pháp đưa đến Níp Bàn, đưa đến Đạo Quả Toàn Giác, Độc Giác và Thinh Văn Giác.

Chưa đến Đạo Quả cũng đặng hưởng sáu điều là:

1. Tuổi thọ đầy đủ (āyusampadā)
2. Nhan sắc đầy đủ (rūpasampadā)
3. Sanh trong giòng giống cao sang (kulasampadā)
4. Danh tước đầy đủ (issarujassampadā)
5. Công chúng kính trọng (ādeyyavacanatā)
6. Có đại uy lực (mahānubhāvatā)

II. Đức Phật Độc Giác hay còn gọi là Bích Chi Phật (Pacceka Buddha): Là bậc tự mình giác ngộ chân chánh do sự cố gắng và tự nỗ lực, không thầy giáo hóa, nhưng không dẫn dắt ai đến nơi giải thoát bằng cách truyền bá các pháp cao thượng mà mình đã tìm được. Tự tu, tự chứng, tự giải thoát. Chư Phật Độc Giác chỉ hiện hữu trong thời kỳ không có Phật Chánh Đẳng Giác trên thế gian này.

Quý Ngài chỉ trau giồi đủ 20 Pháp Độ (bờ này và bờ kia) đưa đến Níp Bàn.

III. Đức Thinh Văn Giác (Sāvaka Buddha): Là bậc giác ngộ chân chánh do nhờ được nghe Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác mà đắc Tuệ Giác, diệt tận lòng ái dục và tất cả phiền não trong Tâm. Các bậc này, nếu hội đủ nhân duyên, quý Ngài cũng có thể nói lên con đường tu tập của chính mình với những kinh nghiệm đã trải qua cho những chúng sanh hữu duyên với quý Ngài, như đại đức Ananda, Sāriputta v.v...

Chư Thinh Văn Giác trau giồi trọn vẹn Thập Độ đủ đưa đến Níp Bàn giải thoát.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm bảy mươi chín:

Yassa jitaṃ nāvajīyati Vị chiến thắng không bại jitamassa no yati koci loke Vị bước đi trên đời taṃ Buddhaṃ anatagocaraṃ Không dấu tích chiến thắng apadaṃ kena padena nessatha? Phật giới rộng mênh mông

64 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Ai dừng chân theo dõi Bậc không để dấu tích.

Đại ý: Người mà cuộc chinh phục dục vọng không thể thất bại trên thế gian này, không dục vọng nào đã bị khắc phục còn theo người ấy. Oai lực của vị Phật - không dấu vết ấy - thật vô cùng tận. Ngươi sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào? (P.C. 179).

Ý nghĩa kệ Pháp Cú nêu lên hình ảnh hoàn hảo của đức Phật. Đức Phật đã tận diệt mọi dục vọng của tham sân si. Các dục vọng ấy không còn phát sanh đến Ngài được nữa. Cuộc chiến thắng tinh thần của Ngài không thể bị lay chuyển, và Ngài trở thành người bất chiến bại. Ngài không để lại một dấu vết gì ở thế gian vì đã đoạn tận mọi kiết sử Tham Sân Si. Ngài là bậc hoàn thành mọi việc một cách trọn vẹn (minh hạnh túc), năng lực vô tận, lãnh giới Ngài vô hạn, không còn ai có thể quyến rủ dắt dẫn Ngài vào việc ti liệt sa đoạ.

Kiccho manussapaṭilābho Khó thay được làm người Kicchaṃ maccāna jīvitaṃ Khó thay còn được sống Kicchaṃ saddhammasavanaṃ Khó thay nghe diệu pháp Kiccho buddhānaṃ uppādo Khó thay Phật ra đời.

Đại ý: Được sanh làm người quả thật hiếm hoi. Kiếp sống làm người quả thật khó. Nghe được chân lý tối thượng quả thật khó. Hy hữu thay có một vị Phật ra đời (P.C. 182).

Đức Phật tự xác chứng vị trí của mình khi Ngài nói với tôn giả Sāriputta, "Những ai nói về Ta một cách chân chánh sẽ nói như sau: Một vị hữu tình không bị Si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và nhân loại." (Trung Bộ I, 83).

Đức Phật dùng một thí dụ xác định rõ ràng vị trí của Ngài trong thế giới loài người, "Ví như, này Bà La Môn, bông sen xanh, bông sen hồng hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước và đứng thẳng không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, này Bà La Môn, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà La Môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì."

Xuyên suốt bốn mươi lăm năm ròng rã truyền bá chân lý, tận tụy dìu dắt chúng sanh thực hành hạnh nguyện từ bi bác ái, tự giác giác tha, khuyến nhủ chúng sanh bỏ dữ làm lành vun bồi đạo đức, tạo cho mình có được một đời sống an ổn nhu hòa. Đi đến đâu đức Phật luôn đem an lạc hạnh phúc đến nơi đó.

Sabbapāpassa akaranaṃ Không làm mọi điều ác Kusalassa upassampadā Thành tựu các hạnh lành Sacittapariyodapanaṃ Tâm ý giữ trong sạch

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 65

etaṃ Buddhāna sāsanaṃ Chính lời chư Phật dạy.

Đại ý: Không làm điều ác, trau giồi việc thiện, thanh lọc tâm. Đó là giáo huấn của chư Phật (P.C. 183).

Khantī paramaṃ tapo titikkhā Chư Phật thường giảng dạy nibbānaṃ paramaṃ vadanti Buddhā Nhẫn, khổ hạnh tối thượng Na hi pabbajito parùpaghāti Níp Bàn, quả tối thượng Samaṇo hoti paraṃ vihe ṭhayanto Xuất gia không phá người Sa môn không hại người.

Đại ý: Hành pháp nhẫn nại là khổ hạnh cao thượng nhứt. Níp Bàn là tối thượng theo lời chư Phật dạy. Đúng vậy, người gây tổn hại cho kẻ khác không phải bậc xuất gia. Bậc Sa Môn không hề áp bức ai (P.C. 184).

Anūpavādo anūpaghāto Không phỉ báng, phá hoại pātimokkhe ca saṃvāro, Bảo vệ giới căn bản mattaññutā ca bhattasmiṃ Ăn uống có tiết độ pantaṃ ca sayanāsanaṃ Sàng tọa chỗ nhàn tịnh adhicitte ca āyogo Chuyên chú tăng thượng tâm etaṃ buddhāna sāsanaṃ Chính lời chư Phật dạy.

Đại ý: Không lăng mạ, không gây tổn hại, tự thu thúc đúng theo giới luật căn bản, ẩm thực tiết độ, sống ẩn dật, chuyên cần chú niệm cao thượng. Đó là giáo huấn của chư Phật (P.C. 185).

Đạo Phật có thể tóm tắt trong ba câu kệ trên. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều lấy ba câu này làm nền tảng căn bản trong tất cả mọi lời dạy.

Và đức Phật quả quyết rằng, con người khi gặp điều kinh hãi thì hằng đi tìm nơi nương tựa ẩn náu, nhưng không bao giờ được như ý, cho dù đó là đồi núi, rừng rậm, cây cối và đền miếu. Đức Phật nói rằng, chỉ có ba nơi Tam Bảo, Phật-Pháp-Tăng, thì mỗi chúng sanh đi đến tìm nương tựa thì hằng được an vui, thoát khổ.

Con người là nương tựa quí báu nhứt của con người. Người Phật tử tìm nương tựa (qui y) nơi đức Phật, giáo pháp và tăng già, xem đó là vị đạo sư, lời giáo huấn và người hướng đạo, để thành đạt sự giải thoát của mình và khỏi phiền não của đời sống. Đức Phật là vị Thầy cao quí nhứt đã vạch ra con đường giải thoát. Giáo Pháp là con đường duy nhứt hỗ trợ cho mặt tâm linh đi đến thanh tịnh. Tăng Già đại diện cho các vị Thinh Văn đã theo đúng con đường và trở thành những gương sống. Ta chính thức trở thành Phật tử sau khi thọ lễ qui y Tam Bảo một cách hiểu biết. Người Phật tử qui y hay tìm nương tựa nơi đức Phật, không phải để cầu xin hay hy vọng được chính Ngài hành động để giải thoát. Niềm tin mà người Phật tử trọn vẹn đặt vào đức Phật cũng giống như niềm tin của bịnh nhân đặt vào một danh y, hay của trò nơi thầy.

66 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Nói tóm lại, nói đến Phật, chúng ta phải nghĩ đến ân đức của Phật thật là vô lượng, bao gồm ba ân đức trọng đại là:

Tuệ Đức (paññāguṇa): Có trí tuệ hoàn toàn sáng suốt, không có chi che án được, thông suốt cả Tam Giới bốn loài, thấu triệt lý Tứ Đế là thấy rõ, biết rõ ái dục phiền não, nguyên nhân sanh ra ái dục phiền não, sự diệt tắt ái dục phiền não và con đường diệt tắt ái dục phiền não. Do nhờ trí tuệ hoàn toàn sáng suốt ấy, nên Ngài rõ biết nghiệp lực nào có sự lợi ích, nghiệp nào có sự nguy hại hầu tìm phương tiện giáo huấn chúng sanh xa lánh các điều ác, làm những việc lành để sớm đến bờ giác ngộ.

Tịnh Đức (visuddhiguṇa): Ngài đã xa lìa các phiền não thô lẫn tế, nên thân ngữ ý đều được trọn lành. Trước mặt người hoặc nơi khuất lấp, xa tai cách mắt thiên hạ, Ngài không hề làm, nói và tưởng điều sai quấy và tội lỗi.

Bi Đức (karuṇāguṇa): Ngài thấy chúng sanh đang bị nóng nảy trong lửa ngũ dục, đang chìm đắm trong biển trần ai, chịu thống khổ mãi trong sanh tử luân hồi, nên Ngài phát tâm bi mẫn bao la đối với tất cả chúng sanh, chẳng khác nào người mẹ hiền thương xót con dại, mong cho con thoát khổ, được an vui lâu dài. Từ khi còn tu hạnh Bồ Tát, Ngài

đã từng hy sinh của cải và thân mạng để tìm phương cứu vớt chúng sanh, đến lúc thành đạo, Ngài lại không ngừng nghỉ, suốt bốn mươi lăm năm trường phổ độ chúng sanh.

Ngoài ra, đức Phật còn có mười danh hiệu ân đức như sau: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Và đức Phật đã dạy cho chư tỳ khưu biết được rằng những hạnh phúc cao quí nhứt trong đời là:

Hạnh phúc thay, chư Phật giáng sanh,
Hạnh phúc thay, giáo pháp cao minh,
Hạnh phúc thay, tăng già hòa hợp,
Hạnh phúc thay, tứ chúng đồng tu (P.C. 194).
Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 67

68 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười lăm – Phẩm An Lạc

Từ ngữ “Sukha” dịch là an lạc, hạnh phúc. Phẩm An Lạc có 12 câu, nêu lên tính chất an lạc theo quan điểm Phật giáo, có được hai loại như sau :

Samsasukha: An lạc về thế tục hay an lạc vật chất. Niramsasukha: An lạc phi vật chất, hay an lạc tinh thần, an lạc tinh tuý.

Hạnh phúc pha lẫn là hạnh phúc không trong sạch, là hạnh phúc tạp vật chất, ít hoặc nhiều. Ví như vàng không có kim loại nào xen vào thì gọi là vàng ròng, khi có chất bạc hay đồng lẫn lộn thì gọi là vàng pha. An lạc cũng thế, nếu an lạc vật chất, thì không phải là an lạc vĩnh viễn. An lạc của hạng triệu phú là an lạc trong tài sản, khi hết của cải thì hết an lạc; hoặc cái vui của người thích sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm v.v... không phải là cái vui hẳn, ấy là cái vui trong cảnh giới. An lạc trong đời đều nương theo sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, nào phải là cái vui thật, chỉ là cái vui trong ngũ dục, nếu hết ngũ dục thì cũng hết vui; hoặc sự vui của người ưa mến pháp thế gian (lợi lộc, quyền thế v.v...) cũng chẳng phải là cái vui thuần nhất, cho đến cái vui của người còn tham sân si cũng vậy. Tất cả sự vui ấy không gọi là an lạc hoàn toàn, mà là cái vui tạm thời.

Tóm lại, cái vui phát sanh do sự hỗn hợp với cảnh, vật, người và phiền não toàn là cái vui về thế tục, hay cái vui tạm bợ.

An lạc hạnh phúc là cái vui trong sạch, không nương với các cảnh, vật, người, là cái vui yên lặng khỏi phiền não. Như các bậc xuất gia, các ngài đã từ bỏ ngũ dục, thực hành chánh pháp, trừ diệt tham sân si, đào bứng phiền não dù là còn sanh mạng, nhưng các ngài cũng hằng được an vui bảo hộ. Như thế là an lạc tinh túy phát sanh do sự trong sạch. Như các thánh nhân hưởng hạnh phúc hoàn toàn vì đã đoạn tuyệt phiền não. Do vậy, an lạc ngoài thế tục là an lạc chân thực.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm lẻ hai:

Natthi rāgasamo aggi Lửa nào bằng lửa than natthi dosasamo kali Ác nào bằng ác hận natthi khandhasamā dukkhā Khổ não sánh khổ uẩn natthi santiparaṃ sukhaṃ Lạc nào bằng tịnh lạc.

Đại ý: Không có lửa nào như tham ái. Không có tội ác nào như sân hận. Không có khổ đau nào bằng thân ngũ uẩn. Không có phước báu nào như tịch tịnh (Níp Bàn). (P.C. 202).

Những người tìm thú vui trong sự vui nương theo tiền bạc, của cải, hoặc sắc, thinh, hương, vị, xúc và pháp thế gian (lợi lộc, quyền thế v.v...) là cái vui không trong sạch, cái Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 69

vui còn lẫn lộn với cái khổ. Do chính tham sân si tạo tác và chinh phục lại con người. Đối với hạng người đã từ bỏ gia tài, sự nghiệp và pháp thế gian, các ngài đã gặt hái được sự an lạc hoàn toàn vì mọi dục vọng tham muốn đã dập tắt, ấy là an lạc ngoài thế tục, không trộn lộn với cảnh giới, đạt nguyện vọng cao tột của loài người.

Tất cả nhân loại trên thế gian này đều mong cầu an lạc, nhưng chẳng có mấy ai có được sự hoàn toàn vui sướng.

Đức Phật dạy rằng, "Người nào nghĩ rằng an lạc ở nơi tài vật, lợi lộc, quyền thế và ngũ dục, người ấy không bao giờ đi đến mục đích dập tắt được lòng ham muốn."

Sự an lạc không bao giờ đến được khi chúng ta còn phải chung chạ với phiền não. Nếu "Tham" phát sanh thì phải có vật dụng để phụng sự lòng tham. Nếu "Sân" phát sanh thì vung văng hung hãn mới toại chí v.v... vì là cái vui nương lẫn phiền não, nên không thể có niềm an vui hoàn toàn hạnh phúc.

Ārogyaparamā lābhā Vô bệnh, lợi tối thượng santuṭṭhī paramaṃ dhanaṃ Biết đủ, tiền tối thượng vissāsaparamā ñātī Thành tín đối với nhau nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ. Là bà con tối thượng Níp Bàn, lạc tối thượng.

Đại ý: Sức khỏe là lợi ích cao thượng nhứt. Tri túc là sự nghiệp vĩ đại nhứt. Người thành tín là họ hàng thân thuộc nhứt. Níp Bàn là quả phúc tối thượng (P.C. 204).

An lạc duy nhứt của con người tức là sự an vui không pha lẫn với cái chi cả. Nó phát sanh từ cái Tâm yên lặng, khỏi tất cả những cái vui của ngũ dục v.v... không bị khích động bởi các Tham Sân Si. Cái Tâm an tĩnh trên đường hành đạo mà không có sự quyến luyến trong vật dục, phiền não dục, đó là an lạc duy nhất trong Phật giáo, tịch tịnh - an vui Níp Bàn.

Sau khi nhận định thế nào là an lạc, người tu Phật nên chọn lấy một con đường chân chánh để tiến hành, ta sẽ nhận thấy chân giá trị của con người thay đổi hẳn. Muốn được trọn vẹn ước nguyện, đức Phật khuyên chúng ta nên gần gũi với các bậc Hiền Trí, Thánh Nhân, đó là một phước báu. Không nên kết hợp với người ngu dại, như thế mới mong đem mình ra khỏi bể khổ trầm luân, không còn sợ bị pháp thế gian đầu độc trong cái bối cảnh ảo huyền cám dỗ của thế gian.

Sādhu dassanaṃ ariyānaṃ Lành thay, thấy thánh nhân sannivāso sadā sukhā Sống chung thường hưởng lạc adassanea bālānaṃ Không thấy các người ngu niccaṃ eva sukhī siyā. Thường thường được an lạc.

70 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Được thấy bậc thánh nhân là quí, sống với bậc thánh nhân bao giờ cũng được hạnh phúc. Không thấy người cuồng dại, ta có thể an vui lâu dài (P.C. 206).

Bālasaṅgatacārī hi Sống chung với người ngu dīghaṃ addhāna socati Lâu dài bị lo buồn Dukkho bālehi saṃvāso Khổ thay gần người ngu amitten′eva sabbadā Như thường sống kẻ thù dhīro ca sukhasaṃvāso Vui thay, gần người trí ñātīnaṃ′va samāgamo. Như chung sống bà con.

Đại ý: Đúng vậy, người sống chung với kẻ cuồng dại phải chịu sầu muộn lâu dài. Kết hợp với người điên cũng đau khổ như sống với kẻ thù. Hạnh phúc thay, kết hợp với bậc thiện trí, không khác nào gặp lại thân bằng quyến thuộc (P.C. 207).

Tāsmā hi: Do vậy: dhīrañ ca paññañ ca bahussutañ Bậc hiền sĩ, trí tuệ dhorayhasīlaṃ vatavantaṃ āriyaṃ Bậc nghe nhiều, trì giới taṃ tādisaṃ suppurisaṃ sumedhaṃ Bậc tự chế, thánh nhân bhajetha nakkhattapatham′va Hãy gần gũi, thân cận cadimā. thiện nhân, trí giả ấy, Như trăng theo đường sao.

Đại ý: Do đó, với người thông minh, trí tuệ, bậc thông suốt có chịu đựng, giới hạnh trang nghiêm, và bậc thánh nhân với hạng người giới hạnh và trí thức như thế, ta nên kết hợp như mặt trăng đi theo con đường đầy sao sáng (P.C. 208).

Đức Phật hằng khuyên dạy như thế. Khuyên chúng ta nên ngồi chung với bậc thiện trí thức, nên ưa thích cùng với bậc thiện trí thức. Chúng ta sẽ được biết các chánh pháp mà các bậc thiện trí thức đã hành trì rồi, thì hằng được thoát khỏi tất cả thống khổ.

Ưa thích gần gũi với bậc thiện trí thức, tức là người có giới đức, lại am hiểu tường tận pháp lý cao siêu. Gần gũi và học hỏi nơi mấy vị ấy làm cho tâm tánh ta được cởi mở, trí tuệ phát sanh dễ dàng vì các ngài chỉ dạy toàn các điều lợi ích, mà nhất là lợi ích về tâm trí. Và cố gắng tránh những người ngu dại si mê, có nhiều tà kiến để khỏi bị nhiễm đắm tâm tánh xấu xa, không thể nào là nhân giúp ta phát sanh an lạc hạnh phúc được.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 71

72 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười sáu – Phẩm Hỷ Ái

Phẩm Hỷ Ái gồm có 12 câu, nêu lên hai khía cạnh của Hỷ Ái. Hỷ Ái thông thường xuôi theo pháp thế gian, hiện thân của những căn gốc tham sân si, thì những hỷ ái đó đáng ghê sợ và xa lánh. Hỷ Ái khước từ thế gian, vun bồi chánh tri kiến, thành đạt chứng ngộ chân lý, xứng đáng cho mọi người ái kính.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm mười:

Mā piyehi samāgañchi Chớ gần gũi người yêu appiyehi kudācanaṃ Trọn đời xa kẻ ghét Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ Yêu không gặp là khổ appiyānañ ca dassanaṃ. Oán phải gặp cũng đau.

Đại ý: Không nên tự ràng buộc vào những gì thân yêu, không bao giờ tự ràng buộc vào những gì không thân. Không gặp những gì mình thân yêu, và gặp những gì mình không thân yêu, cả hai trường hợp đều đau khổ (P.C. 210).

Cả hai trường hợp đều đau khổ, một đàng là luyến ái, còn đàng khác là oán ghét.

Đức Phật khuyên chúng ta nên nhận thấy mối nguy hại từ những cái "thân yêu" và "không thân yêu" theo thường tình thế gian. Mà chúng ta cần phải hiểu rõ gốc rễ của sự thân yêu ham muốn và không thân yêu ở từ đâu? Bởi do Vô Minh.

Vô Minh (Avijiā) nghĩa là không biết, không phân biệt chân tà, thực hư, mê mờ tăm tối, theo ba điều như sau:

Vạn vật trong Tam Giới đều không bền vững lâu dài, nay dời mai đổi (aniccaṃ - vô thường), mà lại thấy là bền vững lâu dài. Vạn vật không bền vững thì là khổ (dukkhaṃ), lại thấy cho là vui. Chẳng có một vật chi là thật của ta, ở dưới quyền lực của ta (anātta - vô ngã), mà lại cho là của ta (vợ ta, con ta, tài sản ta).

Bởi cái lầm tưởng ấy nên mình mới có lòng say mê theo cảnh trần giả dối. Có say mê mới có chịu khổ.

Chúng sanh trôi lăn trong sáu đường (trời, người, atula, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục), nào có ai được bền vững lâu dài, nay còn mai mất, nay dời mai đổi, nay hợp mai tan. Xem coi cha mẹ ta, vợ chồng ta, con cái ta sanh ra rồi thì lật bật thấy già, đau, chết, tất cả đều đổi thay. Nào có ai sống hoài mà không chết, đến khi xa lìa rồi thì ta lại phải sầu khổ. Nào có ai thạnh hoài mà không suy, đến khi suy sụp rồi thì lại đau khổ. Quả thật vậy, chẳng có một ai tránh khỏi các sự khổ ở đời.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 73

Bởi có vô minh mới có lầm tưởng, cho cái giả là thật, cho cái khổ là vui, mới có thân yêu ham muốn, say mê theo ngũ trần dục lạc là:

Mắt ưa thích nhìn xem sắc tốt.
Tai ưa thích nghe tiếng hay.
Mũi ưa thích tìm ngửi mùi thơm.
Lưỡi ưa thích tìm nếm vị ngon.
Thân ưa thích sự xúc chạm êm ái.
Do vui thích trong năm sắc trần đó, chân tánh mới lu mờ, tinh thần bị ám muội, tạo nên nghiệp ác sâu dày, mắc phải trầm luân khổ ải lâu dài.

Piyato jāyati soko Do ái sinh sầu ưu piyato jāyati bhayaṃ Do ái sinh sợ hãi piyato vippamuttassa Ai giải thoát tham ái natthi soki luto bhayaṃ Không sầu, đâu sợ hãi.

Đại ý: Thân yêu sanh sầu muộn. Thân yêu sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn cắt đứt tình thân, không còn sầu muộn, càng ít lo sợ (P.C. 212).

Nếu muốn thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi thì phải trừ vô minh và ái dục là mầm cội của bao khổ đau.

Mắt không nên luyến theo sắc trần.
Tai không nên luyến theo tiếng trần.
Mũi không nên luyến theo mùi trần.
Lưỡi không nên luyến theo vị trần.
Thân không nên luyến theo xúc trần.
Nếu căn không luyến theo trần và hồi quang phản chiếu thấy được cái xác thân mà gọi là "Ta" và "Của Ta" đây chỉ là bao gồm 32 thế trược, thì dần bớt lần sự ham muốn ưa thích, bớt sanh lo sợ, không còn khổ đau.

Cái nhân của các việc khổ là gốc bởi lòng tham muốn, bằng dứt lòng tham muốn thì cái khổ không còn chỗ sanh khởi vậy.

Đức Phật có nói, "Thảm thay cho con người, đã sanh ra rồi mà còn phải bị cái khổ Già - Đau - Chết, không sao tránh khỏi." Bị ba cái khổ trọng đại ấy, mà con người vẫn không sớm tìm đàng thoát khỏi. Cũng vì chúng ta quá si mê, lầm tưởng chúng ta còn trẻ chưa già, còn mạnh chưa đau, còn sống lâu chưa chết, quên câu "mạng bất khả diên, thời bất khả đãi" (mạng chẳng khá chờ, giờ chẳng khá đợi). Lại có câu, "Một hậu trầm luân, nhứt thất nhân than, vạn kiếp bất phục" (chết rồi đọa lạc, thuở mất thân, muôn kiếp khó đặng lại), cho nên chúng ta phải sớm thức tỉnh, chớ say mê vui thú theo người, thú và vật, ngũ

74 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

trần dục lạc làm cho bản tánh lu mờ, tinh thần điên đảo, gây bao nhiêu hành động sái quấy, phải chuốc lấy bao khổ đau.

Ngoài ra, đức Phật cũng có khuyên chúng ta nên dứt bỏ sự oán thù ở "thân ngữ ý" của ta đối với người, nên trừ tuyệt những điều tội lỗi ở "thân ngữ ý" oán hận của mình và dùng "thân ngữ ý" của ta làm nên việc đạo đức. Như thế chúng ta vượt thoát khỏi mọi khổ đau ở cả hai mặt là "thân yêu" và "không thân yêu."

Ngoài ra, còn có một loại hỷ ái khác, khi sanh khởi lên làm cho có lợi ích, an vui cho mọi người, đó là hỷ ái khước từ thế gian, liễu tri chân lý, đáng được ái kính.

Sīladassanasampannaṃ Đủ giới đức chánh kiến dhammaṭṭhaṃ saccavedinaṃ Trú pháp, chứng chân lý attano kamma kubbānaṃ Tự làm công việc mình taṃ jano kurute piyaṃ Được quần chúng ái kính.

Đại ý: Người toàn hảo trong giới hạnh và giác tuệ, kiên cố trong giáo pháp, chứng ngộ chân lý và làm tròn nhiệm vụ, người ấy được mọi người kính mộ (P.C. 217).

Giới hạnh được toàn hảo bao gồm có bốn, còn được gọi là Tứ Thanh Tịnh Giới là:

1. Giới biệt biệt giải thoát (pātimokkha saṃvarasīla), giữ được một giới thì khỏi một tội. 2. Giới thu thúc lục căn thanh tịnh (indriya saṃvarasīla) 3. Giới nuôi mạng chân chánh trong sạch (ājīva pāri -suddhisīla). 4. Giới quán tưởng thanh tịnh (paccaya sannissitasīla) trong khi thọ dụng bốn món vật dụng.

Giác tuệ - đó là tuệ giác có liên quan đến bốn Đạo, bốn quả siêu thế, kiên cố trong giáo pháp. Đó là 9 trạng thái siêu thế, gồm bốn Đạo, bốn Quả và Níp Bàn. Chứng ngộ chân lý tối thượng là Tứ Thánh Đế. Tự hoàn thành nhiệm vụ, viên mãn mọi hạnh nguyện là thực hành đầy đủ Giới-Định-Tuệ, bậc như vậy đáng ái kính trong đời.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 75

76 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười bảy – Phẩm Phẫn Nộ

Từ ngữ “Kodha” dịch là sân hận, phẫn nộ, nổi giận, buồn bực, không kiểm soát được Tâm. Tâm sân hận không những làm hao mòn người có Tâm ấy mà còn ảnh hưởng không tốt đến những người ở chung quanh.

Phẩm Phẫn Nộ có 14 câu, gồm những lời đức Phật khuyên dạy chúng ta cố gắng dứt bỏ tâm sân hận, chế ngự tâm phẫn nộ và cố gắng trau giồi đời sống cao thượng, giữ hạnh chân thật, nhẫn nại và bố thí sẽ nâng đỡ con người chúng ta đến chỗ thanh cao siêu thoát.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm hai mươi ba:

Akkodhena jine kodhaṃ Lấy không giận thắng giận asādhuṃ sādhunā jin Lấy thiện thắng không thiện jine kadariyaṃ dānena Lấy thí thắng xan tham saccena alikavādinaṃ. Lấy chân thắng hư ngụy.

Đại ý: Hãy lấy tình thương chế ngự tâm sân. Lấy cái tốt chinh phục điều xấu. Lấy tâm bố thí thắng người xan tham bỏn xẻn. Lấy sự chân thật khắc phục kẻ giả dối (P.C. 223).

Con người là một chúng sanh huyền bí có nhiều tiềm năng phi thường. Có hai năng lực trái ngược, luôn luôn ngủ ngầm trong mỗi người, một là hướng về cao thượng trong sạch, đặc tánh của bậc thánh nhân,và một lại hướng về những điều tội lỗi, nhơ bẩn của kẻ sát nhân tàn bạo. Cả hai năng lực này luôn nằm trong ta, nhiều hay ít, tùy trường hợp.

Trong guồng máy phức tạp của con người, có cái Tâm vô cùng dũng mãnh. Tâm chứa đựng một kho tàng đức hạnh và một hầm tật xấu. Người biết vun bồi đức hạnh là một phước lành cho nhân loại. Kẻ bị tật xấu chi phối là một đại họa cho xã hội.

Những ai có chí hướng trở thành bậc vĩ nhân cao thượng và hữu ích, những ai muốn vượt lên đám đông quần chúng để phục vụ nhân loại bằng cách nêu cao tấm gương trong sáng và ban bố những lời dạy hữu ích đều hết sức cố gắng gội rửa những tật xấu còn lại và phát triển những đức hạnh đang ngủ ngầm trong tâm.

Nhận thức phẫn nộ là một tật xấu có sức tàn phá vô cùng khốc liệt, đức Phật khuyên dạy chúng ta phải biết sử dụng tâm "Từ" tình thương, là một đức hạnh cao quí làm cho con người trở nên cao thượng.

Nhận thức bất thiện là điều kiện làm cho chính mình bị xấu xa, không tốt đẹp, hằng trổ quả không an vui, đức Phật khuyên dạy chúng ta phải biết làm các thiện (thập thiện) hầu đem lại cho chúng sanh nhiều sự an lạc.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 77

Đức Phật khuyên dạy chúng ta phải biết sống với Tâm quảng đại. Một khi ta thực hiện được lòng rộng mở quảng đại thì ta hằng đạt được hai điều như sau:

1. Tiêu trừ những tư tưởng ích kỷ, hẹp hòi, xấu xa. 2. Phát triển được những tư tưởng vong kỷ, vị tha, quảng đại bao la.

Người bố thí với tâm quảng đại là đang diệt lần mọi luyến ái ngủ ngầm trong tâm.

Sự giả dối gian tà không đem lại an lạc cho người tạo ra những điều ấy. Chỉ có hạnh chân thật hằng đem lại an lạc cho người chân thiện. Chân thật có nghĩa là giữ trọn vẹn mọi sự thật.

"Yathāvādi tathākāri, yathākārī tathāvādī."

Nói sao làm vậy, làm sao nói vậy.

Người Phật tử phải tự xem có bổn phận phải luôn luôn giữ chân thật, chân lý. Phải chánh trực, thành thật và trong sạch. Nghĩ sao nói vậy, và luôn luôn dung hòa tư tưởng lời nói và việc làm. Trong mọi việc luôn luôn ngay thật và không thể sai chạy. Không giả dối, không chút gian giảo giữa thân tâm và lời nói của chính mình.

Porāṇaṃ etaṃ Atula Atula nên biết n′etaṃ ajjatanaṃ iva Chẳng phải chuyện đời nay nindanti tiṃhiṃ āsīnaṃ Đời xưa cũng từng nói nindanti bahubbāṇinaṃ Ngồi im bị người chê natthi loke anindito. Nói vừa phải, bị chê Làm người không bị chê Thật khó tìm ở đời.

Đại ý: Này Atula, đây là một thành ngữ đã có từ ngàn xưa không phải chỉ mới có ngày nay: Chúng nó khiển trách ai nói nhiều, ai nói ít cũng bị chúng khiển trách (P.C. 227).

Nacāhu na ca bhavissati Xưa, vị lai và nay na c′etarahi vijjati Đâu có sự kiện này ekantaṃ nindito poso, Người hoàn toàn bị chê ekantaṃ vā pasaṃsito Người trọn vẹn được khen.

Đại ý: Trong quá khứ, vị lai, hay trong hiện tại, không bao giờ có người bị khiển trách hoàn toàn hay được tán dương hoàn toàn (P.C. 228).

Bản chất đời sống không ngừng các việc tranh chấp hơn thua, đúng sai với tâm phẫn nộ, ganh ghét, sân hận. Đức Phật tuyên bố rằng trên thế gian khó có ai sống trên đời này mà không bị khiển trách, không ai bị khiển trách hoàn toàn, luôn cả việc được tán dương hoàn toàn.

78 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Với người không đáng bị khiển trách thì được tán dương.

Yan ce viññū pasaṃsanti Sáng sáng, thẩm xét kỹ anuvicca suve suve Bậc có trí tán thán acchiddavuttim medhāviṃ Vị có trí sáng suốt paññāsīlasamāhitaṃ. Có hạnh không tỳ vết Đầy đủ giới định tuệ.

Đại ý: Thường xét mình hằng ngày, bậc thiện trí tán dương người có đời sống không khuyết điểm, thông minh, có đầy đủ tri kiến và phẩm hạnh (P.C. 229).

Đức Phật dạy rằng với người có tâm đạo vững chắc, khiêm tốn, chuyên cần, luôn luôn giữ tâm niệm và phát triển trí tuệ, vun bồi giới hạnh, an tịnh thân tâm thì hằng được tiến hóa và được các bậc hiền trí hoan hỷ tán dương.

Đức Phật thường thuyết, “Giáo pháp của Như Lai toàn hảo từ đoạn đầu, toàn hảo nơi đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn cuối.”

Toàn hảo từ đoạn đầu có nghĩa là khi nghe được giáo pháp người liền chán ngán thế sự, phát tâm tin tưởng đức Thế Tôn rồi đi tìm cuộc sống tinh thần cao thượng.

Toàn hảo nơi đoạn giữa là khi công phu hành đạo, thân tâm trở nên thơi thới, người rất thỏa thích vừa lòng, rồi cố gắng thêm làm cho Pháp hành càng tiến triển.

Toàn hảo ở đoạn cuối là khi thấu đáo thực chất của các pháp hữu vi cấu tạo là ba trạng thái vô thường, khổ não, vô ngã, thì nội tâm trở nên minh triết thánh thiện. Người biết mình đã đi tới mục đích, đã giác ngộ, không còn dính mắc trong vòng sanh tử nữa.

Ba giai đoạn trên đây biểu tượng cho con đường Giới-Định-Tuệ được sắp đặt theo thứ tự:

Giới ngăn ngừa các điều xấu xa tội lỗi. Định phá tan tư tưởng ngông cuồng lầm lẫn. Tuệ hủy diệt thành kiến si mê ngã chấp. Giới thanh lọc các điều tai hại của nghiệp dữ. Định tẩy trừ những nguy cơ của lòng tham muốn. Tuệ tận diệt sai lầm do tà kiến tin tưởng dị đoan. Giới đưa người ra khỏi mãnh lưới của sắc trần. Định chế ngự các ý nghĩ vu vơ, vô hiệu hóa tâm ái dục. Tuệ giải thoát chúng sanh ra khỏi dòng sanh tử.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 79

Người có trí tuệ hằng ghi nhớ, biết mình trong mỗi hành động, mỗi suy tư nên tinh thần an tĩnh vắng lặng. Cái Tâm an tịnh không còn nghĩ quấy, là yếu tố nội tại thiết yếu để thanh lọc và bảo trì giới đức cao thượng.

Người hành đạo cần phải nhận thức sự hỗ tương chặt chẽ giữa Giới-Định-Tuệ.

Kāyappakopaṃ rakkheyya Giữ thân đừng phẫn nộ kāyena saṃvuto siyā Phòng thân khéo bảo vệ kāyaduccaritaṃ hitvā Từ bỏ thân làm ác kāyena sucaritaṃ care Dùng thân làm hạnh lành.

Đại ý: Phải canh phòng, không để thân có hành động sai lầm và phải chế phục thân nghiệp. Đã dứt bỏ khẩu hạnh xấu, phải trang nghiêm gìn giữ thiện hạnh (P.C. 231).

Vacīpakopaṃ rakkheyya Giữ lời đừng phẫn nộ vācāya saṃvuto siyā Phòng lời, khéo bảo vệ vacīduccaritaṃ hitvā Từ bỏ lời thô ác vācāya sucaritaṃ care. Dùng lời nói điều lành.

Đại ý: Phải canh phòng, không để có lời nói sai lầm, và phải chế phục khẩu nghiệp. Đã dứt bỏ khẩu hạnh xấu, phải trang nghiêm gìn giữ thiện hạnh (P.C. 232).

Manopakopaṃ rakkheyya Giữ ý đừng phẫn nộ manasā samvuto siyā Phòng ý, khéo bảo vệ manoduccaritaṃ hitvā Xa lìa ý độc ác manasā sucaritaṃ care. Dùng ý nghĩ hạnh lành.

Đại ý: Phải canh phòng, không nên để có tư tưởng sai lầm và phải chế phục ý nghiệp. Đã dứt bỏ hạnh xấu của ý, phải trang nghiêm giữ gìn thiện hạnh (P.C. 233).

Bậc thánh nhân nhờ tịnh được tam nghiệp (thân, ngữ, ý), nên các ngài làm chủ được bản thân. Không ngừng nỗ lực chế ngự các bất thiện pháp và song song đó cũng không ngừng vun bồi trang nghiêm các thiện hạnh.

Những bậc hiền triết thường xuyên sống trong hiện tại. Các ngài thản nhiên, vắng lặng, không còn phân biệt: lành dữ, tốt xấu, phải quấy vì biết trên đời huyền ảo, chẳng có chi là tuyệt đối. Không có vật chi là hoàn toàn tốt hay xấu. Các ngài không còn ngã chấp, chẳng quí trọng mình hơn ai khác vì cho rằng tất cả đều vô thường, nên tâm tư bình thản, thanh tịnh an vui, tự tại, đạt đến hạnh phúc trường cửu phù hợp theo tinh thần Phật giáo.

80 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười tám – Phẩm Cấu Uế

Phẩm Cấu Uế có 21 câu, nêu lên những uế trược, ô nhiễm làm cho Tâm bị dơ đục gây ra những hành động tội lỗi và trình bày con đường chánh hạnh làm tiêu trừ các ô nhiễm, uế hạnh.

Nói về Tâm dơ đục cấu uế và sự trong sạch, không cấu uế của Tâm, đức Phật có giải rằng:

“Yathodake āvile appasanne, na passati sippikasambukañca, sakkharaṃ vālukaṃ macchagumbaṃ, evaṃ āvilamhi citte, na so passati attadatthaṃ paratthaṃ yathodake acche vippasanne, so passati sippika sambukañca sakkharaṃ vālukaṃ macchagumbaṃ, evaṃ anāvilamhi citte, so passati attadatthaṃ paratthaṃ.”

Nghĩa là: “Người hằng không xem thấy sò, hến, ốc, sỏi, cát và bầy cá trong nước đục thế nào, người cũng không xem thấy sự lợi ích của mình và của kẻ khác khi Tâm dơ đục như thế vậy. Người hằng xem thấy sò, hến, ốc, sỏi, cát và bầy cá trong nước như thế nào, thì người cũng thấy sự lợi ích của mình và của kẻ khác khi Tâm không dơ đục như thế ấy”.

Các vật dơ bẩn làm cho nước trở nên đục có nhiều thứ như thế nào, thì tâm thường bị nhiều duyên cớ làm cho cấu uế cũng như thế ấy. Nếu nói về điều trọng yếu thì nguyên do làm cho Tâm cấu uế là: 5 pháp triền cái, 16 pháp tùy phiền não, 8 pháp cấu uế, và 9 pháp ô trược.

Khi một trong các pháp trên đây phát sanh đến người nào thì tâm người đó phải mờ tối. Cho nên đức Phật thường khuyến hóa các tỳ khưu cần xem xét cái Tâm mình rằng, "Có pháp cấu uế nhơ nhớp nào ở trong tâm ta chăng?" Nếu có, phải mau dứt trừ. Rồi Ngài dạy tìm phương pháp để ngăn ngừa không cho sanh khởi. Bằng xét rồi mà không thấy có thì phải quán tưởng đề mục thiền định hoặc hành pháp quán minh sát. Nhân đó, hành giả muốn cho Tâm không mờ tối cấu uế, hãy thu thúc đừng cho năm triền cái, 16 tùy phiền não, 8 cấu uế, 9 ô trược phát khởi trong tâm. Vì khi các ác pháp ấy dấy lên rồi thì tâm phải dơ đục, làm cho trí tuệ không mở mang được. Mà thiếu trí tuệ thì suy tính điều chi cũng không chân chánh, làm công việc chi cũng không sao thành tựu tốt đẹp.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm ba mươi sáu:

So karohi dīpaṃ attano Hãy tự tạo hòn đảo khippaṃ vāyama, paṇḍito bhava Hãy tinh cần, sáng suốt niddhantamalo anañgano Trừ cấu uế, thanh tịnh dibbaṃ ariyabhūmim ehisi. Chứng thánh địa chư thiên.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 81

Đại ý: Hãy tự tạo cho mình một hòn đảo. Hãy nhanh chóng tinh cần, trở thành người trí tuệ. Hãy thanh lọc bợn nhơ và làm người không dục vọng. Con sẽ bước vào nhàn cảnh chư thánh (P.C. 236).

Ở đây đức Phật đặc biệt ghi nhận tầm quan trọng của sự cố gắng để đạt mục tiêu tối hậu là tự thanh lọc và giải thoát ra khỏi mọi phiền não khổ đau của đời sống. Cầu xin, van vái hay lệ thuộc vào người khác thì không có hiệu quả gì cả.

Phải sống như thế nào để coi chính mình là hải đảo, là chỗ nương tựa của mình, không tìm nương tựa bên ngoài. Phải biết sống chuyên cần, tinh tấn, giác tỉnh, chánh niệm, từ khước mọi tham ái trong thế gian, luôn luôn phát triển tâm định đối với thân, thọ, tâm, pháp.

Cần nắm rõ các pháp làm cho tâm bị cấu uế và phương pháp diệt trừ cấu uế nơi tâm.

A. Năm Pháp Triền Cái (nīvaranadhamma):

Là những pháp ngăn cản sự tốt đẹp, làm mờ ám tâm.

1. Tham dục
2. Sân độc
3. Hôn trầm (thùy miên)
4. Trạo hối
5. Hoài nghi.

Nguyên nhân sanh khởi năm pháp triền cái:

Sự tham muốn trong ngũ dục phát sanh từ nơi bất tịnh, lại cho là tịnh. Sự sân độc phát sanh từ nơi tâm bất bình, uất ức. Hôn trầm (thùy miên) phát sanh từ nơi tâm không vui thích, thoải mái. Trạo hối phát sanh do tâm không an lặng. Hoài nghi phát sanh do không ghi nhớ bằng trí tuệ.

Năm pháp triền cái này, dù người không có tác ý mong mỏi, cũng có thể phát sanh lên được bởi do đã có thói quen tật nết từ lâu rồi.

Thí dụ năm pháp triền cái với năm thứ nước:

Tham dục ví như nước có lẫn lộn nhiều màu.
Sân độc ví như nước đang sôi trào.
Hôn trầm (thùy miên) ví như nước đang bị rong rêu che.
Trạo hối ví như nước có sóng lưỡi búa.
Hoài nghi ví như nước đục và để trong nơi tối.
82 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Khi nước đã biến đổi như vậy rồi, người không thể soi cho thấy bóng mặt được. Pháp triền cái cũng như điều che ngăn cái tâm không cho thấy lẽ chánh.

Phương phát diệt trừ năm pháp triền cái:

1) Tham trong ngũ dục được diệt trừ bằng tham thiền đề mục bất tịnh (tử thi). Có 6 pháp để dứt lòng tham dục là:

Tu tập đề mục bất tịnh
Tinh tấn niệm đề mục bất tịnh
Thu thúc lục căn
Biết tiết chế trong ẩm thực
Gần gũi bậc hiền triết
Chỉ nên nói lời phát sanh yểm ly
2) Trừ sân độc bằng niệm từ ái, nghĩa là rải tâm từ ái đến tất cả chúng sanh. Có 6 phép để dứt lòng sân độc là:

Tu tập đề mục từ ái
Tinh tấn niệm đề mục từ ái
Quán tưởng rằng mỗi chúng sanh có cái nghiệp riêng
Cố gắng luôn thường quán tưởng
Gần gũi bậc hiền triết
Chỉ nói lên lời nên nói
3) Trừ hôn trầm (thùy miên) bằng pháp tinh tấn. Có 6 pháp để dứt lòng hôn trầm (thùy miên) là:

Chú tâm về sự tiết chế trong pháp thọ thực
Tinh tấn thay đổi oai nghi cho đều, thoải mái
Quán tưởng làm cho tâm sáng lạng, tươi tỉnh

Chỉ ngụ trong nơi trống (khoảng trống)
Gần gũi bậc hiền triết
Chỉ nói lên lời nên nói

4) Trừ sự trạo hối bằng sự tinh tấn. Có 6 pháp dứt trừ:

Trạng thái người đa văn quảng kiến
Tinh tấn tra vấn điều chân chánh, lẽ phải
Biết thuần thục giới luật
Tìm kiếm bậc trưởng thượng hoặc đức hạnh
Gần gũi bậc hiền triết
Chỉ nói lên lời nên nói

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 83

5) Trừ hoài nghi do sự ghi nhớ bằng trí tuệ trong thiện pháp. Có 6 pháp dứt trừ là:

Trạng thái người đa văn quảng kiến
Tinh tấn tra vấn điều chân chánh, lẽ phải
Biết thuần thục giới luật
Làm cho tâm có nhiều đức tin
Gần gũi bậc hiền triết
Chỉ nói lên lời nên nói

B. Mười sáu pháp tùy phiền não (upakilesadhamma):

Là pháp làm cho cái tâm cấu uế như tro bụi dính y trắng.

1. Tham lam (abhijjhavisamalobha): mong mỏi, dính mắc, không phân biệt tốt xấu. 2. Sân hận (dosa): nóng giận, nóng nảy, bực tức. 3. Ngầm giận (kodha): giận ở bên trong nội tâm. 4. Cố oán (upanāha): giận để ở trong lòng, chờ dịp trả thù, làm hại cho được kẻ khác. 5. Bội ơn (makkha): quên ơn, bạc nghĩa với người ban ân. 6. Tự cao (palāsa): đem mình so sánh với kẻ khác, không còn biết bậc cao thấp, không còn biết tôn trọng bậc trưởng thượng hoặc giới đức. 7. Tật đố (issā): ganh ghét, không mong muốn cho người khác được tốt lành. 8. Lận sắc (macchariya): bỏn xẻn, rít rắm, ích kỷ. 9. Giấu lỗi mình (māyā): làm cho kẻ khác tin lầm mình và giả bộ làm cho người tưởng mình là tốt, là lành. 10. Khoe tài (sātheyya): khoe khoang tài năng mình. 11. Cứng cỏi (thambha): là tánh khó dạy, cứng đầu, dầu có người dạy bảo chân chánh cũng chẳng nghe theo. 12. Tranh tài (sarambha): tranh hơn thua với người. 13. Ngã mạn (māna): cố chấp, chấp ngã, chấp ta. 14. Khinh người (atimāna): xem thường, coi thấp người. 15. Say mê (mada): say đắm trong dục, quyến luyến. 16. Dể duôi phóng dật (pamada): quên mình, không cẩn thận.

Tất cả 16 tùy phiền não này đều là pháp nhơ nhớp, mờ ám làm cho tâm trở nên cấu uế, xấu xa, làm điều tội lỗi.

Các pháp diệt trừ 16 tùy phiền não như sau:

1. Tri túc diệt trừ tham lam

2. Từ ái diệt trừ sân hận
3-4 Bi mẫn diệt trừ ngầm giận và cố oán
5. Tri ân và báo ân trừ quên ơn
84 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988
6. Kính nhường, khiêm cung diệt trừ tự cao
7. Hoan hỷ vui thích diệt trừ tật đố
8. Xả thí, khước từ diệt trừ bỏn xẻn, lận sắc
9. Chân thật diệt trừ giấu lỗi
10, 12, 13. Tri kỷ, biết địa vị mình diệt trừ khoe tài, tranh tài và ngã mạn
11. Cứng cỏi diệt trừ bằng dễ dạy
14. Tôn kính diệt trừ khinh người
15. Ghi nhớ, chánh niệm diệt trừ say mê
16. Không phóng dật diệt trừ để duôi, phóng dật
Asajjhāyamalā mantā Không tụng, làm nhớp kinh anuṭṭhānamalā gharā Không đứng dậy, bẩn nhà malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ Biếng nhác làm nhơ sắc pamādo rakkhato malaṃ Phóng dật làm uế nhiễm Kẻ canh giữ (cửa nhà).

Đại ý: Không tụng niệm là rỉ sét của kinh sách. Không siêng năng là rỉ sét của nhà cửa. Dã dượi là bợn nhơ của sắc đẹp. Bất cẩn là sơ hở của người canh phòng (P.C. 241).

Mal'itthiyā duccaritaṃ Tà hạnh nhơ đàn bà maccheraṃ dadato malaṃ Xan tham nhớp kẻ thí malā ve pāpakā dhammā Ác pháp là vết nhơ asmiṃ loke paramhi ca. Đời này và đời sau.

Đại ý: Tà hạnh là uế trược của người đàn bà. Bỏn xẻn là uế trược của người bố thí. Uế trược, quả thật vậy, là điều ác ở cả hai thế gian này và thế gian kế (P.C. 242).

Tato malā malataraṃ Trong hàng cấu uế ấy, avijjā paramaṃ malaṃ Vô minh, nhơ tối thượng. etaṃ malaṃ pahatvāna Hỡi các vị tỳ khưu nimmalā hotha bhikkhavo Hãy trừ bỏ nhơ ấy Thành bậc không uế nhiễm.

Đại ý: Vô minh là uế trược tệ hại hơn hai điều trên, là uế trược trọng đại nhứt. Hãy dứt bỏ uế trược ấy, này hỡi các tỳ khưu, hãy làm người không uế trược (P.C. 243).

C. Có tám pháp cấu uế của tâm:

1. Không đọc tụng kinh sách là cấu uế của kinh điển
2. Không thức dậy là cấu uế của nhà cửa
3. Biếng nhác là cấu uế của dung sắc
4. Phóng dật là cấu uế của phòng hộ
5. Tà hạnh là cấu uế của đàn bà
6. Xan tham là cấu uế của bố thí
Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 85
7. Pháp ác là cấu uế của đời này và đời sau

D. Có chín pháp ô trược của tâm:

1. Ngầm giận (kodha)
2. Bội ân (makkha)
3. Tật đố (issā)
4. Lận sắc (macchariya)
5. Giấu lỗi mình (māyā)
6. Khoe tài (sātheyya)
7. Dối gạt (musā)
8. Ham muốn xấu (papiccha)
9. Tà kiến (micchādiṭṭhi)

Căn cội của mọi pháp cấu uế làm cho tâm dơ đục thường là tham, sân, si và ái dục. Đức Phật cho biết rằng bốn pháp nhơ nhớp trên phát sinh làm cho tâm trở nên hèn hạ xấu xa, làm điều tội lỗi, chịu nhiều khổ đau với nghiệp ác của mình đã tội.

Natthi rāgassamo aggi Lửa nào bằng lửa tham natthi dossasamo gaho Chấp nào bằng sân hận natthi mohasamaṃ jālaṃ Lưới nào bằng lưới si natthi taṇhā samā nadi Sông nào bằng sông ái.

Đại ý: Không lửa nào như tham ái, không có kềm kẹp nào như sân hận, không có lưới nào như si mê, không có sông rạch nào như ái dục (P.C. 251).

Đức Phật cho biết rằng trong thế gian vô minh này, tham sân si là nguồn cội của tất cả tội lỗi. Kẻ thù độc hiểm nhất của nhân loại là lòng tham dục luyến ái, bám bíu vào cái được gọi là "Ta" hay "Của Ta." Tất cả nghiệp dữ đều có thể xảy ra do lòng tham gây nên. Khi bị trở ngại, lòng tham tức giận thù hằn.

Chúng ta luôn luôn lựa chọn, hoặc vui thích với những gì vừa ý, hoặc ghét bỏ cái gì trái ý nghịch lòng. Vừa ý thì luyến ái bám víu, trái ý thì bất mãn, xua đuổi, sân hận, oán ghét. Lòng tham thường là thúc dục bám víu vào dục lạc và tìm mọi phương cánh để thỏa mãn nhục dục. Tâm sân làm cho ta tức giận, lắm khi đến độ cố gắng tiêu diệt điều không ưa thích. Đến khi ta diệt được tự ngã, không còn chấp cái "Ta" nữa thì ta nhận thức được rằng tất cả đều tạm bợ và đều bị định luật vô thường chi phối, và lúc ấy tham và sân tự nhiên tiêu diệt không còn nữa.

Và người đã thanh lọc mọi tham vọng ích kỷ, mọi thù hận, mọi tư tưởng hung ác, tàn bạo, và đượm nhuần tinh thần vị tha từ ái và ôn hòa sẽ thấy mình có đời sống vui vẻ an lành.

86 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ mười chín – Phẩm Pháp Trụ

Phẩm Pháp Trụ có 17 câu, nói về đời sống chánh hạnh, công bằng, nương vào giới luật tìm lấy hạnh phúc.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm năm mươi bảy:

Asāhasena dhammena Không chuyên chế, đúng pháp samena nayatī pare Công bằng, dắt dẫn người dhammassa gutto, medhāvī Kẻ trí sống đúng pháp dhammaṭṭho'ti pavuccati. Thật xứng danh pháp trụ.

Đại ý: Người thông minh không lãnh đạo kẻ khác bằng thuật gian trá, mà đúng theo luật pháp và không thiên vị. Người gìn giữ luật pháp, người ấy được gọi là sống nương theo luật pháp.

Một Phật tử chân chánh phải cố gắng tránh những điều không nên làm, phải khép mình trong giới luật để sống đời sống lý tưởng.

Sau khi suy luận rõ ràng và đúng đắn thế nào là luật nhân quả, người Phật tử cố gắng tránh tất cả những điều quấy và tận lực làm tất cả những điều thiện mà mình có thể làm. Tự nhận thức rằng bổn phận của chính mình là phải trở thành một nguồn hạnh phúc cho tất cả và không khi nào gây phiền não cho một chúng sanh, dầu người hay thú.

Giới luật là nền tảng của tất cả đức hạnh. Muốn được hoàn toàn trong sạch, người Phật tử phải biết khép mình vào kỷ cương của giới luật.

Để sống hoàn toàn trong sạch và vị tha, để kiểm soát và gìn giữ tâm luôn được thanh tịnh, để thấy rõ chơn tướng của sự vật, để có những tư tưởng đúng đắn và sâu rộng, để phát triển thể cách và phẩm giá cao thượng của con người, để hoàn toàn xác nhận được chân giá trị của tinh thần cao thượng, không còn lối sống nào thích hợp hơn là sống nương tựa theo luật pháp.

Mặt khác, cưỡng bách, ngược đãi, hay cuồng tín không thể có phần trong Phật giáo. Xuyên qua đoạn đường 2.500 năm dài dẵng ôn hòa, không một giọt máu bị đổ vì danh nghĩa đức Phật. Không có một vị vua hùng dũng nào đã tung kiếm hoặc múa gươm để truyền bá Phật pháp và không có sự cảm hóa bằng võ lực hay bằng một phương tiện cưỡng bách nào khác. Tuy nhiên, đức Phật là nhà truyền giáo đầu tiên và vĩ đại nhứt trên thế gian. Phật giáo đã được hoằng khai rộng rãi, vẫn còn đang mở rộng trên khắp thế gian, và đang ôn hòa thâm nhập vào tất cả các quốc gia chính bởi vì giá trị cố hữu sẵn có và tánh cách tốt đẹp của giáo huấn Phật giáo gợi trí thức nhiều hơn tình cảm. Phật giáo chú trọng đến nhân cách của hàng tín đồ hơn là sức mạnh về số lượng.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 87

Natana thero hoti Không phải là trưởng lão Yen'assa phalitaṃ siro Nếu cho có bạc đầu paripakko vayo tassa Người chỉ tuổi tác cao moghajiṇṇo'ti vuccati. Được gọi là "lão ngu".

Đại ý: Không phải chỉ vì đầu bạc mà người ấy là Đại Đức. Người ấy chỉ là người lớn tuổi và được gọi là "ông sư già rỗng tuếch." (P.C. 260).

Yamhi saccañ ca dhammoca Ai chân thật, đúng pháp ahimsā saññamo damo Không hại, biết chế phục save vantamalo dhīro Kẻ trí không cấu uế thero iti pavuccati. Mới xứng danh trưởng lão.

Đại ý: Bên trong vị nào có chân lý, chánh hạnh, vô hại, tự chế và tự kiểm soát, hạng người trí tuệ đã thanh lọc mọi ô nhiễm ấy mới quả thật đáng gọi là Đại Đức (P.C. 261).

Kêu gọi những ai đi tìm chân lý, không nên để thế lực bề ngoài ảnh hưởng. Đức Phật đi xa đến mức khuyên dạy các đệ tử không nên khấu đầu khuất phục một cách mù quáng trước oai quyền của bậc trưởng lão mà phải biết suy tư, xét đoán.

Phật giáo đượm nhuần tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn quảng đại khoan hồng. Phật giáo là một giáo huấn được truyền bá với tinh thần cởi mở và thiện cảm. Lòng bi mẫn và đức khoan hồng của đức Phật quả thật vô biên. Ngài không dùng oai quyền của mình để ban hành những điều răn cấm.

Theo Phật giáo có những hành động tốt và xấu, có những hành động không tốt cũng không xấu, và có những hành động có khuynh hướng chấm dứt mọi hành động. Hành động tốt rất cần thiết để giải thoát, nhưng một khi thành tựu mục tiêu tối thượng rồi thì hành giả đã vượt ra ngoài cái tốt và cái xấu.

Yo ca sameti pāpāni Ai lắng dịu hoàn toàn aṇuṃ thālāni sabbaso Các điều ác lớn nhỏ samitattā hi pāpānaṃ Vì lắng dịu ác pháp samaṇoʻti pavuccati. Được gọi là Sa Môn.

Đại ý: Người đã trọn vẹn khắc phục các hành động ác lớn nhỏ, người ấy đáng gọi là Sa Môn vì đã vượt khỏi mọi điều ác (P.C. 265).

Yoʻdha puññan ca pāpañ ca Ai vượt qua thiện ác bāhetvā brahmacariyavā Chuyển sống đời phạm hạnh saṅkhāya loke carati Sống thẩm sát ở đời sa ve bhikkhūʻti vuccati. Mới xứng danh tỳ khưu.

88 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Người đã vượt khỏi cả thiện lẫn ác, người có phẩm hạnh cao thượng, người thông suốt thế gian này, người ấy, quả thật vậy, được gọi là Tỳ Khưu (P.C. 267).

Pāpāni parivajjeti Từ bỏ các ác pháp samunī tena so mumī Mới thật là ẩn sĩ yo munāti ubho loke Ai thật hiểu hai đời munī tena pavuccati. Mới được gọi ẩn sĩ.

Đại ý: Biết chọn điều tốt và dứt bỏ điều ác, thông hiểu cả hai thế gian, người ấy được là ẩn sĩ (P.C. 269).

Đức Phật khuyên chúng ta nên nhận thức rõ rệt về hành động tự mình tạo nguồn hạnh phúc. Không phải qua hình tướng bên ngoài mà chính là sự thanh lọc tâm (ở bên trong) và đời sống gương mẫu làm cho con người trở nên trong sạch. Sự đổi thay từ trong ra ngoài, chớ không phải từ ngoài trở vào trong. Không tuyệt đối cần thiết phải rút vào ẩn dật nơi hẻo lánh vắng vẻ và sống đời tu sĩ mới chứng ngộ được Níp Bàn. Đời sống Tỳ Khưu chắc chắn giúp sự tiến bộ tinh thần được thành đạt mau chóng và dễ dàng hơn, nhưng người cư sĩ tại gia cũng vẫn có thể đắc quả Thánh.

Na sīlabbalamattena Chẳng phải giữ giới cấm bāhusaccena vā puna Cũng không phải học nhiều atha vā samādhilābhena Chẳng phải chứng thiền định vivicca sayanena vā. Sống thanh vắng một mình.

Đại ý: Không phải chỉ nhờ nghiêm trì giới luật và hạnh kham khổ, hay lại nữa, do tài học rộng, hay phát triển tâm định, hay sống ẩn dật (mà nghĩ rằng). (P.C. 271).

Phusāmi nekkhammasukhaṃ Nghĩ rằng: Ta thọ hưởng aputhujjanasevitaṃ Hạnh phúc an lạc bhikkhu vissāsam āpādi Phàm phu chưa hưởng được appatto āsavakkhayaṃ Tỳ khưu, chớ tự tín Khi lậu hoặc chưa diệt.

Đại ý: "Ta đang thọ hưởng phước báu của hạnh từ khước, điều mà người thế gian không thể hưởng." Này Tỳ Khưu, không nên vì các hạnh ấy mà tự mãn, không lo thanh lọc trọn vẹn nhiễm ô (P.C. 272).

Giáo lý của đức Phật có phần luân lý tuyệt hảo dành cho cả bực xuất gia lẫn hàng cư sĩ. Tuy nhiên, Phật giáo không phải chỉ một hệ thống giáo huấn về luân lý thông thường.

Giới hay luân lý, chỉ là giai đoạn sơ khởi, là phương tiện để đạt đến mục tiêu, chớ không phải chính nó là mục tiêu. Mặc dầu "giới" tuyệt đối rất cần thiết, riêng nếp sống đạo đức không thể dẫn đến chỗ giải thoát hay hoàn toàn trong sạch. Vượt lên khỏi giới là trí tuệ (paññā). Nền tảng của Phật giáo là giới. Tuệ là đỉnh tối cao.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 89

Có một vài vị tỳ khưu đã thành đạt những tiến bộ tinh thần khá cao, nhưng không kiên trì tinh tấn để đạt đạo quả Vô Sinh, nghĩ rằng các ngài có thể trở thành A La Hán lúc nào cũng được. Đức Phật khuyên dạy các vị ấy không nên tự mãn trước khi thành đạt mục tiêu cuối cùng.

90 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai mươi – Phẩm Đạo

Từ ngữ "Magga" dịch là Đạo, con đường. Có Pālī chú giải như sau: "Kilesa marentā nibbānaṃ gacchanti etenāti : Maggo". Nhân sát trừ phiền não và đưa đến Níp Bàn gọi là Đạo.

Phẩm Đạo có 17 câu, nêu lên con đường của bậc Thánh có tám ngành, là con đường duy nhứt dẫn đến Níp Bàn, là con đường thanh tịnh dẫn đến chứng ngộ tam tướng (vô thường, khổ đau, vô ngã) của thế gian, xa rời mọi phiền não, tuệ tri Tứ Thánh Đế.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ 273:

Maggān'aṭṭhangiko settho Tám chánh, đường thù thắng saccānaṃ caturo padā Bốn đế, lý thù thắng virago seṭṭho dhammānaṃ Ly tham, pháp thù thắng dipadānañ ca cakkhumā Pháp nhãn, người thù thắng.

Đại ý: Con đường cao thượng nhất là Bát Chánh Đạo. Chân lý cao thượng nhứt là Tứ Đế. Không luyến ái là trạng thái cao thượng nhứt. Cao thượng nhứt trong các loài có hai chân là Đấng Toàn Giác (P.C. 273).

A. Bát Chánh Đạo: Con đường chân chánh có tám ngành, con đường ở giữa (Trung Đạo) của hai cách thức tu tập lợi dưỡng và khổ hạnh, là tinh hoa của giáo lý đức Phật. Chính Ngài đã nhận thức được quan điểm sai lầm của hai cực đoan này, nên theo con đường

ở giữa, Trung Đạo. Đạo hay con đường mới này do chính Ngài đã khám phá. Không giống như hai cực đoan, con đường ở giữa này đem lại giác ngộ tinh thần và trí tuệ minh mẫn, thấy được thực tướng của sự vật. Con đường Trung Đạo này chế ngự mọi thèm khát vật chất, dẫn đến bốn Thánh Đạo, bốn Thánh Quả, thấu triệt Tứ Đế, và sau cùng chứng ngộ mục tiêu tối hậu là Níp Bàn.

Bát Chánh Đạo bao gồm có tám là:

1. Chánh Kiến: Điểm then chốt của Phật giáo. Đề cập đến sự thấy chân chánh, tức am tường Tứ Thánh Đế. Nói một cách khác, chánh kiến là thấu triệt thực tướng của bản thân mình. 2. Chánh Tư Duy: Những suy tưởng chân chánh. Gồm 3 phần: a. Ly Dục (nekkhamma): Sự khước từ mọi dục vọng trần tục, hay lòng vị tha. b. Vô Sân (abyāpāda): Tâm từ ái, thiện chí hay hảo tâm xa rời thù hận, ác ý ganh ghét. c. Vô Hại (avihimsa): Không hung bạo, hay tánh hiền lương, lòng bi mẫn. 3. Chánh Ngữ: Trừ khử Tứ Ngữ Ác Hạnh. 4. Chánh Nghiệp: Trừ khử Tam Thân Ác Hạnh.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 91

5. Chánh Mạng: Trừ khử Tứ Ngũ Ác Hạnh và Tam Thân Ác Hạnh liên quan với việc nuôi mạng. 6. Chánh Tinh Tấn: Nỗ lực, siêng năng theo Tứ Chánh Cần. 7. Chánh Niệm: Suy niệm tiến hành theo Tứ Niệm Xứ. 8. Chánh Định: Sự kiên định trong Cảnh Quán Nghiệp Xứ.

Trong tám yếu tố này thì:

Chánh Kiến và Chánh Tư Duy thuộc về Tuệ. Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng thuộc về Giới. Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định thuộc Định.

Đây là con đường duy nhứt. Tám yếu tố này thể hiện cho thấy tâm trạng của người có chú nguyện cố gắng thành đạt giải thoát.

B. Tứ Đế: Bốn sự chân thật. Theo từ ngữ Pālī “Sacca” có nghĩa là chân lý, là cái gì thực sự có. Bốn chân lý là nền tảng giáo lý của đức Phật, mật thiết liên quan đến cái gọi là chúng sanh. Do đó, Phật giáo lấy nhân bản làm trung tâm, lấy con người làm trụ cột, trái ngược với những tôn giáo lấy thần linh làm trọng tâm. Dầu cho chư Phật có xuất hiện hay không, những chân lý ấy vẫn tồn tại và một vị Phật chỉ khám phá ra nó bằng cách trực nhận và truyền dạy lại cho người thế gian còn bị màn vô minh che lấp. Chân lý là sự thật, bất di bất dịch, vĩnh cữu và không thể bị thời gian biến đổi. Đức Phật tự một mình chứng ngộ những chân lý này chớ không có sự hỗ trợ nào của ai khác, và Ngài đã ghi nhận rõ ràng trong bài Kinh Chuyển Pháp Luân:

“Đối với các Pháp trước kia chưa từng được nghe, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, tuệ giác và minh tuệ phát sanh đến Như Lai.”

Danh từ Pālī gọi những chân lý này là “Thánh Đế - Ariya saccāni” vì đây là những chân lý tìm ra do đức Phật là bậc Thánh (ariya) hoàn toàn trong sạch và đã thanh lọc trọn vẹn mọi nhiễm ô. Có Pālī chú giải như sau:

“Ariyānaṃ saccāni = Ariya saccāni”. Pháp trở thành sự xác thực của bậc thánh gọi là Thánh Đế.

Thánh Đế gồm có bốn là:

1) Khổ Thánh Đế: Với bậc Thánh Nhân, tất cả đời sống là khổ vì các ngài thấy rằng không thể có hạnh phúc thật sự vững bền trong một thế gian huyền ảo, tạm bợ, chỉ có thể làm cho nhân loại thất vọng. Gồm có ba phần:

Khổ khổ: Có tám là sanh, già đau, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ uẩn khổ. Hành khổ

92 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Hoại khổ

2) Tập Thánh Đế: Nhân sanh ra mọi khổ đau, đó là ái dục. Có ba loại ái dục:

Dục ái (kāmataṇhā): Ưa thích trong ngũ dục. Hữu ái (bhavataṇhā): Ưa thích theo thường kiến. Ly hữu ái (vibhavataṇhā): Ưa thích theo đoạn kiến.

Ái dục là một năng lực tinh thần vô cùng hung mạnh, luôn ngủ ngầm trong mỗi người, và là nguyên nhân chánh của phần lớn các điều bất hạnh trong đời. Chính ái dục, thô thiển hay vi tế, làm cho ta bám víu vào sự sống dưới mọi hình thức, và do đó dẫn dắt ta mãi phiêu bạt trong vòng luân hồi khổ.

3) Diệt Thánh Đế: Sự chấm dứt toàn vẹn mọi đau khổ, tức Níp Bàn, mục tiêu cứu cánh của người Phật tử. Níp Bàn có thể thành tựu được trong chính đời sống hiện tiền bằng cách tận diệt mọi hình thức áp dụng. Níp Bàn phải được thấu triệt do nhãn quan tinh thần bằng cách chấm dứt mọi luyến ái với thế gian.

4) Đạo Thánh Đế: Là Bát Thánh Đạo, con đường duy nhứt đi ngay đến Đạo Quả Níp Bàn và cũng là chân lý cuối cùng trong Tứ Thánh Đế.

Phân tích Tứ Thánh Đế theo Nhân Quả và Hiệp Thế - Siêu Thế:

Khổ Đế là quả Tập Đế là nhân: cả hai pháp này là Hiệp Thế - Hiệp Thế Đế.

Diệt Đế là quả Đạo Đế là nhân: cả hai pháp này là Siêu Thế - Siêu Thế Đế.

Yāvaṃ hi vanatho na chijjati Khi nào chưa cắt tiệt aṇumatto pī narassa nārisu Ái dục giữa gái trai paṭibaddhamano va tāva so Tâm ý vẫn buộc ràng vaccho khīrapako va mātari. Như bò con vú mẹ.

Đại ý: Ngày nào còn một bụi cây nhỏ (dục vọng) giữa nam và nữ chưa bị chặt ngã, ngày ấy tâm hãy còn bị trói buộc, giống như con bê đeo dính bò mẹ (P.C. 284).

Ucchinda sineham attano Tự cắt dây ái dục kumudaṃ sāradikaṃ’ va pāṇinā Như trẻ bẻ sen thu santimaggaṃ eva brūhaya Hãy tu đạo tịch tịnh nibbānaṃ sugatena desitaṃ. Níp Bàn, Thiện Thệ dạy.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 93

Đại ý: Hãy cắt đứt dây tình cảm như ngắt cành sen mùa thu. Hãy phát triển con đường an tịnh. Níp Bàn đã được đức Thiện Thệ truyền dạy (P.C. 285).

Đức Phật hằng nhắn nhủ với hàng đệ tử rằng, "Trên thế gian này, không luyến ái là hạnh phúc. Và vượt hẳn lên khỏi mọi hình thức dục lạc là hạnh phúc tối thượng."

Chúng ta cũng cần biết qua tính chất cao quí của đức Phật. Ngài là một con người như chúng ta, sống như một con người, và từ giã cõi đời như một người. Mặc dù là người, Ngài trở thành một con người siêu phàm, xuất chúng, thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn thiện, là chính do sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Đức Phật đã nhiều lần ân cần nhắc nhở như vậy, và không có điểm nào trong đời sống hay trong lời dạy của Ngài để cho chúng ta lầm hiểu rằng Ngài là một nhân vật vô sanh bất diệt.

Muốn được trong sạch như vậy, thì chính mình phải làm những việc thiện lành, ngang qua thân ngữ ý, và không muốn bị ô nhiễm, cũng chính mình thanh lọc các bợn nhơ nơi thân ngữ ý của chính mình.

Vācānurakkhī, manasā susaṃvuto Lời nói được thận trọng kāyena ca akusalaṃ kayirā Tâm tư khéo hộ phòng ete tayo kammapathe visodhaye Thân chớ làm điều ác ārādhaye maggaṃ isippaveditaṃ. Thanh lọc ba nghiệp tịnh Thành đạt đạo Thánh Nhân.

Đại ý: Canh phòng lời nói, thu thúc tâm và thân, không làm điều bất thiện. Hãy thanh lọc ba lối hành động và thành đạt con đường mà chư thánh hiền đã chứng ngộ (P.C. 281).

Đức Phật chỉ vạch cho ta con đường và phương pháp mà ta có thể nương theo đó để tự giải thoát ra khỏi mọi khổ đau sanh tử và thành tựu mục tiêu cứu cánh. Đi trên con đường và theo đúng phương pháp là phần của người đệ tử chân chánh muốn thoát khỏi những bất hạnh của đời sống (con đường Giới Định Tuệ).

Na santi puttā tānāya Một khi tử thần đến ma pita na'pi bandhavā Không có con che chở antakenādhipannassa Không cha, không bà con natthi ñātisu tānatā Không thân thích che chở.

Đại ý: Không có con cái nào để bảo trợ ta, không có cha, hay chí đến họ hàng cũng không có, bởi vì người bị cái chết tràn ngập, không thể tìm sự bảo trợ ở họ hàng (P.C. 288).

Etaṃ atthavasaṃ ñatvā Biết rõ ý nghĩa này paṇḍito sīlasaṃvuto Bậc hiền siêng trì giới nibbānagamanaṃ maggaṃ Mau lẹ làm thanh tịnh khippam'eva visodhaye. Con đường đến Níp Bàn.

94 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Nhận định sự kiện ấy, người có giới hạnh và trí tuệ, nhanh chóng mở con đường dẫn đến Níp Bàn (P.C. 289).

Đức Phật hằng khuyên chúng ta phải biết tự chế thân tâm, kiểm soát mọi hành vi, tư tưởng đúng theo lẽ phải (Giới). Khi giới đức được vun bồi hoàn hảo thì tinh thần trở lên

thơ thới nhẹ nhàng, an tĩnh (Định). Cái tâm an tịnh, vắng lặng, sáng ngời đưa tới sự minh triết rõ ràng như mảnh gương trong sáng (Tuệ) để thấu rõ bản chất của vạn vật trong vũ trụ đúng theo thực tại, nghĩa là thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã, rồi đoạn tận tam độc tham, sân, si, phá vỡ thân ngũ uẩn luôn biến đổi vô lường.

Người Phật tử chẳng những gìn giữ không cho thân khẩu làm quấy mà cần phải luôn có ý thức hướng thiện, phải luôn niệm tưởng biết mình, thận trọng và phòng hộ các phần, không quên mình.

Các bậc thánh nhân thường luôn sống trong hiện tại. Các ngài thản nhiên, vắng lặng, không còn phân biệt riêng tư cho mình vì biết trên đời này vô thường, chẳng có chi là tuyệt đối. Luôn giữ tâm tư bình đẳng, thanh tịnh, an vui. Thoát khỏi mọi hệ lụy của thế gian, đạt thành hạnh phúc trường cửu, siêu xuất thế gian - Níp Bàn.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 95

96 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai mươi mốt – Phẩm Tạp Lục

Từ ngữ “Pakinnaka” dịch là tạp lục, linh tinh. Phẩm Tạp Lục có 16 câu, gồm có nhiều ý nghĩa về mọi mặt, thích hợp trong việc suy niệm và hoạch định cho mình một hướng đi an lành.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm chín mươi:

Mattā sukhapariccagā Nhờ từ bỏ lạc nhỏ passe ce vipulaṃ sukhaṃ Thấy được lạc lớn hơn caje mattā sukhaṃ dhīro Kẻ trí bỏ lạc nhỏ sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ Thấy được lạc lớn hơn.

Đại ý: Nếu từ bỏ hạnh phúc nhỏ mà có thể thành đạt hạnh phúc lớn, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để mưu cầu hạnh phúc lớn (P.C. 290).

Đề cập đến cuộc đời và sự hưởng thụ các dục lạc, đức Phật nói rằng chúng ta nên hiểu rõ ba điều: 1. Vị ngọt (assada), 2. Sự nguy hiểm (adinava), và 3. Sự xuất ly (missarana) (Trung Bộ I).

Khi chúng ta thấy một người đẹp, duyên dáng và vui vẻ, chúng ta thích người ấy, bị thu hút, thích thú muốn thấy mãi người ấy, cảm nhận được sự vui thích và thoải mái ở nơi người ấy, đó là vị ngọt (assada).

Những vị này là vô thường, ngay cả người ấy và tất cả sự quyến rủ của người ấy cũng là vô thường. Khi tình hình biến đổi, khi chúng ta không còn thấy người ấy, khi mà bị thiếu đi vị ngọt ấy, chúng ta trở nên buồn bã, mất bình tĩnh. Đây là khía cạnh xấu, không thỏa mãn, nguy hiểm của vấn đề (adinava). Nếu như không bị luyến ái người ấy, hoàn toàn không liên hệ, đó là tự do, giải thoát (nissarana).

Ba điều này là sự thật đối với tất cả sự thụ hưởng ở đời. Chúng ta phải chấp nhận những lạc thú ở đời, cũng như đau đớn sầu muộn của nó, và cả sự xuất ly khỏi chúng để hiểu rõ cuộc đời một cách hoàn toàn và khách quan. Nếu có những Sa Môn hay Bà

La Môn nào hiểu một cách khách quan theo cách thức này rằng, vị ngọt của dục lạc là vị ngọt, sự nguy hiểm của dục lạc là sự nguy hiểm, sự xuất ly khỏi dục là sự xuất ly, thì nhất định sự kiện này có thể xảy ra. “Chúng nhất định có thể hiểu dục lạc một cách hoàn toàn, hay chúng có thể chỉ dẫn cho người khác đạt được mục đích ấy, và người ấy theo lời chỉ dẫn của chúng có thể hiểu được dục lạc một cách hoàn toàn.” (Trung Bộ I).

Theo quan điểm đức Phật, rõ ràng không có vấn đề gạt bỏ mọi thú vui, mọi “dục vọng” của con người, mà chỉ khuyên bảo con người “loại trừ những dục vọng mù quáng,” những “khát ái vị kỷ” đưa đến những trạng thái tham sân si, nguồn gốc của mọi hành động mê mờ lệch lạc. Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 97

Vậy chúng ta nên nhận thức rằng, trong thực tế đời sống, nhất định không tránh khỏi có nhiều dục vọng, nhưng chỉ cần biết khép mình vào giới luật, không để cho ý lòng bị nô lệ vào tính tham, nô lệ vào dục lạc, là có thể đạt đến cuộc sống hoàn toàn thanh tịnh.

Paradukkhūpadānena Gieo khổ đau cho người attano sukhaṃ icchati Mong cầu lạc cho mình verasaṃsaggasaṃ saṭṭho Tất bị oán ràng buộc. verā so na parimuccati. Không sao thoát hận thù.

Đại ý: Người gây đau thương cho kẻ khác để mưu cầu hạnh phúc cho mình, không thể thoát khỏi hận thù vì sẽ bị vương vấn vào guồng máy phức tạp của thù hận (P.C. 291).

Trong việc đi tìm sự an lạc cho mình, người Phật tử không thể tìm an lạc cho mình trên sự khổ đau của những người khác.

Một lãnh vực khác, đức Phật dạy các đệ tử của Ngài nên tìm chân lý, chớ không nên chỉ nghe qua là tin liền, dầu người nói có nhiều uy tín.

Suppabuddhaṃ pabujjhanti Đệ tử Gotama sadā Gotamasāvakā Luôn luôn tự tỉnh giác yesaṃ divā ca ratto ca Vô luận ngày hay đêm niccaṃ buddhagatāsati. Thường niệm tưởng Phật Đà.

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama, luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, luôn luôn suy niệm về Phật (P.C. 296).

Người Phật tử không cầu xin một ân huệ vật chất hay tinh thần khi đảnh lễ tượng Phật, mà chỉ bày tỏ lòng tôn kính ngưỡng mộ của mình đến lý tưởng siêu việt mà bức tượng tiêu biểu. Người Phật tử quỳ trước tượng Phật, dâng bông và hương thơm, không phải dâng đến bức tượng bằng đá, gỗ hay giấy mà đến đức Phật qua tượng trưng của bức tượng. Dâng bông, quỳ lạy là biểu hiện ra ngoài lòng tri ân vô hạn. Cùng lúc ấy, người Phật tử suy gẫm về ân đức của đức Thế Tôn, và nhờ đó phát sanh nguồn cảm hứng thúc giục mình noi gương trong sáng của Ngài.

Tuy nhiên với sự tỏ lòng tri ân ngưỡng mộ của người Phật tử, đức Phật mong muốn không phải là sự phục tùng vâng lời mà chính là sự thực hành nghiêm chỉnh lời dạy của Ngài. “Người tôn kính Như Lai nhứt, phải là người thực hành giáo lý của Như Lai đúng nhứt.”

Suppabuddhaṃ pabujjhanti Đệ tử Gotama sadā Gotamasāvakā Luôn luôn tự tỉnh giác Yesaṃ divā ca ratto ca Vô luận ngày hay đêm niccaṃ dhammagatā sati Thường niệm tưởng chánh pháp.

98 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng suy niệm về Giáo Pháp (P.C. 297).

Một đặc điểm khác trong nghi lễ tụng niệm Phật giáo: Câu kinh không phải là lời thỉnh nguyện, cũng không phải lời cầu xin chuyển đạt một nguyện vọng. Dầu ta có bỏ hết thời giờ để cầu xin cũng không được chi, đức Phật không khi nào và không thể nào ban bố những ân huệ cho người cầu nguyện. Để được cứu rỗi, người Phật tử không nên cầu nguyện mà phải nhận lãnh trách nhiệm, cố gắng trau giồi đức hạnh, kiên trì tu tập, để đạt tự do và trong sạch. Không nên lệ thuộc người khác, mà phải tự nương chính mình, tự mình cố gắng. Đức Phật dạy, “Các con phải cố gắng, chư Phật chỉ là những vị Thầy.” Chẳng những cầu nguyện, van xin là vô ích, mà còn là một thái độ nô lệ tinh thần.

Suppabuddhaṃ pabujjhanti Đệ tử Gotama sadā Gotamasārakā Luôn luôn tự tỉnh giác Yesaṃ divā caratto ca Vô luận ngày hay đêm niccaṃ Saṅghagatā sati. Thường niệm tưởng Tăng Già.

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama, luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng suy niệm về Tăng Già (P.C. 298).

Tăng Già là Giáo Hội của những người độc thân có qui chế dân chủ xưa nhứt trong lịch sử, do chính đức Phật sáng lập. Nói một cách chính xác, Tăng Già là những vị đệ tử cao quí của đức Phật đã chứng ngộ bốn Đạo và bốn Quả. Những vị Tỳ Khưu ngày nay chỉ là những người đại diện cho Giáo Hội.

Suppabuddhaṃ pabujjhanti Đệ tử Gotama Sadā gotamasāvakā Luôn luôn tự tỉnh giác Yesaṃ divā ca ratto ca Vô luận ngày hay đêm Niccaṃ kāyagatā sati Thường niệm tướng sắc thân.

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng suy niệm về thân (P.C. 299).

Suppabuddham pabujjhanti Đệ tử Gotama sadā Gotamasāvakā Luôn luôn tự tỉnh giác Yesaṃ divā ca ratto ca Vô luận ngày hay đêm ahimsāya rato mano. Ý vui niềm bất hại.

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh giác, ngày như đêm, hằng suy luận niệm về đức vô hại (P.C. 300).

Suppabuddhaṃ pabujjhanti Đệ tử Gotama sadā Gotamasāvakā Luôn luôn tự tỉnh giác yesaṃ divā ca ratto ca Vô luận ngày hay đêm

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 99

bhāvanāya rato mano. Ý vui tu thiền quán.

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng thỏa thích trong tu tập (P.C. 301).

Thay vì đọc kinh nguyện cầu van vái, đức Phật khuyên nhủ nên cố gắng thiền định, khép mình vào kỷ luật, tự kiểm soát, tự thanh lọc tâm và giác ngộ. Thiền định là liều thuốc bổ cho cả tâm lẫn trí.

Với đức tính rộng lượng khoan dung của Ngài, đức Phật hằng khuyên các hàng môn đồ không nên giận dữ, bất mãn, hay không vui lòng nếu có ai nói xấu đến Ngài, Giáo Pháp của Ngài, hay Giáo Hội Tăng Đoàn mà Ngài sáng lập. Đức Phật dạy rằng, "Nếu các con giận dữ, bất mãn hay không vui lòng, chẳng những các con tự đặt mình vào chỗ hiểm nguy, có thể mất cả nền đạo đức tinh thần, mà các con còn không thể xét đoán đúng mức lời chỉ trích có đúng hay không."

Điều quan trọng là đức Phật khuyến khích chúng ta chớ có buông mình trôi lăn theo vòng luân hồi và sự khổ đau.

Nhận thức rằng xa hoa vật chất là ảo huyền, và thú vui vật chất là không tạo hạnh phúc thực sự, người Phật tử tự nguyện lìa bỏ tất cả sự nghiệp trên đời để khoác lấy tấm y vàng và cố gắng sống hoàn toàn trong sạch. Tự nguyện giữ tròn giới luật và ráng sức nâng cao đức hạnh đến tột cùng để trở nên hoàn toàn vị tha trong mọi hành động. Thanh danh, sự nghiệp, sự vinh hiển chỉ là vật báu của trần gian, không thể làm cho người Phật tử lãng quên lối sống trong sạch của mình.

Duppabbajjaṃ durabhiramaṃ Vui hạnh xuất gia khó durāvāsā gharā dukhā Tại gia sinh hoạt khó dukkho samānasaṃvāso Sống bạn không đồng, khổ dukkhānupati taddhagū Trôi lăn luân hồi, khổ tasmā na c′addhagū siyā Vậy chớ sống luân hồi na ca dukkhānupatito siyā. Chớ chạy theo đau khổ.

Đại ý: Xuất gia là khó, thỏa thích trong sự xuất gia là khó. Đời sống tại gia là khó. Liên kết với người không tương hợp là đau khổ. Đau khổ đến với khách lữ hành (trong vòng luân hồi). Vậy, chớ nên làm khách lữ hành, chớ nên làm người chạy theo đau khổ (P.C. 302).

Xuất gia hay xa lìa những điều vui sướng thế gian để chọn lấy đời sống tu sĩ. Từ khước mọi thú vui vật chất, tìm lấy cho mình sự an vui thanh tịnh trong tâm hồn. Cắt ái ly gia, tầm cầu mục tiêu cuối cùng là vượt thoát Tam Giới, giải thoát Níp Bàn. Những ý nghĩ như sau phát sanh đến người có hạnh viễn ly: "Đời sống gia đình tựa hồ như sào huyệt của bao điều tranh chấp, gay go, cãi vã. Như một nơi chứa đựng của bao thiếu thốn, bao nhiêu nhu cầu. Như chỗ cư trú của bao điều phiền não, bao nhiêu sự thất bại, bao nhiêu

việc trái lòng. Nhưng đời sống của người đã ly gia cắt ái, thật là thung dung thâm diệu trời xanh."

Đức Phật nói có sáu hạng người xuất gia:

1. Xuất gia của hạng người ngu si
2. Xuất gia của hạng người hay giận
3. Xuất gia của hạng người chơi giỡn
4. Xuất gia của hạng người thu góp của cải
5. Xuất gia của hạng người để nuôi sống
6. Xuất gia của người muốn được dứt khổ

Trong sáu hạng người xuất gia thì hạng người thứ sáu mới xứng đáng gọi là người xuất gia chân chánh.

Người xuất gia nên suy nghĩ rằng: Sự sanh ra làm người là khó, sanh ra làm người rồi không mang bệnh tật cũng khó, nuôi mạng sống cho được chân chánh, và đặng vẹn toàn đến ngày xuất gia thật là khó. Khi xuất gia được rồi phải học hỏi cho thông hiểu rằng, đây nên kia không cũng là khó, chẳng dễ. Khi đã thoát khỏi bao sự khó khăn, thì phải biết vừa lòng với điều lợi ích cao quí của mình, chẳng nên chán nản, lãnh đạm với lời dạy đức Phật. Cần phải hết lòng thỏa thích rồi chú tâm học hỏi Pháp luật trong Phật giáo cho được chu đáo thành tâm thực hành theo, thì sự xuất gia đó mới có nhiều hiệu quả, mau đến Níp Bàn.

Lại nữa, bậc xuất gia hoặc Sa Môn mong được mau kết quả Níp Bàn, phải có nhiều sự nhẫn nại, không bị chi phối dưới quyền lực các ô nhiễm xấu xa, thô thiển đã phát sanh rồi làm cho kẻ khác bị hại, chịu khổ. Phải có đức nhẫn nại (thường luôn quán tưởng về mười điều tâm niệm của người xuất gia).

Ngoài ra, người xuất gia cố gắng đoạn tận các pháp làm uế nhiễm nơi tâm của mình về "Sắc, Tài, Danh, Lợi," không khơi lên nhiễm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc của một vị tại gia.

Khi không đoạn tận được, đức Phật cho biết rằng đó là sự bất hạnh của một vị xuất gia tu Phạm Hạnh vì các bất thiện pháp ấy, các pháp đáng sợ hãi ấy đưa đến quả khổ, đưa đến sanh già đau chết trong vị lai.

Nói về bạn đồng tu, đức Phật cũng chỉ dạy cho chúng ta nên biết phân biệt hạng người để kết thân làm bạn và không nên kết thân làm bạn. Đó là bốn hạng bạn xấu (tứ ác hữu là bạn giả trá, bạn môi miếng, bạn a dua, bạn đốc xúi hư hại) phải biết cảnh giác đề phòng hoặc tránh xa, không kết thân.

Và nên kết thân với bốn hạng bạn tốt lành (tứ thiện hữu là bạn hay giúp đỡ, bạn chung thủy, bạn khuyến thiện, bạn giàu lòng từ ái) thì hằng có lợi ích và an vui.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 101

Cái mà chúng ta gọi là hạnh phúc trong đời chỉ là sự thỏa mãn của một vài điều mong mỏi. Khi được một việc ta lại muốn việc khác. Tham vọng không khi nào dứt, không khi nào ta cho là vừa đủ.

Vậy, phiền não và đau khổ là bản chất của đời sống, và không chúng sanh nào trong tam giới có thể thoát khỏi.

Níp Bàn là pháp bất tùy thế, vô vi, không tùy thuộc nhân nào để có. Do đó, Níp Bàn là trường cửu, vô sanh, bất diệt (dhuva) đáng được ước muốn và hạnh phúc. Nói một cách ước định cho dễ hiểu, đức Phật tuyên bố "Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ – Níp Bàn là hạnh phúc tối thượng" là bởi vì Níp Bàn là pháp chân lạc tuyệt đối, là hạnh phúc phát sanh do sự giải thoát tích cực ra khỏi mọi đau khổ của đời sống.

Sự tự bỏ những thú vui và những tham vọng của thế gian là phương tiện hữu hiệu để đi đến thành tựu Đạo Quả Níp Bàn thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

102 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai mươi hai – Phẩm Địa Ngục

Từ ngữ "niraya" bao gồm "ni - không", "aya - hạnh phúc."

Niraya là cảnh giới trong đó không có hạnh phúc, là cảnh khổ mà một chúng sanh phải chịu vì đã tạo ác nghiệp, hay nói một cách khác, là trạng thái đau khổ mà chúng sanh phải chịu để trả quả bất thiện đã tạo lúc nào trong quá khứ. Khổ cảnh không phải là địa ngục trường cửu mà chúng sanh bị bắt buộc phải ở trong đó để chịu hành phạt đau khổ một cách vĩnh viễn.

Đến lúc trả xong nghiệp xấu, kẻ bất hạnh cũng có thể tái sanh vào một cảnh giới khác, an vui hạnh phúc, nhờ các thiện nghiệp đã tạo.

Phẩm Địa Ngục có 14 câu, diễn tả những cảnh khổ đau do những người tạo ác nghiệp đã phải gặt lãnh, rất hữu ích cho chúng ta trong đời sống hằng ngày dẫy đầy những cám dỗ. Nhắc nhở chúng ta luôn thức tỉnh với mỗi hành động của mình vì cảnh khổ luôn chực chờ với người dể duôi.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm lẻ sáu:

Abhūtavādī nīrayaṃ upeti Nói láo đọa địa ngục Yo cāpa katvā na karomī'ti c'āha Có làm nói không làm ubho' pi te pecca samā bhavanti Cả hai chết đồng đẳng nihīnakammā manujā parattha Làm người thành hạ liệt.

Đại ý: Người nói điều không thật vào cảnh khổ, và người đã làm một chuyện rồi nói "tôi không có làm" cũng vậy. Sau khi chết, cả hai đều bằng nhau, người có hành động ti tiện trong thế giới khác (P.C. 306).

Chúng ta nên biết rằng trong Thập Ác Nghiệp nương theo ba nơi (ba thân, bốn lời, ba ý) để tạo nghiệp đến với người khác hay một chúng sanh khác. Đức Phật cho biết rằng chúng ta phải gặt lãnh hậu quả xấu từ nơi hành động ác đó, ngay hiện tại thì sầu khổ, hạ đẳng, khi chết đi thì phải chịu quả khổ nơi địa ngục.

Hình ảnh địa ngục cho chúng ta có nhận thức rằng là nơi đó chúng sanh phải chịu nhiều khổ đau bị đánh đập, hành hạ tra tấn, có người hành hạ và có người chịu lãnh các sự hành hạ ấy, vô cùng thảm khốc và khổ sở. Tuy nhiên, chúng ta không nên nghĩ rằng chỉ có một cảnh giới địa ngục ở thật xa với nhân loại của chúng ta, cũng có thể có ở ngay trong chúng ta, hiện hữu ngay trong thế gian này với những người đã làm những hành động xấu xa, ty liệt giữa người với người, và cuối cùng chính hành động ác

đó làm cho người tạo việc ác phải chịu lấy bao nỗi khổ đau. Ở ngay trong kiếp hiện tại này, việc làm ác không chỉ có cho những người tại gia tạo tác, đức Phật cũng có nói đến luôn cả những người xuất gia, vẫn có đôi khi tạo các ác nghiệp. Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 103

Kāsāvakaṇṭhā bahavo Nhiều người khoác áo cà sa pāpadhammā asaññatā Nhưng ác hạnh, buông lung pāpā pāpehi kammehi Người ác, do ác hạnh nirayaṃ te upapajjare Phải sanh cõi Địa Ngục.

Đại ý: Nhiều người đắp y vàng, mà tư tưởng chưa dứt khoát, tâm không điều phục. Con người xấu xa vì hành động bất thiện của mình sẽ tái sanh vào khổ cảnh (P.C. 307).

Seyyo ayogulo Bhutto Tốt hơn nuốt hòn sắt tattho aggisikhūpamo Cháy đỏ như lửa hừng yañ ce bhunjeyya dussīlo Nếu ác giới, buông lung raṭṭhapiṇḍaṃ asaññato Thọ đồ ăn quốc độ.

Đại ý: Thà nuốt một hòn sắt cháy đỏ có khả năng thiêu đốt như một ngọn lửa, còn hơn làm người sống nhờ vật thực của dân chúng, mà có hành động bất thiện và không điều phục thân tâm (P.C. 308).

Đức Phật không cho rằng đời đạo đức có thể tượng trưng bằng những kẻ chỉ khoát áo cà sa cho có lệ, nhưng không có khả năng làm tiêu trừ các tật xấu xa tội lỗi như tham, sân, tật, lận, mạn, kiến v.v... Thọ nhận vật dụng của các đàn na tín thí, nhưng không vun bồi đức hạnh, tẩy trừ các thói hư tật xấu, đức Phật cho biết rằng những vị ấy vì hành động bất thiện xấu xa của mình sẽ phải chịu khổ đau trong khổ cảnh địa ngục.

Sợ hãi trong cảnh khổ, người Phật tử chân chánh lập nguyện từ khước những hành động bất thiện, vun bồi các thiện hạnh, và luôn cẩn mật phòng hộ chính mình ở ba nơi, thân ngữ ý, như một người lính canh phòng thành trì.

Nagaraṃ yathā paccantaṃ Như thành ở biên thùy guttaṃ santarabāhiraṃ Trong ngoài đều phòng hộ evaṃ gopetha attānaṃ Cũng vậy, phòng hộ mình Khaṇo ve mā upaccagā Sát na chớ buông lung khaṇātitā hi socanti Giây phút qua, sầu muộn nīrayamhi samappitā Khi rơi vào địa ngục.

Đại ý: Hãy tự canh phòng trong ngoài như người ta canh một ải trấn ở biên thùy. Không nên bỏ qua cơ hội vì người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào khổ cảnh (P.C. 315).

Con người phải biết trau giồi thân tâm cho được trọn lành, cũng như nhà vua cai trị cả nội địa và ngoại biên cho nghiêm ngặt. Trau giồi thân tâm cho thiện lành như nhà vua sửa trị trong nước. Có so sánh và thí dụ như sau đây: Lẽ thường nhà vua (xưa kia) ngăn ngừa đạo tặc trong nước theo bảy phương cách là:

Esikā: Đóng cột cừ cho thật sâu, thật chắc.

104 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Parikkhāro: Đào lũy hào chung quanh cho sâu. Anupariyāyapatho: Làm tường trong lũy cho dầy và cao cho binh núp để chống giặc. Bahumāvudhaṃ: Tích trữ khí giới cho

nhiều. Bahubalakāyo: Mộ binh lính cho đông đảo. Dovāriko: Lính canh gác cửa thành cho thật nghiêm nhặt. Pākāro: Đắp lũy chung quanh.

Đất nước nào được nhà vua cai trị theo bảy điều trên thì nhân dân sẽ được an cơ, không bị giặc giã quấy rối, lại thêm có đủ bốn món vật thực như sau đây:

1. Có nhiều trái cây 2. Có nhiều lúa nếp 3. Có nhiều mè đậu 4. Có nhiều sữa đặc, sữa tươi, dầu, mật ong, nước mía v.v...

Cũng như thế, người Phật tử tu tập chân chánh cũng nên trau giồi thân tâm theo 7 pháp như sau:

Saddho: niềm tin (tứ chánh tín).
Hirimā: tâm, hổ thẹn nghiệp dữ.
Bahussuto: văn, học hỏi và rõ thông Phật pháp cho nhiều.
Āraddavīriyo: tinh tấn trong tứ chánh cần.
Satimā: niệm, ghi nhớ việc lành để trau giồi thân tâm cho thanh tịnh.
Paññuvā: trí huệ xem thấy tính vô thường của ngũ uẩn.
Không nên bỏ qua cơ hội, thời kỳ, là chỉ về bốn thời kỳ quí báu dưới đây:

1. Thời kỳ bậc Toàn Giác chứng đắc Đạo Quả.
2. Thời kỳ mình được sanh trong nước có đức Phật sanh (Ấn Độ).
3. Thời kỳ còn có chánh kiến.
4. Thời kỳ mình còn có đủ lục căn.
Hai thời kỳ đầu đã trải qua rồi, nhưng chúng ta còn hữu duyên ở hai thời kỳ này là vì chúng ta còn gặp được Phật pháp, mà gặp Phật pháp tức là đã gặp Phật rồi. Tuy Phật đã viên tịch Níp Bàn nhưng Ngài còn để lại giáo pháp. Dù chúng ta không được sanh ở Trung Ấn Độ nhưng ngay trong nước ta vẫn có đủ cả ba Tạng (Kinh, Luật, Vô Tỷ Pháp).

Phần đông chúng ta đều tín ngưỡng nơi Phật pháp, gọi là chúng ta có chánh kiến, thêm có lục căn tròn đủ, thì chúng ta là người rất là hữu phước. Vậy phải cố trau giồi thân tâm cho trong sạch, chẳng nên dể duôi bỏ qua việc lành. Phải tu thân ngữ ý cho thanh tịnh, cũng như nhà vua sửa trị đất nước cho nhân dân được an cư, có đào hầm đắp lũy v.v...

Lại nữa, nếu chúng ta là người biết thương cái "Ta" và muốn được hưởng quả Níp Bàn, là nơi an vui tuyệt đối, thì ta phải dứt bỏ việc dữ, hành theo điều lành, mới có thể an vui trường cửu.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 105

106 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai mươi ba – Phẩm Voi

Phẩm Voi có 14 câu với biểu tượng Voi là một loài thú to lớn, có nhiều năng lực phi thường, chịu đựng được bao điều khó khăn, ngụ ý nói lên đức hạnh nhẫn nại phi thường, trọng điểm để thành đạt chân lý siêu thoát.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm hai mươi:

Ahaṃ nāgo'va saṅgāme Ta như voi giữa trận cāpāto patitaṃ saraṃ Hứng chịu cung tên bắn ativākyaṃ titikkhissaṃ Chịu đựng mọi phỉ báng dussīlo hi bahujjano. Đời nhiều kẻ phá giới.

Đại ý: Như voi chiến ở trận địa hứng lãnh lằn tên mũi đạn cùng thế ấy. Như Lai sẽ chịu đựng lời nguyền rủa. Đúng thật vậy, phần đông sống không giới luật (P.C. 320).

Đức Phật đã nói với Ananda kệ Pháp này khi Ngài gặp một nghịch cảnh - phỉ báng và chỉ trích Ngài, "Ta phải có thái độ của đàn voi lâm trận, mạnh tiến giữa rừng gươm đao, giáo mác bình tĩnh hứng lấy những nỗi chua cay của đời và thản nhiên, vững bước trên đường phạm hạnh."

Đức Phật nêu cao hạnh nhẫn nại lên tột cùng, không những không chống trả lại, mà Ngài còn rải tâm từ ái đến những kẻ gây ra việc dữ bởi vì người ác có tâm tư luôn xao xuyến, hằng sống trong nỗi khổ triền miên.

Dantaṃ nayanti samitiṃ Voi luyện, đưa dự hội dantaṃ rājābhirūhati Voi luyện, được vua cưỡi danto seṭṭho manussesu Kẻ luyện, người tối thượng yo' tivākyaṃ titikkhati Chịu đựng mọi phỉ báng.

Đại ý: Người ta dẫn những con voi đã được đào luyện đến nơi (vua quan) tụ họp. Vua chọn con nào thuần thục nhứt để cỡi. Giữa đám người, cao thượng nhứt là người thuần thục, chịu đựng những lời nguyền rủa (P.C. 321).

Có Pālī chú giải về pháp nhẫn nại (khanti) như vầy: Khanti paramaṃ tapo titikkha. Sự nhẫn nại là pháp thiêu đốt cao quí.

Có ba trường hợp của sự nhẫn nại là:

1. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân cho sanh tham. 2. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân cho sanh sân. 3. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân cho sanh si.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 107

Nhẫn trong điều thứ nhứt, nói về sự nhịn nín đối với các điều ham muốn, phát sanh trong sáu cửa. Tiếng "nhịn nín" là ráng chịu, không làm dữ theo lòng mong mỏi hoặc đói khát. Có hạng người, chỉ vì không biết nhịn nín đối với cái tâm ham muốn hoặc sự đói khát, mới dối gạt cướp giựt của người, ắt bị nghiệp báo do nhân dữ tạo tác. Người nào nhẫn nại được thì hằng được an vui, lợi ích, đó là nhẫn nại đối với cái khổ là nguyên nhân cho sanh xan tham.

Nhẫn trong điều thứ hai, nói về sự nhịn nín với điều không vừa lòng của kẻ khác tạo ra. Lẽ thường con người đã sanh ra trong thế gian này, chẳng có một ai không bị chê trách nếu họ không nhiếc ngay trước mặt thì họ mắng xiên chửi xéo, hoặc nói xấu sau lưng. Xét coi như mặt trời mặt trăng thường soi sáng khắp thế gian cũng chẳng khỏi bị chê trách huống chi ở người đời, tránh sao khỏi lời phỉ báng. Chí đến đức Thế Tôn có đủ oai đức, cũng còn có kẻ oán trách, chỉ trích, như lúc Ngài ngự trong thành Kosambi bị thứ phi của vua Udena bảo nhiều người chửi mắng.

Nhẫn trong điều thứ ba là nhịn đối với điều khổ phát sanh trong thân tâm mình, không nên chiều theo cái khổ mà làm dữ. Dầu nhẫn trong lúc mang bệnh là cái nhân sanh trí nhớ và sự biết mình, là một nết hạnh thanh cao nên có trong tâm, hằng ngày hằng giờ, hoặc trong lúc bệnh nặng, cũng cần có tánh nhẫn nại cho vững vàng.

Na hi etehi yānehi Chẳng phải loài thú ấy gaccheyya agataṃ disaṃ Đưa người đến Níp Bàn Yathā′ ttanā sudantena Chỉ có người tự điều danto dantena gacchati Đến đích, nhờ điều phục.

Đại ý: Chắc chắn không bao giờ những chuyến xe như thế đưa ta đến Níp Bàn, như người tự kiểm soát bằng cách khắc phục và đào luyện tự ngã chân chánh (P.C. 323).

Phương tiện làm phát sanh đức nhẫn nại trong giờ hấp hối là phải xét thấy chân lý rằng, bệnh và chết là cái khổ mà tất cả chúng sanh phải mang, chẳng có một ai tránh khỏi. Chúng sanh trong thế gian này đều phải mang bệnh hoạn ốm đau. Do thiếu trí mới gây ra nghiệp dữ, rồi sau khi chết phải sa đọa trong ác đạo. Những người có trí nhớ và sự biết mình, hằng được thọ sanh trong nhàn cảnh. Cho nên phương pháp dạy dỗ cái tâm cho có sự nhẫn nại là điều trọng yếu mà chúng ta cần phải có, hầu chiến thắng nghịch cảnh, tức là bệnh khổ trong giờ hấp hối. Bậc trí tuệ nên suy xét thấy cái tội trong sự lầm lạc, và cái phước của trí nhớ với tánh nhẫn nại như đã nói, cần phải tu cái trí nhớ sẵn sàng để đè nén sự si mê không cho phát sanh.

Nhẫn với cái khổ là nhân sanh tham và si là pháp phụ thuộc, nhịn với cái khổ là nhân sanh sự sân hận mới là quan trọng, chánh yếu. Đức Phật dạy là nếu muốn diệt cái tâm sân, phải làm như "người mù kẻ điếc," như thế mới nhịn được sự sân. Làm người có mắt hay thấy, có tai hay nghe, thì rất khó nhẫn. Những kẻ không biết nhịn đối với sự khổ vì sân hận thì làm việc chi cũng nóng nảy, thường phải gặp điều rủi ro tai hại, rồi sau lại hối hận. Nên nhận thức, dù đối với việc nào chẳng hạn, nếu đã làm theo cái tâm sân hận, ắt

phải hư hỏng. Cho nên bậc trí tuệ cần phải suy xét cho thấy rõ tội lỗi trong sự sân, rồi ráng nhịn nín như đã trình bày.

Có năm quả phước báu của sự nhẫn nại, sự dứt lòng nóng giận dù chưa hết sạch, chỉ trừ được từng chặp bằng pháp nhẫn nại là:

1. Piyo manopo: Người nhẫn nại hằng được nhiều người thương yêu vừa lòng.
2. Na vera bahulo: Ít có kẻ ganh ghét.
3. Na vajja bahulo: Ít có tội.
4. Asammulho: Không hôn mê trong lúc lâm chung.
5. Sugati: Mạng chung được thọ sanh nhàn cảnh.

Muốn được an vui, xa lìa các điều thống khổ, ngoài các điều ác không làm, giữ hạnh nhẫn nại trong những nghịch pháp, đức Phật còn chỉ cho chúng ta những nhân tạo ra hạnh phúc.

Một trong những điều hạnh phúc, đó là nết hạnh phụng dưỡng mẹ cha và hiếu kính các bậc có giới đức.

Sukhā matteyyatā loke Vui thay, hiếu kính mẹ atho petteyyatā sukhā Vui thay, hiếu kính cha sukhā sāmaññatā loke Vui thay, kính Sa Môn atho brahmaññatà sukhā. Vui thay, kính Hiền Thánh.

Đại ý: Trên thế gian này, phụng dưỡng mẹ là niềm vui. Trên thế gian này, phụng dưỡng cha cũng là vui. Phụng dưỡng bậc Sa Môn là vui. Phụng dưỡng bậc Thánh Nhân cũng là vui (P.C. 332).

Lễ bái bậc trưởng thượng là một phương cách tạo phước. Lẽ dĩ nhiên, người giữ thái độ trang nghiêm tôn kính cũng luyện tập tâm mình. Xuyên qua cử chỉ nhún nhường, người ấy dứt bỏ ô nhiễm tự cao ngã mạn, xem cái "Ta" là trọng và phát triển đức khiêm tốn sáng suốt của mình. Thái độ khiêm tốn làm cho tâm trở nên mềm dẻo và nhu thuận, sẵn sàng thâu nhận và lãnh hội những lời dạy của người khác. Trái lại, người tự cao ngã mạn khó lòng học hỏi nơi ai điều gì. Trong đoàn thể Phật giáo, có sự lễ bái trật tự từ dưới lên cao, trẻ em lễ bái tôn kính người lớn nhứt là ông bà, cha mẹ, hay cô bác cậu dì. Dân chúng lễ bái vua chúa. Thiện tín cư sĩ lễ bái nhà sư. Trong Giáo Hội Tăng Già cũng vậy, Sa Di lễ bái Tỳ Khưu. Tỳ Khưu thấp hạ lễ bái các ngài cao hạ. Chư Tỳ Khưu lễ bái Ngài Vua Sãi (Tăng Thống). Và tất cả, lớn nhỏ, đều lễ bái đức Thế Tôn với một lòng tôn sùng kính trọng.

Phận sự làm con phải biết đáp đền công ân cùng phụng dưỡng cha mẹ và các bậc trí thức, nhất là đức Thế Tôn hằng ngợi khen và khuyến dạy, "Đó là một hạnh mà các bậc hiền triết hằng thực hiện và dạy người hành theo trong mọi thời gian."

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 109

Đức Thế Tôn dạy rằng, "Cha Mẹ có bốn ân đức lớn là Từ Bi Hỷ Xả" (Tứ Vô Lượng Tâm). Đối với hai đấng có ân đức lớn đó, đức Phật ban cho bốn hồng danh là: Đấng Phạm Thiên, chư Thiên đầu tiên, bậc Tôn Sư đầu tiên, bậc đáng cúng dường.

1. Hồng danh thứ nhứt là Đấng Phạm Thiên

Một vị Phạm Thiên luôn an trú trong Tứ Vô Lượng Tâm. Cha mẹ nuôi con không bao giờ nài khó nhọc, luôn nhủ tâm thương con với tâm vô lượng.

Tâm Từ: Từ khi biết thọ thai cho đến sanh ra, lúc nào cũng có một lòng thương mến con, mong mỏi gặp được con, khi con sanh ra cho đến lớn khôn, luôn luôn giữ một lòng thương yêu con trong mọi tình huống, không nghĩ rằng con có thương mình.

Tâm Bi: Động lòng trắc ẩn khi con gặp khó khăn, bệnh hoạn ốm đau, luôn mong mỏi tìm cách chia sớt với nỗi khó khăn khổ đau cùng con. Một lòng thương xót, cận kề giúp đỡ, mong cho con sớm thoát khổ, bất luận con còn nhỏ hay đã lớn khôn.

Tâm Hỷ: Vui mừng hân hoan với những thành tựu mà con đang thọ hưởng về mặt vật chất lẫn tinh thần. Không bao giờ có lòng ganh tỵ, tật đố với con. Luôn mong mỏi cho con được nhiều an vui hạnh phúc, đó chính là niềm vui của chính mình.

Tâm Xả: Luôn giữ lòng rộng lượng, khoan dung đối với con khi con có nhiều điều lầm lỡ phạm lỗi đến mình. Không buồn phiền, trái lại mong cho con được mọi an lành khi tạo các hành động không tốt đến mình.

2. Hồng danh thứ hai là vị Trời đầu tiên

Cha mẹ là người luôn đem hạnh phúc lại cho con, luôn che chở, bảo hộ cho con ngay từ khi con mới ra đời. Ân cần giúp đỡ, không ngại gian khổ, nuôi con cho đến ngày lớn khôn.

3. Hồng danh thứ ba là vị Tôn Sư đầu tiên

Cha mẹ là vị thầy đầu tiên dạy cho con điều hay lẽ phải, truyền đạt kiến thức cho con, và thậm chí còn truyền kinh nghiệm sống của bản thân mình cho con cái trước tất cả các vị thầy giáo khác.

4. Hồng danh thứ tư là bậc đáng cúng dường

Cha mẹ với bao ân đức to lớn cao dầy, xứng đáng cho con được lễ bái cúng dường, tôn thờ phụng dưỡng.

Đức Phật tuyên bố rằng hạng làm con không bao giờ đáp đền tương xứng với ân đức của cha mẹ đã cho con. Đức Phật nói rằng, “Nếu như một bên vai cõng mẹ, một bên vai cõng

110 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện như vậy, cũng chưa làm đủ hay trả ân đủ mẹ và cha. Hơn nữa, nếu có an trú cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực trên quả đất lớn với bảy báu này như vậy, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ với cha mẹ. Vì cớ sao? Vì rằng cha mẹ đã làm quá nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời. Tuy nhiên, đối với cha mẹ theo ác giới, mà ta biết khuyến khích, hướng dẫn, an trú cha mẹ vào thiện giới (sīla); đối với cha mẹ xan tham, mà ta biết khuyến khích, hướng dẫn, an trú cha mẹ vào dứt bỏ (cāga); đối với cha mẹ theo ác tuệ, mà ta biết khuyến khích, hướng dẫn, an trú cha mẹ vào trí tuệ (paññā), cho đến như vậy, là làm đủ và trả ân đủ mẹ và cha.” (Tăng1-11).

Hạnh phúc thay cho vị nào biết hiếu kính cha mẹ và biết đền ân cha mẹ. Vị ấy có nhiều phước báu lớn.

Ngoài ra nên thân cận, gần gũi và kính trọng các bậc Sa Môn và các bậc Thánh Hiền là điều phước báu vô lượng. Vì sao? Vì khi ta có lòng kính trọng các bậc Sa Môn và bậc Thánh Hiền (chư Phật, Độc Giác, Thinh Văn Giác v.v…) thì hằng làm cho ta có lợi ích. Vì khi ta kính trọng, thân cận, gần gũi thì làm cho ta được trong sạch, các bậc ấy chỉ dẫn ta làm được các việc lành, dạy cho ta xa lánh các điều ác, giới đức của ta chưa được trong sạch cho trong sạch, thiền định chưa đạt đi đến thành tựu, trí tuệ chưa được viên dung đi đến hoàn hảo, cuối cùng đưa đến sự giải thoát.

Điểm chánh yếu là hạnh phúc thật sự đến cho chúng ta khi chúng ta biết làm những điều chân chánh. Hiếu kính mẹ, hiếu kính cha, kính trọng Sa Môn và bậc Thánh Hiền không thuần qua tấm lòng, mà còn cần phải thể hiện qua hành động, biết ứng dụng từ những lời dạy có nhiều giá trị của những bậc có nhiều ân đức thành những lợi ích thiết thực cho mình trong cuộc sống hằng ngày. Đó là hiếu kính chân thật.

Phải gắng công tu tập, rèn luyện phẩm hạnh trang nghiêm, sống đời chân chánh, hành đúng theo lời giáo huấn của các bậc ân đức lớn, đó là tôn trọng, hiếu kính, kính trọng và làm vẻ vang các bậc ấy vậy.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 111

112 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai mươi bốn – Phẩm Ái Dục

Từ Ngữ “Taṇhā” dịch là ái dục, luyến ái, bám víu, nhiễm đắm. Nguồn cội của mọi đau khổ là ái dục.

Phẩm Ái Dục có 26 câu, nêu những tính nguy hại của ái dục và khuyên chúng ta mau cố gắng đoạn tận mọi phiền não của ái dục.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm ba mươi lăm:

Yaṃ esā sahatī jammī Ai sống trong đời này taṇhā loke visattikā Bị ái dục buộc ràng sokā tassa pavaḍḍhanti Sầu khổ sẽ tăng trưởng abhivaṭṭham′va bīraṇaṃ Như cỏ bị gặp mưa.

Đại ý: Trên thế gian này, sầu muộn của người bị khát vọng khắng khít và đê hèn ấy tràn ngập, sẽ sinh sôi nảy nở tựa hồ như cỏ bīrina được tưới nước đầy đủ (P.C. 335).

Ái dục - Taṇhā, có nghĩa luyến ái, khát khao, bám bíu. Có ba loại ái dục là:

1. Ái dục đeo níu theo nhục dục ngũ trần (kāmataṇhā). 2. Ái dục đeo níu theo những khoái lạc vật chất có liên quan đến chủ trương đoạn kiến hay tuyệt diệt (vibhavataṇhā), tức là trong lúc hưởng dục, nghĩ rằng tất cả điều tiêu diệt sau khi chết, chết là hết. 3. Ái dục đeo níu theo khoái lạc vật chất có liên quan đến chủ trương thường kiến (bhavataṇhā), tức là trong khi thọ hưởng, nghĩ rằng những khoái lạc này sẽ mãi mãi tồn tại, vĩnh cửu trường tồn.

Bhavataṇhā (Hữu Ái) có khi được giải thích là sự luyến ái đeo níu theo Sắc Giới, và Vibhavataṇhā (Ly Hữu Ái) là sự luyến ái đeo níu theo Vô Sắc Giới. Hai phạn ngữ ấy thường được dịch là ái dục đeo níu theo sự sống, theo kiếp sinh tồn, và ái dục đeo níu theo sự không sống, không sinh tồn.

Có sáu loại ái dục liên quan đến sáu căn là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, và sáu loại liên quan đến sáu trần là sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.

Nếu tính có sáu ái dục liên quan đến lục căn, và sáu liên quan đến lục trần, thì tất cả có mười hai. Nếu tính luôn ái dục trong quá khứ, hiện tại, và vị lai thì có tất cả 36. Và nếu tính luôn cả ba loại ái dục kể trên thì có 108.

Yassa chattiṃsatī sotā Ba mươi sáu dòng Ái manāpassavanā bhusā Còn đẩy mạnh người này vāhā vahanti duddiṭṭhiṃ Đến cảnh giới ái, lạc Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 113

saṅkappā rāganissitā. Các tư tưởng ái dục Như giòng nước cuốn trôi Người có ác tà kiến.

Đại ý: Nếu bên trong kẻ nào ba mươi sáu dòng (ái dục) tuôn chảy mạnh mẽ đến những tư tưởng hỷ lạc, tâm tham ái cuồn cuộn lôi cuốn kẻ si mê ấy đi như một luồng thác lũ (P.C. 339).

Xuyên qua suốt kiếp sống, lòng mong muốn của tất cả chúng sanh là thoát ra khỏi khổ đau, lánh xa phiền não và cố gắng tạo những hoàn cảnh hữu hạnh. Nhưng, nhiều người không am hiểu đường lối chân chánh để thành tựu mà chỉ tìm hạnh phúc trong dục lạc và lợi dưỡng để thỏa mãn tính vị kỷ. Họ không hiểu biết rằng trong khi khát khao mưu cầu những cảm giác tạo hạnh phúc, họ chỉ thật sự đem lại đau khổ. Chúng ta có thể thỏa thích thọ hưởng một thú vui trong khoảnh khắc mà nó còn tồn tại, nhưng lắm khi sau đó, đủ loại hối tiếc có thể làm hư hỏng tất cả, chí đến kỷ niệm tốt đẹp trước kia. Và nơi nào có tham, tất cũng có sân. Cả hai tệ đoan ấy bị tâm si mê thúc đẩy. Như vậy, để duôi khao khát là phương cách đem lại những điều bất thiện cho mình, thay vì đem lại hạnh phúc mà ta hết sức mong mỏi và gia công tìm kiếm.

“Taṇhā” là “Jappā,” dịch là gian tham, tham lam, khao khát và có ý nghĩa là điều dơ bẩn của đời, cái dính mắc của đời, lem luốc, buộc thắt. “Taṇhā” là “Sibbanī,” dịch là khát khao mãnh liệt, không cưỡng được, ví như loài tằm mắc dính trong ổ kén vậy. Ái dục ràng rịt chúng sanh ở trong khổ của sanh già đau chết, siết chặt trong nỗi than van, rên rỉ, đau đớn, khổ sở, ưu sầu, buộc thắt trong sự luân hồi khổ. “Taṇhā” là “Asa,” dịch là dục vọng vô độ, khiến chúng sanh phải chiến đấu, chống lại theo sự khao khát. “Taṇhā” là “pāpancadhamma,” dịch là trì hoãn, nghĩa là pháp làm cho chúng sanh bị chậm lại và có ba là: 1. Taṇhā (Ái dục), 2. Māna (Kiêu mạn), và 3. Diṭṭhi (Tà kiến). Bị chậm giải thoát khỏi luân hồi, gọi “Taṇhā” là “Sango,” dịch là cố giữ lấy.

Tasiṇāya purakkhatā pajā Người bị ái buộc ràng parisappanti sasoʼ va bādhito Vùng vẫy và lăn lóc saññojanasaṅgasattā Như thỏ bị sa lưới dukkhaṃ upenti punappunaṃ Bị kiết sử trói buộc cirāya. Tiếp tục và lâu dài.

Đại ý: Kẻ bị bao trùm trong ái dục kinh hoàng như thỏ nằm trong rọ, bị thằng thúc trói buộc siết chặt, kẻ ấy còn chịu đau khổ triền miên lâu dài (P.C. 342).

Ái dục có trong người nào là duyên cho người ấy khổ sở khó thoát khỏi khổ cảnh, là nguyên nhân sinh khổ đau triền miên, buồn rầu, đau đớn, than van v.v... Ái dục đàn áp người nào, thì làm cho người ấy đọa trong 4 ác đạo, ví như loại chùm gửi đàn áp cổ thụ lâu ngày khiến cổ thụ phải chết. Ái dục là thụy miên phiền não ngủ ngầm trong bản năng, chưa đoạn tận thì sự khổ, nhất là sanh lão, cũng còn phát lên mãi mãi. Chúng sanh

114 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

mà bị "Taṇhānusaya - Ái tiềm thùy" đè ép bao vây rồi thì hằng không yên lòng, bức rức, ví như thỏ bị mắc bẫy vậy. Vì thế cần phải sát trừ ái dục.

Na taṃ daḷhaṃ bandhanaṃ āhu dhīrā Sắt, cây, gai trói buộc yadāyasaṃ dārujaṃ babbajan ca Người trí xem chưa bền sārattarattā manikuṇḍalesu Tham châu báu, trang sức puttesu dāresu ca yā apekkhā. Tham vọng vợ và con.

Đại ý: Dây làm bằng sắt, gỗ hay gai, ràng buộc không bền chắc. Bậc thiện trí dạy như thế. Lòng bám bíu vào kim cương, đồ trang trí, vợ con, là trói buộc bền chắc hơn nhiều (P.C. 345).

Etaṃ daḷhaṃ bandhanaṃ ahu dhīrā Người có trí nói rằng: ohārinaṃ sithilaṃ duppamuñcaṃ Trói buộc này thật bền etampi chetvāna vajanti dhīrā Rì kéo xuống, lỏng lẻo anapekkhino kāma sukhaṃ pahāya. Nhưng thật sự khó thoát Người trí cắt trừ nó Bỏ dục lạc, không màng.

Đại ý: Trói buộc ấy thật bền chắc, bậc thiện trí dạy như vậy. Nó trì xuống, mềm mỏng, nhưng rất khó tháo gỡ. Chính dây ấy, người thiện trí cũng cắt lìa và từ bỏ thế gian, không luyến ái, từ khước mọi dục lạc (P.C. 346).

Ái dục là một năng lực tinh thần vô cùng hùng mạnh, luôn luôn ngủ ngầm trong mỗi chúng ta, và là nguyên nhân chánh yếu của phần lớn các điều bất hạnh trong đời. Chính ái dục - thô thiển hay vi tế - làm cho ta bám víu vào sự sống dưới mọi hình thức, và do đó dắt dẫn chúng ta mãi phiêu bạt trong vòng luân hồi.

Những hình thức thô thiển nhứt của ái dục được suy giảm phần nào khi đắc quả Tư Đà Hàm, tầng thứ nhì trong bốn tầng Thánh, và chỉ được tận diệt khi đắc A Na Hàm, tầng thứ ba, những hình thức tế nhị được tận diệt khi thành đạt Đạo Quả Vô Sinh.

Vītataṇho anādāno Ái lìa, không chấp thủ Niruttipadakovido Cú pháp khéo biện tài akkharānaṃ sannipātaṃ Thấu suốt từ vô ngại. jaññā pubbaparāni ca Hiểu thứ lớp trước sau sa ve antimasārīro Thân này thân cuối cùng mahāpañño mahāpurisoʻti Vị như vậy được gọi vuccati. Bậc đại trí, đại nhân.

Đại ý: Người xa lìa ái dục và không chấp thủ, người lão thông ngữ nguyên và danh từ, người thấu suốt thứ lớp tự cú và hậu quả của nó, đó là người mang thể xác cuối cùng, là bậc trí tuệ uyên thâm, bậc vĩ nhân (P.C. 352).

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 115

Đây nói đến bậc A La Hán chứng đại Tứ Vô Ngại Giải (Paṭisambhidāpatta arahatta) thông suốt bốn thành phần là:

Nghĩa vô ngại giải (aṭṭhappati sambhidā): Thông suốt hết mọi nghĩa lý. Pháp vô ngại giải (dhammappaṭi sambhidā): Thông suốt hết tất cả các pháp. Từ vô ngại giải (niruttippaṭi sambhidā): Thông suốt hết các thứ tiếng. Biện vô ngại giải (patibhappaṭi sambhidā): Thông suốt hết tất cả sự vật.

Còn gọi là bậc A La Hán Tứ Tuệ Phân Tích - đoạn tận mọi ái dục và chấp thủ - đắc Hữu Dư Y Níp Bàn - kiếp sống này là cuối cùng, không còn tái sanh.

Hạnh phúc thật sự nằm bên trong chúng ta và không thể định nghĩa bằng những danh từ như tài vật, quyền thế, danh vọng hay chinh phục, xâm lăng, chiếm đoạt. Nếu sự nghiệp vật chất ấy được thâu đoạt bằng bạo lực hay bằng một phương tiện bất công nào khác, hoặc giả, nếu sự nghiệp vật chất ấy được hưởng theo một chiều lầm lạc, hay nếu ta đem lòng luyến ái, trìu mến nó, thì đó là một nguồn đau khổ và phiền não cho người làm chủ nó.

Đối với người thông thường, thọ hưởng dục lạc là hạnh phúc tốt đẹp duy nhứt. Chắc chắn rằng có hạnh phúc nhứt thời trong khi mơ ước, lúc thọ hưởng và khi hồi nhớ lại những khoái lạc vật chất tương tợ, nhưng chỉ là huyền ảo và tạm bợ. Theo đức Phật, không luyến ái (virāgatā), tức vượt lên trên mọi dục lạc, là hạnh phúc cao thượng nhất. "Trên thế gian này, không luyến ái là hạnh phúc. Và vượt hẳn lên khỏi mọi hình thức dục lạc là hạnh phúc."

Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti Pháp thí, thắng mọi thí Sabbaṃ rasaṃ dhammaraso jināti Pháp vị, thắng mọi vị Sabbaṃ ratiṃ dhammaratī jināti Pháp hỷ, thắng mọi hỷ taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti Ái diệt, thắng mọi khổ.

Đại ý: Bố thí chân lý cao thượng hơn tất cả các pháp bố thí (khác). Hương vị của chân lý cao thượng hơn tất cả hương vị (khác). Sự hoan hỷ trong chân lý cao thượng hơn tất cả hoan hỷ (khác). Người đã tận diệt ái dục vượt khỏi mọi đau khổ (P.C. 354).

Nếu người dâng cúng y quí giá đến đức Phật Toàn Giác, đức Độc Giác và chư Thinh Văn Giác hội họp nhau đông đúc, ngồi kề nhau đầy đủ trong khắp cả thế giới cho đến cõi trời Phạm Thiên, quả báu của sự bố thí đó cũng không sánh bằng một vị Pháp Sư thuyết bốn câu kệ. Sự thí y đó không bằng một phần kệ ngôn mà người chia ra 16 phần, rồi lấy mỗi phần chia ra 16 lần nữa. Sự thuyết pháp, hoặc dạy pháp, hoặc nghe pháp là điều cao quí như thế. Pháp thí, dầu chỉ có tâm hoan hỷ theo bốn câu kệ cũng còn quí hơn tài thí mà người đem thực phẩm quí giá để đầy trong bát dâng đến bực A La Hán, hơn thí thuốc (sữa, dầu v.v...) hơn thí chỗ ngụ (nhà, tịnh thất, chùa). Vì người làm được các phước này cũng do nhờ được nghe pháp, vì nếu không được nghe pháp, không thông hiểu pháp lý,

dầu là một muỗng cháo, một vá cơm cũng không thể thí được, cho nên gọi Pháp Thí là cao thượng hơn tất cả sự thí.

Hơn nữa, dầu là những vị thực phẩm cao quí của chư Thiên cũng đều là duyên dắt dẫn chúng sanh say đắm trong đường sanh tử, phải chịu nhiều điều khổ não. Về phần vị của pháp, như 37 pháp nhân sanh giác ngộ (bodhipakkhiyadhamma) hoặc 9 pháp thắng tất cả các vị.

Sự ưa thích có nhiều thứ loại, như tài vật, thân quyến v.v... Các sự ưa thích đó đều là cái duyên níu kéo chúng sanh trong nẻo luân hồi, phải mang quả khổ vô cùng tận. Trái lại, sự ưa thích phát sanh trong tâm của pháp sư, hoặc người nghe pháp, làm cho thân tâm dường như bay bổng, cả châu thân nhẹ nhàng, mát mẽ, cả mình mọc ốc cũng có,

sự ưa thích đó tức là điều phỉ lạc, có thể đem ra khỏi vòng sanh tử được, sự ưa thích như thế gọi là quí trọng hơn mọi sự ưa thích. Do vậy, sự vui thích trong pháp thắng tất cả sự vui thích.

Lại nữa, chư vị A La Hán gọi là cao quí hơn cả vì không còn phải chịu nạn khổ luân hồi nữa. Do vậy mới gọi là sự dứt lòng tham muốn, thắng tất cả sự khổ não.

Pháp thí chia ra làm hai loại là:

Pháp Thí Hiệp Thế (Lokiya dhammadāna) là thuyết pháp chỉ dạy con đường người và trời.

Pháp Thí Siêu Thế (Lokuttara dhammadāna) là thuyết pháp về Tam Tướng cho thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã, thực tướng của thế gian, nhứt là cái thân ngũ uẩn, sanh ra rồi phải già đau chết, chẳng một ai tránh khỏi được, hoặc về Tứ Đế - liễu tri được vị giải thoát.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 117

118 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai mươi lăm – Phẩm Tỳ Khưu

Từ ngữ “Bhikkhu” dịch là Tỳ Khưu, là người đệ tử của đức Phật đã thọ lễ xuất gia đầy đủ (Cụ Túc Giới).

“Nhà sư khất thực” có thể là danh từ gần nhứt với từ ngữ “Bhikkhu.” Thầy Tỳ Khưu không phải là người trung gian giữa Thượng Đế với con người. Thầy Tỳ Khưu không bị ràng buộc là phải sống suốt đời như vậy, nhưng ngày nào còn đắp y vàng, thầy phải biết khép mình vào nếp sống giới luật mà chính thầy đã tự nguyện nghiêm trì trong sạch. Thầy cũng tự nguyện sống đời tri túc và độc thân. Đến khi cảm thấy không thể giữ tròn giới luật, không thể tiếp tục đời sống thiêng liêng, thầy có thể hoàn tục bất luận lúc nào.

Phẩm Tỳ Khưu có 23 câu, trình bày đời sống Phạm Hạnh chân chánh của một người đệ tử Phật, sống hạnh khước từ mọi cuộc vui thú thế gian để chọn lấy đời sống tu sĩ, tự chế các hành động, điều ngự các căn để chỉ nhắm một mục tiêu duy nhất là giải thoát Níp Bàn.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm sáu mươi hai:

Hatthasaññato pāda saññato Người chế ngự tay chân vācāya saññato saññatuttamo Chế ngự lời và đầu ajjhattarato samāhito Vui thích nội thiền định eko santusito tam āhu Độc thân, biết vừa đủ bhikkhuṃ Thật xứng gọi tỳ khưu.

Đại ý: Người tự điều chế tay, chân, lời nói, và ở điểm cao nhất (tức là đầu), người thỏa thích trong thiền định, người tự tại, cô đơn và tri túc - người ấy được gọi là Tỳ Khưu (P.C. 362).

Dhammārāmo dhammarato Vị tỳ khưu thích pháp dhammaṃ anuvicintayaṃ Mến pháp, suy tư pháp dhammaṃ anussaraṃ bhikkhu Tâm tư niệm chánh pháp

saddhammā na parihāyati. Không rời bỏ chánh pháp.

Đại ý: Thầy Tỳ Khưu ấy ẩn náu trong Giáo Pháp, thỏa thích trong Giáo Pháp, suy niệm về Giáo Pháp, hằng nhớ tưởng Giáo Pháp - vị ấy không sa đọa, không xa lìa Giáo Pháp cao thượng (P.C. 364).

Một vị tăng sĩ tên Dhamārāma biết đức Phật sắp viên tịch Níp Bàn, cố tránh không làm theo những vị khác mà rút về tịnh thất mình, lấy Giáo Pháp làm đề mục thiền nhằm thành đạt Đạo Quả A La Hán. Vì hiểu lầm thái độ của thầy, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với đức Phật. Khi đại đức Dhamārāma giải thích ý định của mình, đức Phật tán dương thầy và đọc những lời trên. Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 119

Một vị Tỳ Khưu hằng vui thích trong đời sống Phạm Hạnh của mình, hằng luôn được an vui trong Chánh Pháp.

Đời sống chân chánh của vị Tỳ Khưu là luôn trau giồi Phạm Hạnh hầu đem lại lợi ích cho mình, luôn vun bồi con đường Giới Định Tuệ.

Vị Tỳ Khưu nào nhận rõ điều khổ, thấy rõ nhân sanh khổ là tham ái, thấy rõ sự diệt tắt khổ là Níp Bàn, thấy rõ con đường đi đến diệt tắt khổ là Bát Chánh Đạo, như vậy gọi là có Chánh Kiến trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khưu hằng suy nghĩ về việc xuất ly, suy nghĩ trong sự không oán thù, suy nghĩ trong sự không làm hại người, như vậy gọi là có Chánh Tư Duy trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khưu luôn xa lánh điều nói dối, nói đâm thọc, nói ác ngữ, nói phù phiếm, như vậy có Chánh Ngữ trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khưu hằng xa lánh tam thân ác nghiệp là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, như vậy có Chánh Nghiệp trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khưu nuôi dưỡng sanh mạng chân chính, xa lìa các pháp tà mạng về thân ngữ ý, như vậy có Chánh Mạng trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khưu thỏa thích trong sự tinh tấn, hành tinh tấn và cố tinh tấn gom tâm lại, làm cho tâm trụ một chỗ, hầu ngăn ngừa các pháp ác chưa phát sanh không cho phát sanh. Thỏa thích trong sự tinh tấn, cố tinh tấn, làm cho tâm trụ vào một chỗ, hầu dứt trừ các ác pháp đã phát sanh lên rồi. Thỏa thích trong sự tinh tấn, cố tinh tấn gom tâm lại, cố làm cho tâm trụ lại vào một chỗ, hầu để vun trồng mầm thiện phước chưa phát sanh cho sanh lên. Thỏa thích trong sự tinh tấn, cố tinh tấn gom tâm lại, cố làm cho tâm trụ lại vào một chỗ hầu làm cho thiện phước đã có càng tăng trưởng lên, như vậy có Chánh Tinh Tấn trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khưu luôn trau giồi sự ghi nhớ, chánh niệm tỉnh giác, không dể duôi, dứt bỏ mọi ác niệm, xa lìa Tham Sân Si. Như vậy có Chánh Niệm trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khưu luôn giữ tâm được an tịnh, không tán loạn phóng dật, vun bồi thiền định Chỉ Quán, viên mãn chứng đắc từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền, như vậy có Chánh Định trong Chánh Pháp.

Suññāgāraṃ paviṭṭhassa Sống bước vào nhà trống santacittassa bhikkhuno Tỳ Khưu tâm an tịnh amānusī ratī hoti Tịnh quán theo chánh pháp sammā dhammaṃ vipassato. Thọ hưởng vui siêu nhân.

120 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Thầy Tỳ Khưu đã rút vào nơi ẩn náu đơn độc, đã giữ tâm vắng lặng, đã ngộ rõ giáo pháp, vị ấy chứng phỉ lạc siêu trần (P.C. 373).

Yato yato sammasati Ngươi luôn luôn chánh niệm khandhānaṃ udayabbayaṃ Sự sanh diệt các uẩn labhati pīti pāmojjaṃ Được hưởng hỷ, hân hoan amataṃ taṃ vijānataṃ Dành bậc biết bất tử.

Đại ý: Mỗi khi suy niệm về pháp sanh - diệt của các uẩn, người ấy đạt phỉ và lạc. Đối với "những ai thấu hiểu," suy niệm ấy là Bất Tử (P.C. 374).

Như thế vị Tỳ Khưu không bị sa đọa, hằng luôn an vui trong Giáp Pháp cao thượng. Con đường Giới Định Tuệ luôn được nghiêm trì. Tự nguyện giữ tròn giới luật và ráng sức nâng cao đức hạnh đến tột đỉnh để trở nên hoàn toàn vị tha trong mọi hành động. Không có gì làm lay động được hạnh nguyện của vị Tỳ Khưu.

Tự mình tìm nơi vắng vẻ để sống đời độc thân cao thượng của nhà tu sĩ. Một vị Tỳ Khưu có đời sống gương mẫu, một vị Tỳ Khưu lý tưởng là nguồn hạnh phúc cho mình và cho kẻ khác. Mọi người đều có thể học hỏi nơi ngài, noi theo gương lành của ngài, và thực hành theo những lời vàng ngọc của ngài chỉ dẫn. Bên trong, các vị ấy tự làm cho mình trong sạch, bên ngoài thì làm lợi ích cho mọi người được trong sạch.

Tatrāyaṃ ādi bhavati Vị Tỳ Khưu có trí idha paññassa bhikkhuno Tu tập pháp căn bản indriyagutti santuṭṭhī Hộ căn, biết vừa đủ pātimokkhe ca saṃvaro Gìn giữ căn bản giới mitte bhajassu kalyāṇe Thường gần gũi bạn lành suddhājīve atandite Sống thanh tịnh tinh cần.

Đại ý: Và điều này, ở đây, trở thành bước đầu của thầy Tỳ Khưu có trí tuệ: thu thúc lục căn, tri túc, tự chế trong Giới Bổn (Pāṭimokkha), kết hợp với những người bạn hữu ích, tinh tấn, và có chánh mạng trong sạch (P.C. 375).

santakāya santavāco Thân tịnh, lời an tịnh satavā sussamāhito An tịnh, khéo thiền tịnh. vantalokāmiso bhikkhu Tỳ khưu bỏ thế vật upasanto'ti vuccati Xứng danh "người tịch tịnh."

Đại ý: Thầy Tỳ Khưu có thân nhàn tịnh, khẩu nhàn tịnh, ý nhàn tịnh, thầy Tỳ Khưu tự tại, đã rút ra khỏi thế sự, đáng được gọi "bậc tịch tịnh" (P.C. 378).

Vị Tỳ Khưu luôn tinh tấn trau giồi trí tuệ, đồng thời cũng tự thấy có bổn phận giúp đỡ những người khác cùng tiến hóa với mình, luôn học hỏi để trở nên sáng suốt. Không làm phiền ai, không muốn cho ai phải nặng lo về mình, các vị Tỳ Khưu sống như loài ong:

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 121

Hút mật của hoa nhưng không làm tổn thương đến đời sống của hoa. Từ bỏ tất cả sự nghiệp của cải, không giữ lấy một món chi của thế gian. Nhu cầu của một vị Tỳ Khưu thật là ít oi. Bao nhiêu tài sản của các vị này chỉ gồm vỏn vẹn trong hạnh tri túc.

Có năm điều thu thúc trong Luật (saṃvaravinaya):

1. Thu thúc trong giới bổn (sīlasaṃvara) giữ giới Sa Di, Tỳ Khưu giới trọn vẹn trang nghiêm. 2. Thu thúc trong lục căn (satisaṃ vara) ghi nhớ, chánh niệm giữ lục căn không tiếp xúc tục trần, nếu phải tiếp xúc thì không giữ lấy tướng chung tướng riêng. 3. Thu thúc trong ái dục bằng trí tuệ (ñānasaṃvara). 4. Thu thúc trong kiên nhẫn, là nín nhịn sự lạnh nóng, đói khát đau khổ (khantisaṃvara). 5. Thu thúc trong tinh tấn là dứt trừ ba tà tư duy, suy nghĩ quấy trong cõi dục, sắc, và vô sắc giới (viriyasaṃvara).

Pháp tri túc có ba là:

1. "Ưa thích theo vật dụng đã được" (yathālābhasandosa) là được tứ vật dụng (y áo, thực phẩm, chỗ ở, thuốc men) dù tốt hay không tốt cũng vẫn dùng vật ấy, không mong tìm kiếm vật khác, dầu có người dâng cúng đi nữa cũng không thọ thêm, hay là thọ rồi đem dâng cho vị Tỳ Khưu khác.

2. "Ưa thích theo sức mình" (yathābalasandosa) là tùy lượng theo sức mình, nếu có bệnh dùng món ăn không tiêu nên đem đổi lấy món khác với Tỳ Khưu thân thiết, rồi vừa lòng trong vật ấy.

3. "Ưa thích cho vừa theo" (yathāsarupasandosa) là nếu được vật tốt quí giá, nên xét rằng: Vật này vừa đến vị cao hơn có đức hạnh, bậc thông hiểu, rồi dâng đến các vị ấy, phần mình chỉ nên dùng vật bình thường.

Pháp tri túc nếu giải rộng có 50 pháp là:

Về y áo có 20 pháp (civara). Về trì bình đi bát có 15 pháp (pindapāta). Về thuốc chữa bệnh có 15 pháp (gilāna).

Người có hạnh tri túc có ba tướng phân biệt là:

1. Không buồn tiếc đến của đã qua (atitamnānusocanto). 2. Không nói đến vật chưa có (nappajappamanāgataṃ). 3. Nuôi mạng sống theo vật phát sanh hiện tại (paccuppan – ena yāpento).

122 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Giới luật trong Giáo Hội Tăng Già không cho phép thầy Tỳ Khưu thọ lãnh tất cả mọi vật người ta dâng đến cho mình. Nếu có người dâng, thầy Tỳ Khưu chỉ được nhận bốn món vật dụng thông thường. Khi cần dùng một trong bốn món ấy mà không có ai cho, thầy Tỳ Khưu chỉ được phép hỏi những bà con thân thuộc, hoặc những thí chủ nào đã hứa trước và yêu cầu ngài cho biết khi cần dùng đến. Thiện tín không thể nhờ thầy Tỳ Khưu chuyển đạt lên một thần linh những lời cầu nguyện vì trong Phật giáo không có một quyền lực nào trên và ngoài con người có thể nhận những lời cầu khẩn do sự trung gian của một tu sĩ để ban phước hoặc xá tội.

Đối với hàng Tỳ Khưu có bốn trọng tội là hành dâm, trộm cắp, sát nhân, và khoe khoang rằng mình đã đạt được các pháp của bậc cao nhân mà thật sự mình không có. Vị nào vi phạm một trong bốn tội ấy tức thì không còn là Tỳ Khưu nữa và bị trục xuất ra khỏi Giáo Hội Tăng Già.

Ngoài bốn trọng tội (Tứ Bất Cọng Trụ) đó, nếu vị Tỳ Khưu phạm giới nào khác, thì phải sám hối.

Có bảy chi trọng yếu nên thân cận cùng bạn là:

1. Cho những vật khó cho.
2. Làm những việc khó làm.
3. Kiên nhẫn với sự việc khó khăn.
4. Nói điều kín đến bạn.
5. Giữ kín điều bạn đã nói.
6. Không bỏ nhau trong khi có tai hại.
7. Khi bạn hết tài vật, không khinh rẻ.

Bạn lành có 3 chi:

1. Hằng khuyên bạn trong khi bạn làm việc quấy. 2. Hằng khuyến khích bạn làm các việc lành. 3. Không bỏ bạn lúc hữu sự (cùng chia vui buồn với bạn).

Có sáu điều học mà thầy Tỳ Khưu có giới thành tựu do sự thu thúc chánh mạng:

1. Thầy Tỳ Khưu chỉ vì sự nuôi mạng, bởi lòng tham lợi, tự khoe mình đắc pháp của bậc cao nhân (pháp Đại Định hay Thánh Pháp) mà mình chưa đắc thì phạm tội bất cọng trụ. 2. Thầy Tỳ Khưu chỉ vì sự nuôi mạng, làm mai dong, nói cho người nam vừa lòng người nữ, nữ đẹp lòng nam, thì phạm tội tăng tàn.

3. Thầy Tỳ Khưu khoe mình đắc pháp cao nhân đến người chưa thọ cụ túc giới thì phạm ưng đối trị.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 123

4. Thầy Tỳ Khưu vô bệnh chỉ vì sự nuôi mạng, xin vật thực cao lương để dùng, thì phạm ưng xả đối trị. 5. Thầy Tỳ Khưu biết rõ vật thực do Tỳ Khưu Ni sắp đặt mà thọ thực thì phạm tội ưng đối trị. 6. Thầy Tỳ Khưu vô bệnh, xin vật thực để dùng thì phạm tội tác ác.

Sự tinh tấn dứt bỏ tà mạng do nội thân và ngữ thì phải lánh xa năm ác pháp (pāpadhamma) và 21 pháp tà vạy (ansana). Năm pháp ác là: 1. Giả dối (kuhanā - làm bộ cao thượng); 2. Nói bợ đỡ (lapanā); 3. Giả dạng (nemittikatā - bói toán do thân và lời), 4. Nói hăm dọa (nippesikatā); và 5. Lấy lợi câu lợi (lābhena lābhaṃ nijjigimsanata).

Yo have daharo bhikkhu Tỳ Khưu tuy tuổi nhỏ yuñjati buddhasāsane Siêng tu giáo pháp Phật so imaṃ lokaṃ pabhāseti Soi sáng thế gian này abbhā mutto'va candimā. Như trăng thoát khỏi mây.

Đại ý: Dầu trẻ tuổi, thầy tỳ khưu để hết tâm trí vào giáo lý của Phật sẽ rọi sáng thế gian này như mặt trăng ra khỏi vừng mây (P.C. 382).

Vị Tỳ Khưu có thể sống trầm lặng ở một nơi xa vắng, yên tĩnh, hoặc tích cực hoạt động trong xã hội. Dù tuổi trẻ, nếu nhiệt thành với giáo pháp, thầy Tỳ Khưu có thể rọi sáng toàn thể thế gian. Lối sống cô độc, trầm lặng, rất thích hợp với lý tưởng của Tỳ Khưu. Y vàng tượng trưng cho sự trong sạch và khiêm tốn. Khi vị Tỳ Khưu khoác lên thân một bộ y vàng tức là đã nhằm lấy mục đích cuối cùng là tận diệt dục vọng để chứng đạt Đạo Quả Níp Bàn. Ta cũng nên lưu ý rằng đời sống của một Tỳ Khưu, hay nói cách khác, sự từ bỏ những thú vui và những khát vọng của đời chỉ là một phương tiện để thành đạt mục tiêu cuối cùng, sự xuất gia tự nó, không phải là một cứu cánh.

124 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phẩm thứ hai mươi sáu – Phẩm Bà La Môn

Từ ngữ “Brahmaṇa” dịch là Bà La Môn, Phạm Chí, thường được dùng như một danh từ có tánh cách chủng tộc, nhưng ở đây Bà La Môn ý chỉ về đức Phật hay bậc A La Hán - bậc Thánh Nhân.

Phẩm Bà La Môn có 41câu với đầy đủ ý nghĩa, nêu lên tính hạnh của một vị Bà La Môn, không vì sanh trưởng trong một gia đình ở giai cấp Bà La Môn mà trở thành vị Bà La Môn, nhưng là vì họ đã thành đạt mục tiêu tối thượng - chứng đắc quả A La Hán Níp Bàn giải thoát - thành đạt chân lý và đầy đủ chánh hạnh.

Yassa pāraṃ apāraṃ vā Không bờ này, bờ kia pārāpāraṃ na vijjati Cả hai bờ không có vītaddaraṃ visaṃyuttaṃ Lìa khổ, không trói buộc taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ. Ta gọi Bà La Môn.

Đại ý: Người không còn bờ bên này hay bờ bên kia, cũng không còn cả hai bờ, bên này và bên kia, người thoát ly phiền não và không bị ràng buộc - người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 385).

Jhāyiṃ, virajaṃ āsīnaṃ Tu thiền, trú ly trần katakiccaṃ anāsavaṃ Phận sự xong, vô lậu uttamatthaṃ anuppattaṃ Đạt được đích tối thượng taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ. Ta gọi Bà La Môn.

Đại ý: Người có hành thiền, vô nhiễm và ẩn dật, người đã hoàn tất nhiệm vụ và thoát ly lậu hoặc, người đã thành đạt Mục Tiêu tối thượng - người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 386).

Được gọi là một vị Bà La Môn, không vì sanh trưởng trong một gia đình thuộc giai cấp Bà La Môn, mà là người đã thành đạt mục tiêu tối thượng (Níp Bàn), không còn bị ràng buộc, không còn dính mắc đến những dục vọng, đoạn tận luyến ái liên quan đến “cái Ta” và “của Ta,” lục căn thanh tịnh, xa lìa các trần và thoát ly phiền não.

Na jatāhi na gottena Được gọi Bà La Môn na jaccā hoti brāh maṇo Không vì đầu bện tóc yamhi saccañ ca dhammo ca Không chủng tộc, thọ sanh so sucī so ca brāhmaṇo Ai thật chân, chánh, tịnh Mới gọi Bà La Môn.

Đại ý: Không phải vì thắt tóc bính, cũng không vì thọ sanh (trong giai cấp nào) hay do gia tộc mà người ta trở thành Bà La Môn. Nhưng ai có đủ cả hai, chân lý và chánh hạnh, người ấy quả thật trong sạch, quả thật Bà La Môn (P.C. 393). Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 125

Na c'āhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi Ta không gọi Phạm Chí yonijaṃ mattisambhavaṃ Vì chỗ sanh, mẹ sanh bhovādi nāma so hoti Chỉ được gọi tên suông sa ce hoti sakiñcano Nếu tâm còn phiền não akiñcanaṃ anādānaṃ Không phiền não, chấp trước taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ. Ta gọi Bà La Môn.

Đại ý: Như Lai không gọi là Bà La Môn chỉ vì người ấy được sanh ra từ thai bào (của một người ở giai cấp Bà La Môn) hay có mẹ (là Bà La Môn). Người ấy chỉ là: "Bhovādi" nếu tâm còn chướng ngại. Người đã thoát ly chướng ngại, thoát ly luyến ái, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 396).

"Bhovādi" - "Bho" là hình thức xưng hô thông thường mà chính đức Phật cũng thường dùng khi nói chuyện với người cư sĩ, thiện tín. Bhovādi có nghĩa là người đối thoại thân mến.

Bậc được gọi là vị Bà La Môn là vị có đời sống Phạm Hạnh (Brāhmaccariya), hành theo Phạm Hạnh cao thượng. Vì những hành động ấy không lẫn lộn với các pháp ác, mà trái lại còn làm cho tăng trưởng những pháp thiện lành.

Pháp Phạm Hạnh có mười điều là:

1. Dāna: Xả thí, là sự chia sớt tài sản của mình cho người.
2. Veyyāvacca: Phụng sự sốt sắng, sự ráng tìm kiếm (giúp đỡ) sự phước thiện ở người khác.
3. Pañca sīla: Ngũ giới thọ trì chín chắn.
4. Methunavirati: Bất hành dâm.
5. Appamañña: Hành tứ vô lượng tâm.
6. Sadāra santasa: Tri túc với vợ nhà (không ngoại tình).
7. Viriya: Tinh tấn, siêng năng.
8. Uposatha: Thọ trì bát thanh tịnh giới.
9. Ariyamagga: Bát thánh đạo.
10. Sāsana: Lời giáo huấn của đức Thế Tôn (là Giới Định Tuệ).

Chính mười pháp này hình thành một vị Bà La Môn chân chánh. Đức Phật dạy rằng, "Chính thiện ý và trí tuệ cùng với tâm được rèn luyện đúng phương pháp, và phẩm hạnh cao thượng nhứt dựa trên căn bản giới luật, làm cho chúng sanh trong sạch, chớ không phải do giai cấp hay tài sản."

Đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã cố gắng loại bỏ chế độ mua tôi bán mọi, đã xây dựng một nền luân lý cao thượng và ý niệm về tình huynh đệ giữa loài người, và bằng những lời mạnh mẽ, Ngài đã lên án hệ thống đẳng cấp có tánh cách xúc phạm đến phẩm hạnh con người lúc bấy giờ đã ăn sâu trong xã hội Ấn Độ. Ngài tuyên bố, "Là

cùng đinh không phải do sanh trưởng. Là Bà La Môn không phải do sanh trưởng. Do hành động, người này là cùng đinh; do hành động, người kia là Bà La Môn." Đức Phật cho biết rằng các loài cây cối, côn trùng, loài thú có bốn chân, rắn rít, cá tôm chim chóc đều có hình thể riêng và có thể phân biệt với nhau; còn trường hợp ở người thì khác, không có biệt mạo riêng từng loại. Rồi Ngài giải thích làm thế nào con người có thể phân biệt với nhau bằng việc làm hằng ngày. Để kết luận, đức Phật giải thích rằng, "Sự sanh trưởng không làm cho con người được liệt vào giai cấp Bà La Môn hay bị loại ra khỏi giai cấp này."

Nếp sống hằng ngày tạo ra người nông dân, thương gia, hay nô bộc. Nếp sống hằng ngày tạo ra hạng trộm cắp, binh sĩ, tu sĩ, hay vua chúa.

Chetvā naddhiṃ varattañ ca Bỏ đai da, bỏ cương sandāmaṃ sahanukkamaṃ Bỏ dây, đồ sở thuộc ukkhittapaḷighaṃ buddhaṃ Bỏ then chốt, sáng suốt taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ Ta gọi Bà La Môn.

Đại ý: Người đã cắt đứt dây cương (sân hận), dây thừng (luyến ái) và dây nọng (tà kiến) cùng các món đồ bắt kế (thuỳ miên, những khuynh hướng còn ngủ ngầm), vứt bỏ cây trục (vô minh), người đã giác ngộ (Phật), người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 398).

Nguồn gốc của tâm luyến ái, lòng thù hận, và tánh hung tợn là tham, sân, si. Một người đã tẩy sạch tham sân si và giữ tâm hoàn toàn thanh tịnh thì những xu hướng xấu xa không phát sanh lên được. Tâm thanh ý tịnh thì đời sống được trong sạch. Người không tham, không sân, không si, ắt không thể sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba nghiệp được phòng hộ, chính đó là một vị Bà La Môn.

Đức Phật bác bỏ lập luận về người Bà La Môn vào đương thời của Ngài. Ngài không cho rằng: Trong bốn đẳng cấp mà con người được phân hạng, Bà La Môn là cao hơn hết. Các đẳng cấp khác đều thấp kém hơn (Sát Đế Lỵ, Thương Buôn, và Thủ Đà La). Chư vị Bà La Môn được xem là trong sạch, những hạng khác thì không. Những vị Bà La Môn là con chánh thức của thần Brahma (Phạm Thiên) sanh ra từ trong miệng ngài Phạm Thiên, được đặc cách tạo nên và sẽ là thừa kế của ngài Phạm Thiên. Đức Phật phủ nhận lập luận này. Chính Ngài muốn nói lên tính chất đầy đủ năng lực làm việc của con người, và chính con người có đầy đủ năng lực làm tất cả, làm được Trời, Người, hoặc chúng sanh khác đều do chính hành động của mình, rồi mình thọ lãnh lấy kết quả của hành động ấy để trở thành Trời, Người, hay chúng sanh khác.

Yassa rāgo ca doso ca Người bỏ rơi tham sân māno makkho ca pātito Không mạn, không ganh tị sāsaporiva āraggā Như hột cải đầu kim taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ Ta gọi Bà La Môn.

Đại ý: Người mà tham lam, sân hận, ngã mạn, phỉ báng (không bám vào được), lả tả rơi như hột cải để đầu mũi kim, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 407).

Người đã thanh lọc mọi tham vọng ích kỷ, mọi thù hằn, mọi tư tưởng hung ác, tàn bạo, và đượm nhuần tinh thần vị tha từ ái và ôn hòa, sẽ thấy đời sống mình được an lành vui vẻ, chính là đời sống của vị Bà La Môn.

Akakkasam viññāpaṇiṃ Nói lên lời ôn hòa giraṃ saccaṃ udīraye Lợi ích và chân thật yāya nābhisaje kiñci Không mất lòng một ai taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ. Ta gọi Bà La Môn.

Đại ý: Nói lời êm dịu, hiền hòa, xây dựng, chân thật, và không xúc phạm đến ai, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 408).

Người đã tận diệt tham vọng, tức nhiên không thể có lời nói giả dối, phỉ báng, thô lỗ, và nhảm nhí vì một mục đích ích kỷ nào, mà luôn luôn chân thành, trung tín, luôn luôn tìm cái đẹp, cái tốt nơi người khác hơn là lừa dối, vu oan, sỉ nhục, chia rẽ những người bạn đồng cảnh ngộ với mình. Một nhân vât hòa nhã và đượm nhuần tâm từ ái, không thể có lời nói thô lỗ cộc cằn để làm suy giảm giá trị mình và tổn hại đến người khác. Lời lẽ của người giàu lòng bi ái, không những chân thật dịu dàng, mà còn hữu ích và luôn luôn đem lợi lộc cho kẻ khác, chính vị đó là Bà La Môn.

Yo'dha puññañ ca pāpañ ca Người sống ở đời này ubho saṅgaṃ upaccagā Không nhiễm cả thiện ác asakaṃ virajaṃ suddhaṃ Không sầu, không bụi cấu taṃ ahaṃ brūmi Thật thanh tịnh trong sạch brāhmaṇaṃ. Ta gọi là Bà La Môn.

Đại ý: Ở đây, người đã vượt khỏi cả hai điều, thiện và ác, và các ràng buộc, người không ưu phiền, không ô nhiễm và thanh tịnh, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 412).

Nói đến tính chất của Bà La Môn, đức Phật đã đề cập đến một tính chất của người đã vượt khỏi thiện và ác, là người trong sạch, là người đã dứt bỏ ưa và ghét, là người đã giác ngộ, đã đắc đạo quả A La Hán, chân thực, và chánh hạnh. Bậc đáng tôn kính. Người tự làm mình trở nên toàn thiện. Cụ thể nhất chính là hình ảnh đức Phật và chư vị Thánh Tăng, các Bậc đã diệt tận mọi lậu hoặc, mọi trói buộc, đi đến hoàn toàn thanh tịnh.

Divā tapati ādicco Mặt trời sáng ban ngày rattiṃ obhāti candimā Mặt trăng sáng ban đêm sannaddho khattiyo tapati Khí giới sáng Sát Ly jhāyī tapati brāhmaṇo Thiền sáng Bà La Môn atha sabbaṃ ahorattiṃ Còn hào quang đức Phật Buddho tapati tejasā. Chói sáng cả ngày đêm.

128 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Đại ý: Mặt trời chiếu sáng ban ngày. Mặt trăng rạng tỏ ban đêm. Nhung giáp và gươm đao chói sáng nhà Vua khi lâm trận. Lúc thiền định, hào quang của vị Bà La Môn chiếu sáng. Nhưng ngày như đêm, đức Phật rực rỡ sáng lòa trong vinh hạnh (P.C. 387).

Đại đức Ānanda nhận thấy một vị vua huy hoàng, một vị tỳ khưu ngồi hành thiền trong giảng đường, một cảnh bình minh, và một cảnh trời trăng sáng tỏ. Rồi Đại Đức nhìn thấy đức Phật sáng lòa rực rỡ trong vinh hạnh. Khi Đại đức Ānanda bạch lại với đức Phật về những cảm tưởng khác nhau ấy, đức Phật đã đọc lên câu kệ trên.

Theo bản chú giải, giới đức của đức Phật có oai lực sáng tỏ, làm lu mờ điều bất thiện. Ân đức của Ngài có oai lực làm lu mờ các tật xấu. Oai lực của trí tuệ che lấp vô minh. Oai lực của phước báu che lấp tội khổ. Oai lực của chánh hạnh che lấp điều bất chánh.

“Như hoa sen đẹp đẽ và dễ thương, không ô nhiễm bùn dơ nước đục giữa đám bụi trần. Ta không chút vướng bợn nhơ, như vậy, Ta là Phật.” (Tăng Chi II).

Đức Phật không hề tự xưng là hiện thân (avatāra) của thần Vishnu, một thần linh Ấn Độ Giáo mà kinh Bhagavadgitā đã ca ngợi một cách huyền diệu, sanh ra để bảo vệ sự chân chánh, tiêu diệt tội lỗi, và củng cố đạo lý.

Theo lời dạy của đức Phật thì có hằng hà sa số chư Thiên - cũng là hạng chúng sanh, còn phải chịu sanh tử luân hồi; tuy nhiên, không có một thần linh tối thượng với quyền lực siêu thế, kiểm soát vận mạng con người, xuất hiện trên thế gian từng lúc, dùng hình thức con người làm phương tiện.

Đức Phật cũng không bao giờ tự gọi là “Đấng Cứu Thế” có quyền năng cứu vớt kẻ khác bằng chính sự cứu rỗi của mình. Ngài thiết tha kêu gọi những ai hoan hỷ bước theo dấu chân Ngài, không nên ỷ lại nơi người khác, mà phải tự mình giải thoát lấy mình bởi vì cả hai, trong sạch và bợn nhơ, cũng đều tuỳ thuộc ở chính nơi mình. Ngài không thể trực tiếp làm cho ai trong sạch hay ô nhiễm.

Để minh định rõ ràng mối tương quan của Ngài đối với hàng môn đệ và để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kiện tự mình nhận lãnh trọn vẹn trách nhiệm và tự mình nỗ lực kiên trì, đức Phật dạy minh bạch rằng:

“Các con phải tự mình nỗ lực. Các đấng Như Lai chỉ là thầy chỉ đường.”

Đức Phật chỉ vạch cho ta con đường và phương pháp mà ta có thể nương theo đó để tự giải thoát ra khỏi mọi khổ đau sanh tử và thành tựu mục tiêu cứu cánh. Đi trên con đường và theo đúng phương pháp là phần của người đệ tử chân chánh muốn thoát khỏi những bất hạnh của cuộc đời.

Ỷ lại nơi người khác để giải thoát cho mình là tiêu cực. Nhưng đảm đang lãnh lấy trách nhiệm, chỉ tùy thuộc nơi mình để tự giải thoát quả thật là tích cực.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 129

Tùy thuộc nơi người khác là đem tất cả cố gắng của chính mình ra qui hàng. Tìm sự cứu rỗi nơi những nhân vật hảo tâm có quyền năng cứu thế và bám víu vào hạnh phúc ảo huyền xuyên qua lời van vái nguyện cầu không thể đem lại kết quả và nghi thức cúng tế vô nghĩa lý quả là thiển bạc và vô ích.

Pubbenivāsaṃ yo vedī Ai biết được đời trước saggāpāyañ ca passati Thấy thiên giới, đọa xứ atho jātikkhayaṃ patto Đạt được sanh đoạn diệt abhiññā vosito muni Thắng trí, tự viên thành sabbavosi tavosānaṃ Bậc mâu ni đạo sĩ taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ Viên mãn mọi thành tựu Ta gọi Bà La Môn.

Đại ý: Bậc hiền thánh đã thấu hiểu chỗ ở trước của mình, đã thấy những cảnh nhàn và khổ, đã đến mức tận cùng của mọi kiếp sống, người đã với trí tuệ cao siêu, tự mình cải

tiến và hoàn tất đời sống phạm hạnh thiêng liêng và chấm dứt mọi dục vọng, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 423).

Sanh ra là một người, sống như một người, đức Phật thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn diện, đạo quả Phật, do sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Nhưng Ngài không dành giữ lấy sự liễu ngộ siêu phàm cho riêng mình mà còn công bố trước thế gian rằng Tâm có khả năng và oai lực bất khuất. Không khi nào tự hào rằng chỉ có Ngài là người duy nhứt đắc quả Phật, vì đạo quả Phật không phải là ân huệ đặc biệt dành riêng cho một cá nhân tốt phước nào đã được chọn trước. Thay vì đặt trên con người một thần linh vạn năng vô hình và cho con người một địa vị khép nép rụt rè, Ngài chứng minh rằng con người có thể thành đoạt trí tuệ cao siêu và Đạo Quả tối thượng do sự cố gắng của chính mình. Và như vậy, đức Phật nâng cao phẩm giá con người. Ngài dạy rằng muốn thoát ra khỏi vòng trầm luân khổ não thì chính ta phải tự mình gia công cố gắng, chớ không phải phục tùng, tùy thuộc nơi một thần linh hay một nhân vật nào làm trung gian giữa ta và vị thần linh ấy.

Trong thế gian ngã chấp, lấy mình làm trung tâm của vũ trụ, và chạy theo quyền thế, đức Phật dạy chúng ta một lý tưởng cao quí của sự phục vụ bất cầu lợi.

Ngài chống đối tệ đoan phân chia giai cấp trong xã hội - chỉ làm trở ngại sự tiến hóa của loài người - và luôn luôn bênh vực công lý, khuyên dạy bình đẳng con người. Ngài tuyên bố rằng cánh cửa thành công và thịnh vượng phải rộng mở cho tất cả mọi người, ai cũng như ai, dầu cao thấp, sang hèn, đạo đức hay tội lỗi nếu người ấy cố công cải thiện nếp sống, hướng con đường trong sạch. Ngài khuyến khích kẻ yếu, đoàn kết người chia rẽ, đem ánh sáng đến cho người vô minh tăm tối, dẫn dắt kẻ mê muội lầm đường, nâng đỡ người thấp kém, và tăng cao phẩm giá người cao quí.

Người nghèo, người giàu, người lương thiện, và người tội lỗi tất cả đều quí mến Ngài như nhau.

130 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Những bậc vua chúa tàn bạo độc tài, những vị minh quân chánh trực, những hoàng tử vinh quang hiển hách, và những người sống cuộc đời tối tăm không ai biết đến; những nhà triệu phú giàu lòng quảng đại, những vị keo kiệt bỏn xẻn, những học giả khiêm tốn, những người kiêu căng tự đắc, hạng gái giang hồ, hạng người làm nghề bẩn thỉu, hạng sát nhân, hạng người thường bị khinh bỉ; tất cả đều có thụ hưởng những lời khuyên dạy đầy trí tuệ và từ bi của đức Phật.

Gương lành cao quí của Ngài là nguồn gợi cảm, là niềm khích lệ cho tất cả. Ngài là vị đạo sư giàu lòng bi mẫn và rộng lượng khoan dung hơn tất cả.

Ý chí sắt đá, trí tuệ cao siêu, lòng bi mẫn vô biên, đức vị tha phục vụ, sự thoát ly chưa từng có, đời sống gương mẫu, những phương pháp toàn thiện mà Ngài đã áp dụng để truyền bá giáo lý và sự thành công tối hậu của Ngài - tất cả những yếu tố ấy đã khiến một phần năm nhân loại ngày nay đang noi theo dấu chân Ngài, đã khiến Ngài trở thành một chúng sanh tối thượng giữa những hạng chúng sanh hai chân.

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 131

132 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Phương Danh Ấn Tống - Năm 2011 500 Quyển Giáo Án Kinh Pháp Cú

Thân Hữu ở Pennsylvania

1. Bà Đỗ Văn Sét $5
2. Bà Diệu Hằng $5
3. Bà Diệu Huệ $5
4. Bà Nguyễn Nhật Tân $5
5. Bà Trần Thị Kế $5
6. Ông bà Đỗ Thế Khải $5
7. Bà Tý Tiên $5
8. Ông bà Lê Văn Cát $10
9. Bà Nhâm Ngọc Hựu $10
10. Bà Đỗ Thị Nhàn $10
11. Ông bà Lê Văn Nhẫn $10
12. Ông bà Lê Văn Đạt $10
13. Ông bà Lê Văn Lộc $10
14. Bà Nguyễn Thị Liên $30

Thân Hữu ở Maryland

1. Nguyên Khánh $50
2. Phật tử ẩn danh $100
3. Thiện Trí (Phạm C. Sang) $60
4. Mary Ray (pd Tâm Hóa) $50
5. Lê Thị An (pd Trí Thông) $50

Thân Hữu ở Virginia

1. Chơn Đạo $30
2. Gia đình Tâm Hân Huệ & Tâm Chánh An $500
3. Phật tử ẩn danh $200
4. Nguyễn Phi Yến $20
5. Nguyễn T.T. Thảo $100
6. Bé Tuệ Đạo - Winston Đức $50
7. Hoàng T. Thiên Hương & Đoàn T. Nghi $50
8. Nguyên Bảo $50
9. Chúc Thuần $50
10. Ngọc Thanh & Chơn Tịnh $50
11. Bùi L. Chính Tín $50
12. Diệu Hồng & Lêđỳnh Bột $25

13. Trisha Vũ & Nguyễn Phước Luận $50
14. Thân Vô $100
15. Vũ Thị Phương (pd Diệu Pháp) $100
16. Khánh & Huế $100

17. Diệu Thủy $100
18. Nga Westerlund $125
19. Bình Ngọc $100
20. Võ Thị Tuyết (pd Chơn Hạnh Bạch) $100
21. Nguyên Hà $40
22. Nguyễn T. Tiến & Huỳnh T. Dung $100
23. Gia đình Bùi-Phó Khánh $30
24. Chúc Diệu $50
25. Tâm T. Đỗ & Nancy A. Nguyễn $100
26. Huỳnh B. Yến Như & bé Anna Bạch $100
27. Quảng Diệu Linh & Dũng $100
28. Lê Tú & Nguyễn Bách $100
29. Chơn Tâm Giao & Tâm Nghĩa $100
30. Tâm Tín $50
31. Lê Thái Bình $20
32. Trần Quang Bình $10
33. Phúc Nhân, Nguyên Phú & cháu Nguyên Tuệ $50
34. Chúc Giới & Chúc Nguyên $40
35. Trương Cẩm Tú $20
36. Amy Tôn & Nathan Tôn $20
37. Dhammapala & Vicassayadi $30
38. Phương Hiếu Ngọc/Nguyên Viên/Nguyễn Phạm Thu Thảo/Chân Thủy Long $100
39. Chơn Tâm Huệ & Chon Q. Le $20
40. Kim Anh $10
41. Tâm Thiện $25
42. Thảo Trần & Đức Trần $50
43. Phật tử ẩn danh $300
44. Trần N. Minh $25
45. Liễu Duyên $20
46. Mai Anh Đào $50
47. Thân Hòa $50
48. Tâm Diệu Phú & Nguyên Tuệ $200
49. Amy Hoàng $20 (HHCĐ đến tất cả đệ tử và chúng sanh sớm thành Phật đạo)

50. Lê Ngọc Bích $50 (HHCĐ cho bà ngoại Đỗ Thị Đẳng 75 tuổi, cha mẹ, cùng anh chị em)
51. Kathy Lê $20 (HHCĐ cho con trai Thái Trường Nhân trong quân đội ở Afghanistan)
52. Diane Trần $30 (HHCĐ cho cha Trần Thy Xuy và mẹ Trịnh Thị Nhể được vãng sanh)
134 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Hình ảnh các khóa tu học Phật pháp

Thomas Jefferson Library (Arlington, VA) ngày 1 tháng 12, 2010, đến ngày 5 tháng 1, năm 2011

Sư Thanh Tâm hướng dẫn đại chúng thọ trì Đại chúng ngồi thiền theo lời hướng dẫn của Tam Quy Ngũ Giới sư Thanh Tâm

Sư Sán Nhiên thuyết giảng về Tứ Niệm Xứ vào mỗi buổi tối thứ Tư trong 6 tuần liên tiếp

Sư Sán Nhiên cùng một số anh chị em trong Hội Thiện Đức và thân hữu

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 135

136 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Chương trình thuyết giảng 37 Phẩm Trợ Đạo trong 7 tuần (20 tháng 11 đến 3 tháng 3 năm 2011) Tại Chùa Hoa Nghiêm (Fort Belvoir, VA)

Sư Sán Nhiên thuyết giảng 37 Phẩm Trợ Đạo Đại chúng ngồi thiền

Sư Thanh Tâm, thầy trụ trì Kiến Khai, một vị thầy Bangladesh và sư Sán Nhiên hồi hướng công đức sau thời thuyết giảng

Sư Sán Nhiên tại Tâm Pháp Thiền Viện Sư Sán Nhiên nói pháp thoại trong khóa lễ (Bumpass, VA) Chủ Nhật hàng tuần (Bumpass, VA)

Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988 137

138 Đại Đức Sán Nhiên Biên Soạn - 1988

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.